

Ludwig von Mises - Lược khảo

Ludwig von Mises – Lược khảo

Cuốn sách này được xuất bản với sự hỗ trợ của
VIỆN FRIEDRICH NAUMANN
Friedrich Naumann
STIFTUNG **FÜR DIE FREIHEIT**

EAMONN BUTLER

Ludwig von Mises

- Lược khảo

Phạm Nguyên Trường *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

LUDWIG VON MISES – LƯỢC KHẢO | | Butler Eamonn

Bản tiếng Việt © 2014 Nhà xuất bản Tri thức.

Cuốn sách được xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Nhà xuất bản Tri thức và Institute of Economic Affairs.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử mà không có sự cho phép của NXB Tri thức là vi phạm luật.

Ludwig von Mises – A primer/Butler, Eamonn

Copyright © Institute of Economic Affairs.

First published by The Institute of Economic Affairs, London in 2010.

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản	9
Về tác giả	11
Lời giới thiệu	13
Tóm tắt	19
1. TẠI SAO MISES LẠI LÀ NGƯỜI QUAN TRỌNG	
Đóng góp về mặt trí tuệ	25
2. CUỘC ĐỜI, SỰ NGHIỆP, TRƯỚC TÁC	
Sự nghiệp ở châu Âu và Mỹ	37
Di sản của Mises	50
3. KHOA HỌC KINH TẾ	
Tầm quan trọng của các giá trị	52
Khoa học về hành vi của con người	55
Giải thích các giá trị từ hành vi	56
Tư duy sai lầm của môn kinh tế học dòng chính	59

4. LOGIC CỦA HÀNH VI CỦA CON NGƯỜI

Nguồn gốc của việc trao đổi và giá cả	65
Cơ sở sai lầm của sách giáo khoa kinh tế học	67

5. NỀN KINH TẾ NĂNG ĐỘNG

Thay đổi là bản chất cố hữu của kinh tế học	69
Bản chất của thị trường	72
Ý nghĩa then chốt của thời gian	76

6. KINH DOANH

Kinh doanh và lợi nhuận	80
Quá trình hình thành giá	83
Giá thành sản xuất	84

7. CẠNH TRANH, HỢP TÁC VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG

Quyền tự chủ của người tiêu dùng	88
Cạnh tranh	90
Chủ nghĩa tư bản không dẫn đến nạn độc quyền	92
Chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] là nguồn gốc của nạn độc quyền	93

8. TƯ BẢN VÀ LỢI NHUẬN

Tầm quan trọng của thời gian trong lựa chọn của con người	95
Sự phức tạp của tư bản	97
Hiện tượng lợi nhuận	101

9. TIỀN TỆ VÀ LẠM PHÁT

Tiền như là món hàng trao đổi	103
Cung, cầu và giá trị của đồng tiền	104
Hậu quả của chính sách nới lỏng tiền tệ	109
Mục đích của chính sách tiền tệ	111
Bản vị hàng hóa?	112

10. TAI HỌA CỦA CHU KÌ KINH TẾ

Sự quỵến rũ của lãi suất thấp	116
Sự phát triển của chu kì kinh tế	117
Thoát ra là đau đớn	119
Lí giải của Mises-Hayek cho ngày nay	120

11. NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI [THEO MÔ HÌNH LIÊN XÔ CŨ]

Hàng hóa sản xuất và hàng hóa tiêu dùng	124
Vấn đề tính toán trong chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ]	125
Cần phải có đơn vị tính toán	127
Chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] thị trường	132

12. NHỮNG SAI LẦM CỦA CHỦ NGHĨA MARX

Những khó khăn giả định của chủ nghĩa tư bản	136
Tư tưởng và giai cấp	137
Chủ nghĩa Marx và kinh tế học cổ điển	139
Chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] và tự do	140

13. CHÍNH SÁCH CAN THIỆP VÀ BỘ MÁY QUAN LIÊU

Tái thiết trên diện rộng là tất yếu	144
Thái độ thù địch đối với chủ nghĩa tư bản	144
Những cố gắng sai lầm nhằm cải thiện chủ nghĩa tư bản	146
Chính sách can thiệp	148
Bộ máy quan liêu	151

14. CHỦ NGHĨA TỰ DO

Khuôn khổ của chủ nghĩa tự do	157
Lợi ích của chủ nghĩa tự do	159
Chủ nghĩa tự do và bình đẳng	161

**15. MỘT SỐ TRÍCH ĐOẠN NỔI TIẾNG
CỦA LUDWIG VON MISES**

Về những vấn đề của chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ]	165
Về nguy cơ của chính sách can thiệp	167
Về chủ nghĩa tự do	169
Về động cơ của tiến bộ kinh tế	170
Về tầm quan trọng của cách đánh giá của các cá nhân	172
Về tinh thần kinh doanh và cạnh tranh	173
Về lạm phát, tăng trưởng nóng và sụp đổ	176
Tác phẩm chọn lọc của Mises	177

Lời nhà xuất bản

Xin bạn đọc lưu ý, Nhà xuất bản Tri thức trân trọng giới thiệu cuốn sách *Ludwig von Mises – Lược khảo* (Ludwig von Mises – a Primer, The Institute of Economic Affairs, 2010) của Eamonn Butler, do dịch giả Phạm Nguyên Trường dịch một cách đầy đủ và mạch lạc.

Chúng tôi tôn trọng, nhưng không nhất thiết đồng tình với quan điểm, cách tiếp cận và lí giải riêng của tác giả về các vấn đề được đề cập đến trong cuốn sách.

Chúng tôi mong độc giả đọc cuốn sách này như một tài liệu tham khảo với tinh thần phê phán và khai phóng.

Xin chân thành cảm ơn!

Về tác giả

Tiến sĩ Eamonn Butler là Giám đốc Viện Adam Smith, một cơ quan nghiên cứu (think tank) có nhiều ảnh hưởng, từng viết về một loạt chính sách nhằm thúc đẩy sự lựa chọn và cạnh tranh trong việc cung cấp các dịch vụ trọng yếu. Ông tốt nghiệp các chuyên ngành kinh tế học, triết học và tâm lí học và đã bảo vệ luận án tiến sĩ triết học (PhD) tại trường Đại học St. Andrew năm 1978. Trong những năm 1970 ông còn nghiên cứu các vấn đề về hưu bổng và chăm sóc sức khoẻ cho Hạ viện Mỹ và giảng dạy triết học ở Hillsdale College, Michigan. Sau khi quay lại Anh, ông làm biên tập viên tạp chí *British Insurance Broker*, rồi trở thành Giám đốc Viện Adam Smith, mà ông đã cùng với tiến sĩ Madsen Pirie góp công thành lập. Tiến sĩ Butler có những tác phẩm về hai người đoạt giải Nobel kinh tế là Milton Friedman và F. A. Hayek, và là tác giả cuốn: *Ludwig von Mises: Cội nguồn của cuộc cách mạng trong môn kinh tế vi mô hiện đại* (Ludwig von Mises: Fountainhead of the Modern

Microeconomics)... Tác phẩm *Adam Smith - Khảo lược (Adam Smith – a Primer)*¹ của ông đã được Viện Các vấn đề Kinh tế ấn hành năm 2007. Ngoài ra, ông là đồng tác giả của khá nhiều tác phẩm về trí thông minh và kiểm tra chỉ số thông minh (IQ).

¹ Eamonn Butler, *Khảo lược Adam Smith*, Phạm Nguyên Trường dịch, NXB Tri thức, Hà Nội, 2010 - Chú thích của người dịch (ND).

Lời giới thiệu

Ngành xây dựng đang trong thời kì bùng nổ khi tôi rời Lực lượng không quân hoàng gia năm 1999. Nhưng việc đó đã chấm dứt trước khi tôi hoàn thành luận văn thạc sĩ trong lĩnh vực máy tính.

Tôi tự hỏi vì sao tất cả mọi người lại sai lầm trong cùng một lúc như thế?

Và tôi còn tìm được lí thuyết về chu kì kinh doanh của trường phái Áo và nhà kinh tế học Ludwig von Mises. Việc siết chặt tín dụng càng củng cố nhận thức của tôi về giá trị của trường phái Áo và chẳng bao lâu sau tôi và một số người bạn đã thành lập Trung tâm Cobden. Trung tâm này do Toby Baxendale khởi xướng nhằm thúc đẩy chủ nghĩa tự do truyền thống của Manchester và đưa trường phái kinh tế học Áo vào Anh, góp phần bổ sung cho công việc của Viện Các vấn đề Kinh tế trong sự nghiệp quảng bá cho những trường phái tư duy khác nhau về thị trường tự do.

Mises có thể được coi là người nổi bật nhất trong hệ thống tư duy do các học giả thuộc dòng Dominican và Jesuit thế kỉ XV và XVI ở Salamanca -

những người đầu tiên viết về kinh tế học một cách hệ thống - khởi xướng. Họ cũng như Mises biết rằng can thiệp vào sự hợp tác của những con người tự do là việc làm bất hợp lý và bất công. Ấn định giá cả bằng tiền cũng như bằng các loại hàng hóa khác là thiếu khôn ngoan và không có lợi cho quá trình sản xuất, nhưng quản lý tập trung lại suýt lại chính là: ấn định giá cả. Kết quả của nó chính là cuộc khủng hoảng mà ngày nay tất cả chúng ta đều đang phải gánh chịu.

Thành tựu của Mises làm người ta phải kinh ngạc. Ít người biết rằng F. A. Hayek từng là người xã hội chủ nghĩa cho đến khi ông hiểu được tác phẩm: *Chủ nghĩa xã hội: Phân tích về kinh tế và xã hội học* (Socialism: An Economic and Sociological Analysis) của Mises. Trong khi mọi người tìm cách kết hợp giữa chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa xã hội thì Mises, một người cá nhân chủ nghĩa, lại viết một cách đơn giản: “Xã hội là hợp tác; đây là cộng đồng đang hành động”.

Tôi rất muốn tất cả những ai tuyên bố mình là “người theo phái tự do” đều đọc cuốn *Chủ nghĩa tự do* (Liberalism)¹, tất cả những người làm trong lĩnh

¹ Ludwig Von Mises, *Chủ nghĩa tự do truyền thống*, Phạm Nguyên Trường dịch, Đinh Tuấn Minh hiệu đính, NXB Tri thức, Hà Nội, 2013 - ND.

vực ngân hàng đều đọc cuốn *Lí thuyết về tiền tệ và tín dụng* (The Theory of Money and Credit), tất cả những nhà xã hội học đều đọc cuốn *Hành vi của con người* (Human Action), và tất cả các chính trị gia đều đọc cuốn *Lí thuyết và lịch sử* (Theory and History). Những người phê phán Mises đã làm cho nhiều người quên và hiểu lầm ông: một vài sự thật đang cần được phát hiện lại.

Tôi thích nhất cuốn *Bộ máy quan liêu* (Bureaucracy) của Mises. Thực ra chỉ có hai kiểu quản lí: kiểu quản lí của cá nhân công dân và kiểu quản lí của chính phủ. Nghĩa là, bộ máy quản lí nhằm kiếm lời và bộ máy quan liêu. Nếu chúng ta không coi lợi nhuận như một giá trị mà chúng ta đã tạo ra và không coi công việc kinh doanh như là phương tiện tích cực nhằm giúp đỡ người khác thì những đóng góp cho xã hội của chúng ta cũng chẳng có mấy giá trị: giá cả không bị áp đặt trên thị trường là điều quan trọng sống còn cho các tính toán kinh tế.

Đây là lí do vì sao Mises trở thành quan trọng trong giai đoạn hiện nay: có vẻ như chúng ta đang trải qua giai đoạn mà ông gọi là “cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa can thiệp”. Trong khi chúng ta can thiệp ngày một nhiều hơn thì ngày càng thấy rõ là cơ sở cho sự giàu có của từng cá nhân lại đang giảm

đi. Những biện pháp cản trở chỉ có thể hạn chế kết quả. Việc can thiệp vào thị trường đã làm giảm hiệu quả sản xuất một cách rõ ràng: chúng ta đang chứng kiến những khoản tiền thưởng dành cho nhân viên các ngân hàng được nhà nước cứu trợ lớn đến mức nào¹. Tài sản được làm ra chứ không phải do người khác cho và chính sách hiện nay nhất định cuối cùng sẽ giết chết sự thịnh vượng, an toàn và tự do. Con đường này sẽ dẫn đến chủ nghĩa xã hội theo kiểu Đức, như David B. Smith đã trình bày trong tác phẩm *Sống với quái vật* (Living with Leviathan) và được IEA ấn hành trong thời gian qua.

Lối thoát là ngừng can thiệp và chất lượng sống của rất nhiều người phụ thuộc vào quá trình đưa ra công luận sự kiện này. Trong một thế kỉ qua, chi tiêu của nhà nước vốn chiếm khoảng 10 đến 15% GDP đã nhảy lên đến 53,4% (dự tính cho năm 2010). Điều đó có thể gợi cho chúng ta suy nghĩ về cái mà Mises gọi là “con đường thứ ba”: “Chính sách nửa vời không thể kéo dài được lâu. Đây chính là xây dựng chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] một cách từ từ”.

Mises là người viết rất nhiều và về mọi lĩnh vực, và trong cuốn *Lược khảo* này, Eamonn Butler đã

¹ Ý nói những khoản cứu trợ của các nước dành cho ngân hàng sau cuộc khủng hoảng năm 2008 - ND.

cố gắng thực hiện một nhiệm vụ vô cùng to lớn. Và cũng phải nói là ông đã rất thành công. Ông đã rút ra được, từ hàng ngàn trang nguyên tác, những điều cốt yếu trong tư tưởng của Mises. Tôi hi vọng rằng độc giả cũng đón đọc cuốn sách mỏng này với tâm trạng thích thú như tôi. Không có ông thầy nào nói với sinh viên là không cần đọc nguyên tác. Nhưng nếu chỉ giới hạn ở việc giới thiệu Mises thì cuốn *Lược khảo* của Eamonn Butler là tác phẩm tuyệt vời: nó cung cấp cho tất cả những ai muốn tìm hiểu kĩ lưỡng các tác phẩm của Mises một sự khởi đầu đầy giá trị.

Steven Baker

Tóm tắt

- Kinh tế học là môn khoa học có thể phát hiện ra các sự kiện và thậm chí có thể tiên đoán - nhưng không phải trên cơ sở quan sát và thử nghiệm mà là thông qua suy luận. Cũng như môn hình học và đại số có thể bắt nguồn từ một vài định đề đơn giản và rõ ràng, môn khoa học về hành vi của con người cũng có thể diễn dịch từ chính khái niệm về hành vi và sự lựa chọn.
- Các khái niệm kinh tế như giá cả và lợi nhuận không phải là những khái niệm khách quan mà mang tính chủ quan, phụ thuộc vào tư duy của những người liên quan. Dù có bao nhiêu tính toán thống kê cũng không thể bác bỏ được sự kiện tối quan trọng là mỗi người đều có những cách đánh giá riêng của mình và phản ứng của một nhóm người đối với các sự kiện của thị trường trong ngày hôm nay có thể không giống với phản ứng của nhóm người khác vào ngày mai. Những đánh giá như thế không thể là đối tượng cho việc phân tích về mặt toán học.

- Lợi nhuận không chỉ là lợi ích của một cá nhân và cũng không phải là thước đo hạnh phúc mà ta nhận được từ một thành công nào đó. Đúng ra, lợi nhuận là sự đánh giá của những người khác đối với những sáng kiến của chúng ta, tức là những sáng kiến đã đóng góp vào tài sản và cuộc sống của người khác. Phải được khách hàng ủng hộ thì ta mới thu được lợi nhuận. Trong xã hội thị trường, tài sản không phải là đặc quyền đặc lợi, tài sản chỉ đến với ta nếu ta cũng làm cho người tiêu dùng được lợi.
- Trong việc phân phối nguồn lực thì hệ thống thị trường hiệu quả hơn là những cuộc bầu cử chính trị, mấy năm dân chúng mới có cơ hội bầu cử một lần hoặc phải lựa chọn giữa những gói chính sách khác hẳn nhau. Mỗi đồng xu mà người tiêu dùng sử dụng trong rất nhiều thương vụ đang diễn ra hằng ngày có tác dụng như là một lá phiếu trong cuộc bầu cử bất tận, tức là cuộc bầu cử để xem một loại hàng hóa phải sản xuất với số lượng bao nhiêu và sản phẩm có được đưa đến nơi cần nhất hay không.
- Thị trường tự do không có xu hướng dẫn đến độc quyền hoặc giá cả độc quyền; ngược lại, thị trường tự do có xu hướng đa dạng hóa rất cao,

làm cho số lượng tăng lên nhưng giá cả lại giảm đi. Một vài độc quyền không thể xuất hiện nếu không có những cố gắng của chính phủ và các lực lượng chính trị muốn hạn chế cạnh tranh. Độc quyền nhất là chế độ xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ], tất cả sản phẩm ở đây đều nằm trong tay nhà nước.

- Trong chế độ xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ], tất cả hàng hóa sản xuất đều nằm trong tay sở hữu tập thể. Hàng hóa không được đưa ra thị trường, không được mua và bán, mà là sở hữu chung cho nên không bao giờ xác định được giá cả. Không có giá cả và lợi nhuận thì không thể phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả được. Quá trình ra quyết định nhuộm đầy màu sắc chính trị và quan liêu, dẫn tới những khoản đầu tư vô ích.
- Các chính sách nhằm “cải thiện” nền kinh tế thị trường trên thực tế lại có thể bóp nghẹt nó. Chính sách can thiệp có thể dẫn đến những hiệu ứng phụ trái với ước muốn ban đầu, những hiệu ứng phụ này lại được sử dụng nhằm biện hộ cho sự can thiệp tiếp theo, đến lượt nó lại tạo ra thêm vấn đề v.v. Cuối cùng, mặc dù nền kinh tế vẫn có vẻ là tư bản chủ nghĩa, nhưng đã bị chính quyền kiểm soát hoàn toàn.

- Niềm tin cho rằng các thiết chế của nhà nước có thể cải thiện được thị trường bằng cách nắm lấy những việc mà thị trường đang làm và làm tốt hơn là một sự bịp bợm đầy nguy hiểm. Thiếu vắng động cơ lợi nhuận thì không thể có cách nào đo lường được thành tựu của các cơ quan chính phủ trong việc thực hiện các mục tiêu của họ. Động cơ kinh doanh thấp, các nhà quản trị không muốn mạo hiểm và muốn trở thành những kẻ quan liêu.
- Cách chúng ta đánh giá thời gian là yếu tố cực kì quan trọng trong mỗi hành vi của chúng ta. Lợi nhuận xuất hiện là vì nói chung dân chúng thích tiêu dùng ngay bây giờ chứ không phải đợi đến tương lai. Hoãn tiêu thụ nhằm tạo ra tư bản là con đường dẫn tới sự giàu có ngày càng gia tăng.
- Tiền là một loại hàng hóa, nhưng mục đích của nó không phải là sản xuất, cũng chẳng phải là tiêu dùng. Mục đích của nó là trao đổi. Bằng cách phát hành tiền, chính phủ có thể tạo ra sự phát triển nóng giả tạo, nhưng sau đó nhất định sẽ là một vụ suy sụp. Quá trình điều chỉnh đau đớn diễn ra khi những khoản đầu tư sai lầm bị thanh lí. Hệ thống tiền tệ ổn định phải dựa trên hàng hóa chuẩn, ví dụ như vàng.

TẠI SAO MISES LẠI LÀ NGƯỜI QUAN TRỌNG

Ludwig von Mises (1881-1973) là một trong những nhà kinh tế học và chính trị học nổi bật nhất của thế kỉ XX. Ông là người đứng đầu, đồng thời là người củng cố và hệ thống hóa “Trường phái kinh tế học Áo”.

Mises cho rằng các nhà kinh tế học phải công nhận là mọi việc họ xử lí đều có nguồn gốc từ cách đánh giá và hành vi của những con người khác nhau. Nếu các nhà kinh tế học cũng làm như các nhà khoa học tự nhiên, tức là tìm kiếm những mối liên kết có tính cơ học giữa các số liệu như cầu và cung gộp, thì đấy là việc làm vô ích vì chúng đơn thuần chỉ là những con số thống kê, không tính đến sự đa dạng của con người và những giá trị thúc đẩy hoạt động kinh tế của những con người đó.

Hơn nữa, ông khẳng định rằng kinh tế học là khoa học diễn dịch: các nguyên tắc của nó có thể được suy ra từ chính sự tồn tại và bản chất của những mục đích và hành vi của con người.

Mises còn biện luận rằng thị trường tự do không bị làm cho méo mó đi là hệ thống kinh tế duy nhất có thể hoạt động được. Chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] không thể thành công được vì không có giá cả, nó không thể tính toán đúng được giá thành của bất cứ hành động nào. Vì vậy mà ông coi tất cả những cố gắng của chính phủ nhằm “cải thiện” nền kinh tế thị trường đều chắc chắn những hành động phá hoại. Thực vậy, bằng việc bác bỏ một cách quyết liệt tất cả các loại thuế nhập khẩu và tài trợ, bãi bỏ việc kiểm soát giá cả và tiền lương, bãi bỏ hạn chế việc luân chuyển tự do người và hàng hóa và sự can thiệp của chính phủ vào đời sống cá nhân, Mises đã đặt ra tiêu chuẩn cho thị trường tự do cấp tiến, cho chính sách laissez-faire và chủ nghĩa tự do¹.

Sau khi trở thành hội viên của Hiệp hội các nhà kinh tế học Mỹ năm 1969, Mises đã viết chín cuốn sách, đa số là những cuốn dày và rất có ảnh hưởng.

¹ Chủ nghĩa tự do được dùng theo nghĩa mà Mises vẫn dùng, tức là theo cách hiểu của châu Âu về quyền tự do cá nhân và nhà nước có giới hạn.

Tại sao Mises lại là người quan trọng

Số lần in và tái bản ở nước ngoài đạt tới con số 46. Sau khi ông mất ở tuổi 93 vào năm 1972, số lần dịch, tái bản các tác phẩm và tuyển tập của ông còn nhiều hơn nữa¹.

Đóng góp về mặt trí tuệ

Thật là một sự xúc phạm nếu ta muốn lựa ra một vài đóng góp có giá trị nhất từ di sản to lớn và đa dạng như thế. Nhưng dù sao sáu tiêu đề dưới đây có thể giúp chỉ rõ cả chiều rộng lẫn chiều sâu thành quả tri thức của ông.

Kinh tế học là nghiên cứu cá nhân

Trước hết, Mises phát triển và hệ thống hóa cách tiếp cận kinh tế học gọi là chủ nghĩa chủ quan. Nghĩa là, muốn hiểu kinh tế học một cách đúng đắn ta phải quay trở lại với hành vi và động cơ của các cá nhân khi họ lựa chọn, họ bán và mua. Các nhà kinh tế học dòng chính bàn về ảnh hưởng của một biến số kinh tế vĩ mô (ví dụ như mức giá) lên một biến số khác (ví dụ như cầu gộp).

¹ Về cuộc đời và sự nghiệp của Mises, xin đọc thêm tác phẩm E. Butler, *Ludwig von Mises: Fountainhead of the Modern Microeconomics Revolution*, Gower, Brookfield, VT, and Aldershot, 1988.

Nhưng Mises cho rằng như thế là bỏ qua ngay chính lực đẩy của toàn bộ hệ thống, tức là bỏ qua động cơ và hành vi của những người có liên quan. Trên thực tế, không có cái gọi là “mức giá” - giá cả trên thị trường không dâng lên và hạ xuống đồng loạt như nước trong bồn tắm - làm tiêu chuẩn cho thị trường tự do. Ngược lại, có hàng triệu giá riêng biệt, tất cả đều lên xuống từng giây từng phút. Thật khó mà tưởng tượng được là ta có thể nắm bắt và ghi được tất cả các giá cả đó tại một thời điểm nào đó; thêm nữa, việc tính giá trị trung bình của chúng cũng chẳng giúp ích gì: ngay sau đó tất cả đều đã thay đổi. Tương tự, cầu là số lượng một loại hàng hóa cụ thể nào đó mà dân chúng quyết định mua - cộng gộp số táo, gạch, số người đi cắt tóc, pho mát, giày, các chuyến đi du lịch, máy khâu, kính, máy đếm tiền hay thuốc diệt cỏ mà dân chúng mua cũng chẳng cho ta số liệu thống kê hữu ích nào. Cầu về táo có thể ảnh hưởng đến giá táo, nhưng dường như không ảnh hưởng nhiều đến giá máy khâu chẳng hạn. Những món hàng cụ thể, đặc thù nào đó, có thể ảnh hưởng đến những món hàng khác, nhưng số liệu trung bình và cộng gộp của các nhà kinh tế học dòng chính chỉ là kết quả thống kê của quá trình chứ không phải là cái tạo ra quá trình đó.

Xin nhớ, Mises nói, cách chúng ta phản ứng với các sự kiện như giá cả là không thể dự đoán được, bởi xét cho cùng, chúng ta cũng chỉ là con người mà thôi. Giá cả của một món hàng cụ thể thay đổi chắc chắn là có làm cho người ta cân nhắc khi chi tiêu; nhưng, những người khác nhau - thậm chí vẫn những người ấy trong những thời điểm khác nhau - có thể sẽ phản ứng hoàn toàn khác nhau. Ví dụ, giá đường tăng có thể làm cho một số người cuồng quýt mua vì sợ hết hàng, trong khi những người khác có thể coi đây là cơ hội giảm ăn đường để chuyển sang những món ăn có lợi cho sức khoẻ hơn.

Cho nên không thể có mối liên kết mang tính cơ học nào giữa các số liệu chung chung của các nhà kinh tế học dòng chính. Tất cả đều phụ thuộc vào sự lựa chọn khác nhau và không thể dự đoán được của các cá nhân, những người có những ưu tiên luôn thay đổi và khác nhau. Điểm xuất phát của đời sống kinh tế hoàn toàn mang tính chủ quan và cá nhân như thế gây khó khăn cho các nhà kinh tế học vĩ mô, việc tìm kiếm mối tương quan không thay đổi giữa các số liệu thống kê của họ chắc chắn là sai lầm. Và nó cũng tạo ra cho các nhà toán kinh tế, những người cố gắng đưa những con số này vào trong một mối tương quan đầy ảo tưởng, rất nhiều vấn đề không thể giải quyết được.

Mises không phải là người đầu tiên đưa ra cách tiếp cận như thế. Nguyên tắc này được Carl Menger trình bày trong tác phẩm *Các nguyên lí của kinh tế học* (Principles of Economics), xuất bản năm 1871, và đã trở thành đặc điểm quyết định của Trường phái Áo do chính Menger sáng lập. Đóng góp chủ yếu của Mises là ông đã áp dụng tư tưởng này một cách triệt để và có hệ thống, xuyên suốt tất cả các vấn đề kinh tế. Trong quá trình đó ông đã giải quyết được nhiều vấn đề mà trước đó người ta cho là không thể và đã chỉ ra những sai lầm căn bản của môn kinh tế học dòng chính.

Bản chất và hoạt động của đồng tiền

Ví dụ như cách Mises khám phá ra bản chất thực sự và vai trò của đồng tiền, tác nhân cực kì quan trọng đối với đời sống kinh tế. Các nhà kinh tế học dòng chính coi tiền chỉ là phương tiện trao đổi. Nó không phải là “hàng hóa kinh tế” mà người ta “cần” hay người ta “tiêu thụ” vì nhu cầu tự thân của nó (ngoại trừ những kẻ keo kiệt bẩm sinh). Vì vậy mà dường như nó chỉ là thước đo mang tính tiêu chuẩn của giá trị chứ không phải là một cái gì đó có giá trị, mà giá trị của nó lại phụ thuộc vào cách đánh giá của các cá nhân.

Nhưng Mises còn chỉ ra rằng chính các lực lượng của thị trường, tức là những lực lượng quyết định giá cả của tất cả các loại hàng hóa đồng thời cũng quyết định luôn “giá cả” của đồng tiền. Ví dụ, số tiền mà người ta cần - họ muốn giữ một số tiền nào đó trong ví, trong ngăn kéo hay tài khoản ngân hàng - phụ thuộc vào suy nghĩ của người ta về lợi ích mà đồng tiền có thể mang lại cho họ trong những vụ trao đổi trong tương lai. Nhưng cũng giống như nhiều hàng hóa khác, tiền là của hiếm: người ta càng đánh giá cao lợi ích của nó trong việc trao đổi thì người ta càng cần nhiều tiền, và như thế giá trị của đồng tiền lại càng cao - đây là cái mà ta gọi là sức mua của đồng tiền.

Việc phân tích một cách triết để như thế là một thành tựu làm người ta phải ngạc nhiên, nhất là Mises viết về vấn đề này khi mới ngoài ba mươi tuổi. Ông chỉ ra rằng tiền không phải là một cái gì đó tách biệt và phi cá tính, mà nó thể hiện cách đánh giá của con người; ông đã đưa đồng tiền vào lĩnh vực phân tích thị trường.

Chu kì kinh tế

Quan niệm thấu triết như thế đã giúp Mises giải thích vấn đề đã từng làm các nhà kinh tế học lúng túng trong một thời gian dài, đây là chu kì

kinh tế - sự lên xuống của giá cả và thu nhập, sự thăng giáng theo chu kì trong hoạt động kinh tế đã được người ta ghi nhận trong những năm qua. Ông chỉ ra rằng tín dụng gia tăng một cách đột biến chính là nguyên nhân cơ bản của các chu kì - mà bao giờ cũng do ngân hàng trung ương và các nhà chính trị khởi xướng cả.

Ít nhất là từ thế kỉ XVIII, các nhà kinh tế học đã biết rằng vì lí do nào đó, khi lượng tiền mặt lưu hành tăng lên thì dân chúng sẽ cảm thấy giàu có hơn và chi tiêu nhiều hơn; nhưng tiêu thêm thì lại đẩy giá lên, chẳng ai được lợi lộc gì. Đây là câu chuyện về lạm phát. Nhưng Mises và đồng nghiệp của ông là Friedrich Hayek thấy rằng vấn đề còn tồi tệ hơn thế. Sự bùng nổ chi tiêu làm cho các doanh nhân tin rằng nhu cầu đối với sản phẩm của họ thực sự gia tăng. Trong khi đó nới lỏng tín dụng làm cho lãi suất vốn vay giảm đi. Cho nên các doanh nghiệp vay nhiều hơn để đầu tư và sản xuất ra nhiều hơn.

Nhưng đây là đầu tư sai: đầu tư quá nhiều hoặc quá ít, vì nó dựa trên tín hiệu sai lầm về giá cả. Chẳng bao lâu sau, việc chi tiêu vung tay quá trán của xã hội sẽ dừng lại do giá cả leo thang. Và do lãi suất thấp, người ta không còn muốn tiết kiệm tiền để đầu tư cho những dự án đầu tư mới của doanh nghiệp nữa. Các doanh nhân lúc đó mới nhận ra

rằng họ như đang nằm trên đe dưới búa: nhu cầu thì giảm nhưng lãi suất vốn vay lại tăng. Các dự án đầu tư mới của họ sẽ phải thanh lí, còn nguồn lực thực sự thì bị mất trắng. Sự bùng nổ kinh doanh sai lầm dẫn đến hậu quả là một vụ sụp đổ đầy đau đớn. Theo Mises, phải hạn chế một cách nghiêm khắc việc in tiền - sử dụng vàng làm tiêu chuẩn - mới có thể ngăn chặn được các chu kì kinh tế và những thiệt hại mà chúng gây ra. Các nhà kinh tế học trước Mises đã từng nghĩ đến chu kì kinh tế. Nhưng Mises đã tạo nên một cú đột phá bằng cách liên kết những tư tưởng khác nhau - về tín dụng, về cơ cấu sản phẩm và về lãi suất - vào một lí thuyết thống nhất về tăng trưởng nóng và suy thoái kinh tế. Đây là một thành tựu đáng kinh ngạc nữa.

Tư bản, lợi nhuận và thời gian

Mises còn giúp chúng ta hiểu rõ hơn bản chất của tư bản và lợi nhuận. Lợi nhuận, ông khẳng định, không phải là một sự kiện đã chết của tự nhiên, không phải là sự “đền đáp” một cách tự động cho số tiền tiết kiệm được. Đúng ra, lợi nhuận phụ thuộc vào cách mà các cá nhân liên quan đánh giá tương lai - đặc biệt là liệu họ có nghĩ rằng nên hoãn chi tiêu ngày hôm nay để mua lưới đánh cá, mua cà và máy móc, tức là những thứ sẽ tạo ra

nhiều sản phẩm hơn vào ngày mai hay không. Và sự thỏa hiệp giữa tiêu dùng ngày hôm nay và tiêu dùng nhiều hơn vào ngày mai cho ta thấy tầm quan trọng quyết định của thời gian trong tất cả các tính toán kinh tế - các cuốn sách giáo khoa kinh tế dòng chính đã bỏ qua hoặc hiểu sai điều này.

Nhưng, trong khi cố gắng đơn giản hóa các vấn đề, những cuốn sách giáo khoa đó còn phạm phải một sai lầm chết người nữa. Mises (trên cơ sở công trình khoa học của một nhà kinh tế học tiền bối Trường phái Áo tên là Eugen von Böhm-Bawerk) khẳng định rằng tư bản chỉ tồn tại trong những tư bản phẩm đặc thù, không cái nào giống cái nào. Ví dụ như cái búa hơi nước khác hẳn với cái đe và cái vồ, đây là nói theo nghĩa giá cả, chức năng, mức độ dễ dàng trong sử dụng và vận chuyển. Như vậy là, phân loại một cách chính xác tư bản phẩm mà ta có thể có ý nghĩa tối quan trọng đối với sự tiến bộ của nền kinh tế chúng ta. Bằng cách dồn tất cả các loại tư bản phẩm khác nhau vào một phạm trù đơn giản là “tư bản”, các nhà kinh tế học vĩ mô đã bỏ qua khả năng là dân chúng đang đầu tư vào các loại tư bản phẩm không cần thiết, tức là đầu tư không đúng hướng, như Mises đã chỉ rõ trong công trình viết về chu kỳ kinh tế của mình, chắc chắn sẽ dẫn đến những mất mát trên thực tế.

Hạch toán trong chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] là việc làm bất khả thi

Bác bỏ chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] trên cơ sở cho rằng không còn thị trường thì mọi tính toán trong lĩnh vực kinh tế đều là việc làm bất khả thi là đóng góp quan trọng thứ năm của Mises. Khi mà tất cả các phương tiện sản xuất đều nằm trong tay nhà nước, nghĩa là không bao giờ có chuyện mua và bán chúng thì cũng không có cách nào định giá được chúng. Vì vậy mà chúng ta cũng không thể biết được rằng trong số những quy trình sản xuất khả dĩ, quy trình nào là rẻ nhất và như vậy sẽ không thể tiến hành lựa chọn quy trình sản xuất theo lối duy lý được. Chắc chắn là quy trình sản xuất đắt hơn sẽ được chọn, và nguồn lực sẽ bị phí phạm. Ngược lại, nền kinh tế thị trường tạo áp lực cạnh tranh lên các nhà sản xuất, buộc họ phải lựa được quy trình sản xuất hiệu quả nhất về mặt giá cả - như vậy là giảm được mất mát và giữ được các nguồn lực quan trọng sống còn cho những mục đích khác.

Đây là luận cứ đặc biệt có giá trị trong những cuộc tranh luận dữ dội về chủ nghĩa xã hội ở châu Âu trong suốt những năm đầu thế kỉ XX. Đáp lại, các lí thuyết gia theo trường phái xã hội chủ nghĩa đề xuất mô hình "chủ nghĩa xã hội [theo mô hình

Liên Xô cũ] thị trường”; trong đó, các nguồn lực sẽ được phân phối “như thể” thị trường có tồn tại, họ còn khẳng định rằng vấn đề lựa chọn giữa những khả năng sản xuất khác nhau thực ra chỉ là giải một bài toán gồm rất nhiều phương trình mà thôi.

Nhưng Mises phản bác rằng chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] thị trường chỉ có thể hoạt động được khi tồn tại giá thị trường thực sự để cho nó bắt chước, cho nên nó không thể mở rộng được; hoặc sẽ chẳng còn giá thị trường nào mà bắt chước nữa. Nói về ý tưởng lập kế hoạch bằng cách tính toán, thì ở đây người ta đã bỏ qua sự kiện là hoàn cảnh chắc chắn sẽ thay đổi trong khi kế hoạch đang được tiến hành: các nhà toán học sẽ chẳng bao giờ có các số liệu “cùng một lúc” để mà giải quyết - trước hết là không thể nào thu thập và xử lý nổi nhiều số liệu đến thế. Nói cách khác, chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] là lí thuyết còn nhiều bất cập.

Giảng dạy và ảnh hưởng

Mises có tầm ảnh hưởng sâu rộng cho đến tận ngày nay. Friedrich Hayek, người học trò nổi tiếng nhất của ông đã giành được giải Nobel vì những công trình nghiên cứu của hai người về chu kì kinh doanh. Một người ngưỡng mộ ông tên là Lionel

Robbins (sau này được phong danh hiệu Huân tước), trở thành cố vấn cho chính phủ Anh; một người nữa là Jacques Rueff, trở thành cố vấn kinh tế cho tướng de Gaulle ở Pháp, và người thứ ba là Luigi Einaudi, trở thành tổng thống nước Italy.

Trên thực tế, Mises có ảnh hưởng đối với cả một thế hệ những nhà kinh tế học theo đường lối thị trường tự do và những nhà tư tưởng theo đường lối xã hội tự do, trong đó có Fritz Machlup (người mở đường cho kinh tế học của xã hội thông tin), Gottfried Haberler (người đã viết những tác phẩm có ảnh hưởng về thương mại quốc tế, cơ hội, tỉ giá và hiệu quả sản xuất), Israel Kirzner (nổi tiếng vì công trình nghiên cứu về kinh doanh), Murray Rothbard (tác giả cuốn *Con người, Kinh tế và Nhà nước* – *Man, Economy and State*), một cuốn sách được coi là kinh điển của trường phái tự do cá nhân), và rất nhiều người khác nữa. Ở cả châu Âu và Mỹ đều có những viện nghiên cứu mang tên ông. Sách của ông được các trường đại học và cao đẳng trên khắp thế giới sử dụng. Và những tư tưởng không hề biết đến bất kì tín hiệu nào của ông tiếp tục được truyền bá.

CUỘC ĐÒI, SỰ NGHIỆP, TRƯỚC TÁC

Sự nghiệp ở châu Âu và Mỹ

Ludwig von Mises sinh năm 1881, ở Lemberg, Galicia (bây giờ là thành phố Lviv ở Ukraine), con của một người hoạt động trong ngành cung cấp tài chính và xây dựng đường sắt¹. Ông lớn lên chủ yếu ở Vienna, vào đại học năm 1900 và tốt nghiệp tiến sĩ luật và kinh tế năm 1906. Giống như đa số sinh viên hồi đó, ban đầu ông tin rằng nhà nước cần phải can thiệp vào kinh tế, nhưng tác phẩm *Các nguyên lí của kinh tế học* của Carl Menger đã cho ông thấy tầm quan trọng của thị trường tự do và tin rằng sự lựa

¹ Về tiểu sử của Mises xin đọc thêm các tác phẩm sau đây: *Ludwig von Mises, Notes and Recollections*, Liberation Press, South Holland, IL, 1978. Cũng xem *Eamonn Butler, Ludwig von Mises: Fountainhead of the Modern Microeconomics Revolution*, Gower, Brookfield, VT, and Aldershot, 1988.

chọn của các cá nhân chính là nền tảng vững chắc của nhu cầu kinh tế.

Chức vụ đã giữ trong lĩnh vực kinh tế

Sau khi tốt nghiệp, Mises vào làm cho Phòng Thương mại Áo, một tổ chức bán chính thức, làm nhiệm vụ cố vấn cho chính phủ Áo về lĩnh vực chính sách kinh tế. Không lâu sau ông đã trở thành một nhà phân tích lỗi lạc - danh hiệu này càng được củng cố thêm sau khi ông xuất bản tác phẩm bất hủ: *Lí thuyết về tiền tệ và tín dụng* năm 1912.

Mises muốn được đứng trên bục giảng của các trường đại học, nhưng ông không phát triển được trong nghề này - ông tin rằng trở ngại là do những quan điểm về thị trường tự do, phóng khoáng không hợp với giới hàn lâm lúc đó. Năm 1913 ông bắt đầu giảng dạy ở trường Đại học Tổng hợp Vienna; nhưng chỉ là một giảng sư ngoại ngạch, sống chủ yếu bằng thù lao chứ không phải bằng lương của nhà trường.

Sau khi đi nghĩa vụ trong thời gian diễn ra Thế chiến I, Mises trở thành Giám đốc Ủy ban Bồi thường. Ông đã gặp và đề nghị một nhà kinh tế học trẻ tuổi là Friedrich Hayek cùng cộng tác với mình; từ đó ông có điều kiện chấm dứt vai trò giảng sư để chuyên tổ chức những buổi hội thảo

quy tụ được rất nhiều học giả theo trường phái tự do đầy tài năng lúc đó.

Nghiên cứu hàn lâm

Năm 1922 Mises cho xuất bản một tác phẩm bất hủ khác, cuốn *Chủ nghĩa xã hội*. Ông vẫn tiếp tục quan tâm đến vấn đề tiền tệ và tín dụng, và năm 1927 ông thành lập Viện Nghiên cứu Chu kì Kinh tế Áo, cùng làm việc với Hayek ở đây. Cùng năm đó ông cho xuất bản tác phẩm *Chủ nghĩa tự do*, trong đó ông đúc kết và tái tuyên bố những nguyên tắc nền tảng của chủ nghĩa tự do.

Các công trình nghiên cứu chu kì kinh tế càng làm Mises thêm lo lắng về tình hình kinh tế của nước Áo. Đây là giai đoạn lạm phát phi mã ở Đức, nước Áo cũng không tránh được. Đồng bạc mất giá đến mức 14.400 đồng tiền giấy mới đổi được một đồng tiền vàng. Mises tiên đoán rất đúng rằng lạm phát phi mã trong những năm 1920 chắc chắn sẽ dẫn đến những sụp đổ dây chuyền của hệ thống tín dụng và ngân hàng

Mises vui vẻ nhận ngay lời mời làm Giáo sư quan hệ kinh tế quốc tế tại Viện Nghiên cứu Quốc tế ở Geneva - mặc dù ông vẫn tiếp tục làm việc bán thời gian cho Phòng Thương mại Áo cho đến khi Hitler thôn tính Áo năm 1938. Nhưng nguồn gốc

Do Thái và thái độ chống chủ nghĩa toàn trị quyết liệt của ông buộc ông phải rời bỏ nước Áo và làm cho chính phủ Thụy Sĩ cảm thấy khó xử: năm 1940 ông và vợ, bà Margit, di cư sang Mỹ và trở thành công dân của nước này vào năm 1946¹.

Sáng tác và giảng dạy ở Mỹ

Mặc dù đã có uy tín từ trước đó, nhưng khi đến New York thì Mises đã ngoài 60 tuổi, và ông đã đấu tranh để tìm cho bằng được một vị trí trong giới hàn lâm. Có thể khả năng Anh ngữ tương đối kém cũng như thái độ thiếu hòa nhã đã làm hại ông. Tuy nhiên, từ năm 1945 đến năm 1949 ông vẫn giảng dạy ở trường Đại học Tổng hợp New York, nhưng cũng chỉ là giáo sư thỉnh giảng không lương. Nhưng đây lại là giai đoạn hoạt động tích cực của ông. Như thời còn ở Vienna, Mises lôi kéo được rất nhiều sinh viên và giáo viên có tài tham gia các buổi hội thảo của mình. Ông viết một loạt tác phẩm, như *Bộ máy quan liêu* (Bureaucracy), *Chính phủ toàn trí toàn năng* (Omnipotent Government), *Tâm lý bài tư bản* (The Anti-capitalist Mentality) và *Lý thuyết và lịch sử* (Theory and History), những tác phẩm phơi bày rõ những khiếm khuyết của tư tưởng phi-tự do và

¹ Người em của ông là Richard, một chuyên gia nổi tiếng trong lĩnh vực toán ứng dụng đã di cư sang Mỹ một năm trước đó.

chứa đựng những quan điểm thấu triệt quan trọng và mới mẻ về phương pháp của khoa kinh tế học. Năm 1949 ông cho xuất bản tác phẩm *Human Action*, một tác phẩm liên kết kinh tế học và chủ nghĩa cá nhân thành một tổng thể đầy ấn tượng. Đây được coi là công trình vĩ đại nhất đời ông.

Những năm cuối đời, ông được trao rất nhiều bằng danh dự và tước vị. Vị trưởng thượng của Trường phái kinh tế Áo mất vào tháng 10 năm 1973. Đúng một năm sau đó, Friedrich Hayek, người học trò và cũng là người bạn thân của Mises nhận giải Nobel kinh tế cho những công trình về lí thuyết chu kì kinh tế mà hai người đã cùng góp công khai phá.

Trước tác về kinh tế học, khoa học chính trị và phương pháp

Suốt cuộc đời, lúc nào Mises cũng sẵn sàng bảo vệ những quan điểm chống-nhà-nước-toàn-năng¹ của mình một cách quyết liệt nhất. Ngay buổi họp mặt đầu tiên của hội Mont Pèlerin - một nhóm các nhà tư tưởng theo xu hướng xã hội tự do do Hayek thành lập năm 1947 - trong một cuộc thảo luận về thuế thu nhập lũy tiến, Mises đã có phản ứng và tuyên bố: "Tất cả các vị đều là bọn xã hội chủ nghĩa

¹ Tạm dịch cụm từ anti-statist beliefs, xem chú thích chủ nghĩa quốc gia (statism) ngay sau đây.

[theo mô hình Liên Xô cũ]”. Còn khi Fritz Machlup, một môn đồ hết lòng với ông, tỏ ý nghi ngờ tính hữu lí của việc lấy vàng làm bản vị tiền tệ thì Mises đã cắt đứt quan hệ với ông này trong ba năm.

Có thể, chính nhờ kinh nghiệm của cuộc nội chiến ở châu Âu mà Mises biết được nguy cơ tiềm ẩn trong việc thỏa hiệp với chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ]. Nhưng tư tưởng xã hội chủ nghĩa lại được nhiều người ưa chuộng và chính quan điểm không khoan nhượng của Mises đã cản trở sự thăng tiến của ông trong giới hàn lâm. Ngay cả những công trình lí thuyết cô đọng nhất của ông cũng thường chứa đầy những cuộc luận chiến nóng bỏng chống lại khuynh hướng nhà nước toàn năng¹ - một vấn đề mà người đọc trong giới hàn lâm coi là chưa được giải quyết.

Việc Mises viết bằng tiếng Đức cũng là một trở ngại vì lúc đó các nhà kinh tế học đều tập trung chú ý vào những người viết bằng tiếng Anh như Fisher, Marshall và Keynes. Vì không nằm trong giới trí thức truyền thống cho nên các công trình của ông thường không được dịch ngay; một số bản dịch lại không thể hiện được chính xác nguyên tác. Ngay cả

¹ Tạm dịch từ statism: lí thuyết và hoạt động ủng hộ cho việc tập trung sức mạnh kinh tế và chính trị vào tay nhà nước, kết quả là địa vị của cá nhân và cộng đồng (xã hội dân sự) trở nên yếu đi so với nhà nước.

khi viết bằng tiếng Anh, tức là khi đã định cư ở Mỹ, giọng văn của ông cũng không được trôi chảy: ý nghĩa rối rắm và do cách chọn từ của ông nên thường bị bóp méo đi. Đôi khi, chỉ trong vài trang sách ông đã chuyển từ những lí luận đầy tính hàn lâm sang những lời thoá mạ cay độc nhất nhằm chống lại những tư tưởng mà ông cho là yếu kém. Những lời đả kích chua cay ấy có thể đã làm độc giả xa lánh. Nhưng ngay cả như thế, ông vẫn xứng đáng được nghiên cứu một cách kĩ lưỡng vì tác phẩm của ông vẫn rất mới, vẫn đầy sức mạnh và có liên quan đến ngày hôm nay.

Những tác phẩm viết về lí thuyết kinh tế

Cuốn *Lí thuyết về tiền tệ và tín dụng* xuất bản năm 1912 là một thành công rực rỡ. Đề tài rộng và tỉ mỉ trong chi tiết, tác phẩm này đã biến phân tích kinh tế vi mô thành lí thuyết về tiền tệ, tín dụng và lạm phát. Tác phẩm này tạo được ảnh hưởng lớn ở châu Âu, mặc dù ở Anh và Mỹ nó đã bị cách tiếp cận của kinh tế vĩ mô do Irving Fisher đưa ra một năm trước đó làm lu mờ. Nhưng công trình nghiên cứu về tiền tệ và tín dụng, và đặc biệt là lí giải của ông về chu kì kinh tế như là kết quả không thể tránh được của những vụ đầu tư sai lầm do được cấp tín dụng vẫn là một trong những đóng góp quan trọng nhất của Mises cho khoa kinh tế học. *Human Action* là một thành tựu vĩ đại

nữa của ông; đây là lời khẳng định dứt khoát rằng kinh tế học chỉ là một phần của môn khoa học bao trùm hơn về hành vi của con người mà ông gọi là praxeology (môn học về hành vi của con người). Các nguyên lý của kinh tế học có thể được rút ra từ một vài tiền đề về mục tiêu và sự lựa chọn của con người. Nó tập trung chú ý xem xét cách thức các cá nhân phản ứng với các sự kiện và vai trò tối quan trọng của thời gian, sự bất định và xét đoán trong những quyết định như thế - tất cả những điều này đều bị môn kinh tế học vĩ mô dòng chính bỏ qua. Trên nền tảng như thế, *Human Action* cung cấp cho chúng ta cách hiểu mới mẻ về bản chất thật sự của đồng tiền, của hiện tượng độc quyền, cạnh tranh, lạm phát, vai trò của chính phủ và rất nhiều vấn đề khác nữa.

Các hệ thống của tổ chức xã hội

Mises tin rằng kinh tế học, nếu hiểu đúng, có thể cung cấp cho ta một bản chỉ dẫn quan trọng về những kiểu tổ chức kinh tế hoặc xã hội khả thi cũng như những loại tổ chức bất khả thi. Tác phẩm *Quốc gia, Nhà nước và Nền kinh tế* (Nation, State and Economy), xuất bản năm 1919, là một ví dụ tuyệt vời. Tác phẩm này nói rằng các dân tộc, quá nhiệt tình trong việc bảo vệ nền văn hóa của mình, thường tìm cách ngăn cản việc nhập cư và tạo ra những rào chắn chống lại các nhóm khác. Hậu quả

là làm cho một số dân tộc bị mắc kẹt trong những khu đông đúc và nghèo đói, làm cho họ càng thêm tức giận và kích thích họ tìm cách chiếm đoạt vùng lãnh thổ mà họ “cần”. Nhưng chỉ chính phủ mới có khả năng tạo ra những rào cản làm bùng phát những cuộc xung đột như thế; chỉ khi bãi bỏ các rào cản thì chính phủ mới chấm dứt được xung đột.

Như vậy, chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] chính là phương thức tạo ra xung đột. Các nền kinh tế xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ] phải tự bế quan toả cảng; hoặc việc di cư sẽ phá hỏng những kế hoạch đã được chuẩn bị kĩ lưỡng của họ. Tất cả các nước xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ] vốn đã là những nước theo đường lối đế quốc: các nền kinh tế tư bản chủ nghĩa bao giờ cũng tươi sáng hơn, cho nên muốn giữ được huyền thoại về tính ưu việt của mình họ sẽ buộc phải biến tất cả các nước khác thành xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ].

Mises đã phát triển những quan điểm này trong *Chủ nghĩa xã hội*, một tác phẩm vĩ đại nữa của ông, được xuất bản năm 1922. Tác phẩm này có nhiều điểm làm người ta phải nhức nhối, nhưng choáng váng nhất là luận điểm nói rằng trong chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] người ta sẽ không thể nào tính toán được hiệu quả kinh tế: không có giá cả

thì không làm sao biết được sản phẩm sản xuất ra có hiệu quả về mặt kinh tế hay không.

Cuốn *Phê phán chủ nghĩa can thiệp* (Critique of Interventionism) xuất bản năm 1929 chỉ rõ rằng chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] được pha loãng ra cũng chẳng có gì hay ho hơn. Tác phẩm này giải thích rằng bất cứ sự can thiệp nào vào thị trường cũng đều tạo ra những phản ứng phụ không mong muốn và không lường trước được. Ví dụ như giữ giá sữa thấp sẽ làm gia tăng nhu cầu nhưng làm giảm lợi nhuận, các nhà cung cấp không còn muốn cung cấp nữa. Thiếu hụt chắc chắn sẽ xảy ra: chính phủ lại phải can thiệp và cứ như thế, chẳng mấy chốc việc can thiệp một cách từ từ sẽ biến thành chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] triệt để. Là một nhà luận chiến vĩ đại, Mises còn tiếp tục trở lại chủ đề này trong các tác phẩm khác, ví dụ như *Kế hoạch hóa vì tự do và chính sách kinh tế* (Planning for Freedom and Economic Policy).

Trong chuyên khảo ngắn có tên *Bộ máy quan liêu*, xuất bản năm 1944, Mises đã chỉ ra vì sao những viên chức dân sự không bao giờ có thể trở thành doanh nhân được. Kinh doanh, Mises nói, bao giờ cũng phải trực diện với một thách thức đơn giản: lợi nhuận; nhưng các cơ quan của chính phủ lại đối mặt với một vấn đề không thể giải quyết

được: những yêu cầu chính trị bất tận và luôn luôn cạnh tranh với nhau. Trong tác phẩm *Chính phủ toàn trí toàn năng*, xuất bản năm 1944, ông còn tái khẳng định rằng chính sách can thiệp sẽ làm giảm hiệu quả sản xuất và dẫn tới nhu cầu phải chiếm những khu vực mang lại nhiều lợi nhuận hơn, châm ngòi cho chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa đế quốc, nghĩa là dẫn tới chiến tranh.

Tác phẩm *Chủ nghĩa tự do*, xuất bản năm 1927, là một lời tuyên bố ngắn gọn và súc tích về một sự lựa chọn duy nhất có thể chấp nhận được. Tác phẩm này nói rằng thịnh vượng kinh tế phụ thuộc vào chuyên môn hóa và thương mại. Nhưng chuyên môn hóa và thương mại chỉ có thể tồn tại khi phương tiện sản xuất nằm trong tay tư nhân và người dân được tự do trao đổi. Điều đó đòi hỏi phải có hòa bình và tự do, mà kinh nghiệm lại cho chúng ta thấy rằng muốn có hòa bình và tự do thì lại phải có quyền chính trị và quyền công dân bình đẳng. Những người theo phái tự do phải ngăn chặn vai trò của chính phủ nhằm thúc đẩy những quyền này và bảo vệ hòa bình: các chính phủ dễ dàng gặm nhấm quyền sở hữu tư nhân nếu họ có quyền làm như thế. Tuy nhiên, chủ nghĩa tự do là lực lượng bảo vệ hòa bình. Mises nói: người dân sống nhờ vào buôn bán với người khác thì họ không muốn đánh nhau.

Những tác phẩm viết về phương pháp luận

Mises viết ba cuốn về lí thuyết kinh tế và phương pháp. Đây là cuốn *Những vấn đề nhận thức luận của kinh tế học* (Epistemological Problems of Economics), xuất bản năm 1933, trong đó ông đưa ra luận điểm cho rằng khác với vật lí học, kinh tế học không phải là khoa học thực nghiệm, mà là hệ thống suy diễn, tương tự như toán học, trong đó bất kì định lí nào cũng có thể được suy ra từ một tiên đề đơn giản là tất cả các cá nhân đều hành động với một mục đích nào đó. Đây là điểm xuất phát tự nhiên của những ý tưởng về lựa chọn, giá cả, thời gian, lợi nhuận và nhiều thứ khác nữa. Chỉ có quan sát chúng ta mới biết chính xác dân chúng lựa chọn cái gì, nhưng phương pháp suy luận lại cho chúng ta biết họ lựa chọn như thế nào - và đây chính là đối tượng nghiên cứu thực sự của kinh tế học.

Cuốn *Nền tảng căn bản của kinh tế học* (The Ultimate Foundations of Economics), xuất bản năm 1952, một lần nữa cho thấy vì sao các phương pháp của khoa học thực nghiệm không thể áp dụng được cho kinh tế học. Chúng ta hành động, Mises nói, vì chúng ta coi một số đồ vật hay sự kiện nào đó là có giá trị và từ quan điểm hiển nhiên như thế chúng ta có thể suy ra những ý tưởng về mục đích, phương tiện, thành công, thất bại, lợi nhuận và thiệt hại.

Nhà kinh tế học không cần gì khác. Không thể áp dụng các phương pháp quan sát và thực nghiệm cho môn kinh tế học vì ở đây không có những hằng số có thể đo lường được và không thể nào dự đoán được hành động của các cá nhân vì chúng ta không thể nào biết được mục đích của họ là gì và cái gì là có giá trị đối với họ. Niềm tin cho rằng xã hội loài người là có thể dự đoán được chính là cái đã sinh ra sự bịp bợm của những người ủng hộ quan điểm nhà nước toàn năng, là xã hội loài người cũng là xã hội có thể kiểm soát được.

Tác phẩm *Lí thuyết và Lịch sử* (Theory and History), xuất bản năm 1957, áp dụng phương pháp phê phán đó cho các môn khoa học khác. Cuốn sách này dành một phần để phê phán lí thuyết và phương pháp của những người theo Marx và một phần dành để bảo vệ chủ nghĩa tự do. Tác phẩm này khẳng định rằng vì lựa chọn của con người là không thể dự đoán được nên ý tưởng cho rằng chủ nghĩa xã hội hay bất kì sự tiến bộ mang tính lịch sử nào khác là “tất yếu” là ý tưởng vô nghĩa. Tác phẩm này còn nói rằng tất cả các dữ liệu kinh tế về những sự kiện đã diễn ra là rất quan trọng. Vì chúng ta đang tìm cách hoàn thiện các lí thuyết mô tả hoạt động của thế giới cho nên cần phải nhớ rằng các dữ liệu mà chúng ta dựa vào đều phải là các dữ liệu có tính lịch sử. Các lí thuyết đó có

thể thể hiện những ý tưởng của chúng ta, nhưng chúng không thể nói cho chúng ta biết chắc chắn điều gì sẽ xảy ra ngày mai vì ngày mai mọi thứ sẽ khác đi.

Di sản của Mises

Mises tỏ ra bi quan về những đóng góp của mình đối với lý thuyết chính trị và kinh tế học. Ông hi vọng rằng các tác phẩm của mình sẽ có ảnh hưởng ngay lập tức; nhưng trong suốt cuộc đời mình ông chỉ thấy chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] và chủ nghĩa can thiệp vẫn được nhiều người ủng hộ.

Nhưng sau khi ông mất, những khiếm khuyết của chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] hiện thực đã hiện lên rất rõ. Đồng thời, việc tự do hóa thương mại đã nâng cao mức sống của người dân các nước nghèo nhất trên thế giới và làm cho các nước đế quốc chủ nghĩa, từng đánh nhau, liên kết lại với nhau. Tư tưởng cho rằng chu kỳ kinh tế là do chính sách tài chính và tín dụng sai lầm tạo ra hiện đã được nhiều người công nhận. Và việc chuyển từ sản xuất hàng loạt sang nền kinh tế dịch vụ nhắm vào từng khách hàng riêng biệt khẳng định vai trò quan trọng của cá nhân so với các lực lượng vô nhân tính.

Nhìn chung, các tác phẩm của Ludwig von Mises đang có sức hấp dẫn nhiều hơn là ông từng lo lắng.

KHOA HỌC KINH TẾ

Các nhà kinh tế học muốn môn học của họ phải là một ngành khoa học. Giống như các nhà khoa học tự nhiên, họ muốn chứng minh rằng các sự kiện kinh tế cũng có những mối liên kết với nhau và tìm cách dự đoán xem trong tương lai chúng sẽ hoạt động như thế nào. Mises quan niệm rằng kinh tế học thực chất là một môn khoa học, nhưng khác hẳn với môn vật lý học. Và dù nó có thể đưa ra những dự đoán quan trọng, đây cũng là những dự đoán khác hẳn về loại và độ chính xác¹.

¹ Muốn tìm hiểu thêm cách giải thích của Mises về phương pháp tiếp cận này, xin đọc *Epistemological Problems of Economics* (Những vấn đề về nhận thức luận của kinh tế học), xuất bản lần đầu năm 1933.

Tầm quan trọng của các giá trị

Sự khác biệt là ở chỗ tất cả các hiện tượng kinh tế đều phụ thuộc vào cách đánh giá, phụ thuộc vào sự lựa chọn và hành vi của những cá nhân có liên quan. Các nhà kinh tế học dòng chính lại làm như thể các biến số - ví dụ như mức giá - có ảnh hưởng trực tiếp đến các biến số khác ví dụ như cầu gộp. Trên thực tế không có cái gọi là “mức” giá, mà có hàng triệu giá cả khác nhau, giá nọ lên xuống thất thường so với giá kia. Giá cả khác nhau ảnh hưởng tới quyết định của các cá nhân khác nhau theo những cách khác nhau, tất cả phụ thuộc vào nhu cầu và quan điểm cá nhân của họ cũng như cách họ cân nhắc những phương án lựa chọn trước một món hàng nào đó tại một thời điểm và địa điểm nào đó.

Không có mối liên kết mang tính cơ học nào ở đây hết: cho nên môn kinh tế học không phải là môn khoa học khảo sát những mối liên kết thống kê có thể dự đoán được giữa các sự kiện.

Những khái niệm kinh tế như giá, giá thành, tiền tệ, thất nghiệp, tỉ giá hối đoái, chi tiêu và tiết kiệm chỉ có ý nghĩa đối với những cá nhân liên quan và cách thức mà các cá nhân này hành động mà thôi, ngoài ra nó không có giá trị gì khác. Kinh tế học đặt cơ sở trên những giá trị mà con người coi trọng.

Nhưng giá trị lại không phải là một phần của thế giới khách quan như là khối lượng, hay nhiệt độ hoặc độ dài mà các nhà khoa học tự nhiên thường xử lý. Giá trị không phải là một cái gì đó tồn tại trong tự thân món hàng, có thể đo lường theo một tỉ lệ toán học nào đó. Những người khác nhau đánh giá các sự kiện một cách khác nhau: ví dụ, một số người coi việc thị trường chứng khoán lên giá là lí do mua vào, trong khi số khác lại coi đây là cơ hội bán ra. Giá trị nằm trong đầu óc của từng người. Nó là một cái gì đó có tính chất cảm tính, là vấn đề đánh giá của cá nhân. Nó phụ thuộc không chỉ vào môi trường vật chất xung quanh mà còn phụ thuộc vào trạng thái tâm, sinh lí của chúng ta nữa.

Các giá trị mà chúng ta coi trọng luôn thay đổi vì thế giới thay đổi và nhu cầu của chúng ta cũng thay đổi. Các sản phẩm mới xuất hiện và các quá trình sản xuất mới tạo ra những món hàng thay thế rẻ hơn, làm cho con người sắp xếp lại những ưu tiên của mình. Kết quả là không thể nào dự đoán được: ví dụ người nghèo có thể mê một món hàng hợp thời trang được sản xuất hàng loạt, nhưng món hàng đó có thể không còn hấp dẫn đối với những người giàu có thích ăn diện nữa.

Việc các giá trị mà người ta coi trọng là có tính cá nhân, khác nhau và luôn thay đổi, đặt ra nhiều

vấn đề cho các nhà kinh tế học. Những con số có tính tổng hợp quen thuộc của kinh tế học vĩ mô như “cầu” hoặc “đầu tư” chỉ có thể được coi đơn giản là những bản tổng kết có tính chất thống kê từ hành động của các cá nhân trên thương trường mà thôi - đây là những hành động đa dạng, có tính chất cá nhân và khác nhau. Các số liệu thống kê này không có vai trò độc lập. Không thể nào giải thích được chúng nếu không nói đến những giá trị mang tính cá nhân của những người bị các sự kiện đặc thù nào đó tác động và đến lượt họ, lại tham gia định hình các sự kiện đó¹.

Vì vậy, Mises nói, các nhà kinh tế học sẽ uống công vô ích nếu cứ cố gắng tìm cho bằng được mối liên kết giữa các số liệu có tính chất tổng hợp nói trên. Ví dụ, ngay cả khi giá cả có ảnh hưởng tới cầu thì cũng rõ ràng là quan hệ đó không phải là quan hệ chính xác. Kết quả chính xác phụ thuộc vào ý nghĩa của sự kiện đối với các cá nhân đang có mặt ở đó và những hành động của họ lúc đó. Tìm kiếm các “quy luật” kinh tế (hoặc tệ hơn nữa, các “hàng số” kinh tế) là việc làm sai lầm.

¹ Cách tiếp cận này được gọi là methodological individualism.

Khoa học về hành vi của con người

Kinh tế học đặt cơ sở trên những giá trị mà con người coi trọng, nhưng nó không phải là một nhánh của tâm lí học. Nó không nghiên cứu vì sao người ta lại chọn những món hàng cụ thể nào đó - ví dụ, tại sao họ lại uống rượu - mà chỉ nghiên cứu kết quả của những sự lựa chọn đó trên thương trường mà thôi - họ cần bao nhiêu rượu, với giá bao nhiêu. Kinh tế học phải coi cách đánh giá và mục đích của các cá nhân là những số liệu "cho trước". Nó chỉ tập trung chú ý vào hành vi của họ mà thôi. Mises cho rằng đây là một phần của môn praxeology, môn khoa học nghiên cứu về hành vi của con người. Và để mô tả môn khoa học nghiên cứu về hành vi kinh tế của con người - cách thức giá cả xuất hiện trên cơ sở hoạt động trao đổi của con người - ông sử dụng thuật ngữ khoa học: hành vi kinh tế của con người¹.

Nhưng khoa học nghiên cứu hành vi kinh tế của con người khác hẳn với các môn khoa học tự nhiên, tức là những môn khoa học chuyên chú vào việc phát hiện các sự kiện và tiến hành theo dõi, kiểm nghiệm và đưa ra những dự đoán hữu ích. Vì thứ nhất, nhà kinh tế học không có thiết bị để quan sát những giá trị

¹ Catallactics là lí thuyết về con đường đưa hệ thống thị trường tự do đến tỉ lệ trao đổi và giá cả.

mà người khác coi trọng. Thứ hai, không thể kiểm nghiệm được các kết quả kinh tế vì hoàn cảnh không bao giờ lặp lại: con người, sự lựa chọn của họ, các giá trị mà họ coi trọng và động cơ của họ luôn biến đổi.

Tuy nhiên, kinh tế học vẫn là một môn khoa học có thể phát hiện được các sự kiện và thậm chí đưa ra được dự đoán, đưa ra được những lời tuyên bố, nhưng không phải trên cơ sở quan sát và kiểm nghiệm mà thông qua suy luận. Cũng như toán học, tức là môn học có thể được suy ra từ một vài tiền đề đơn giản và rõ ràng về các đường thẳng và con số, môn khoa học về hành vi của con người cũng có thể được suy luận ra từ một vài khái niệm về hành vi và sự lựa chọn của họ.

Giải thích các giá trị từ hành vi

Chúng ta không thể thâm nhập vào đầu óc con người để tìm hiểu xem điều gì làm cho họ hành động theo cách đó, Mises nói; nhưng điều đó cũng không ngăn cản được chúng ta xử lý những sự lựa chọn của họ một cách khoa học. Chúng ta vẫn có thể xây dựng được các lý thuyết về cầu và giá (giả sử như thế), dù nguồn gốc của nó mang tính cá nhân và không thể tiếp cận được. Thực vậy, chúng ta có thể xây dựng được bức tranh về những giá trị mà

người ta coi trọng trên cơ sở những lựa chọn của họ trong thực tế. Những lựa chọn mà người ta làm trên thị trường, Mises giải thích, cho thấy người ta thích đồ vật nào hơn và như vậy là cho thấy một số điều về thang bậc giá trị của họ - Mises gọi là sự ưu tiên hiển lộ. Chúng ta không thể thấy những giá trị mà người ta coi trọng, nhưng chúng ta có thể suy ra từ những cái mà trên thực tế từng người đã lựa chọn.

Chúng ta tự biết rằng khi ta chọn món hàng này chứ không chọn món hàng kia là vì chúng ta thích cái này hơn cái kia. Và rõ ràng là ta chọn để có món đồ mà ta coi là quan trọng hơn cái ta bỏ lại hoặc phải mang ra đánh đổi. Tương tự, khi thấy người nào đó lựa chọn, chúng ta kết luận rằng hành vi của họ cũng được thúc đẩy bởi những giá trị và sở thích của họ. Khi thấy họ đưa ra một loạt lựa chọn, họ chọn một số đồ vật và để lại một số đồ vật khác thì chúng ta kết luận rằng, tương tự như chúng ta, mỗi người đều có một thang giá trị riêng của mình.

Bây giờ chúng ta có thể bắt đầu xem xét xem Mises hiểu như thế nào khi ông nói rằng các nguyên lý của kinh tế học có thể được suy diễn từ khái niệm về hành vi. Khi người ta hành động và lựa chọn thì đương nhiên là họ có một tập hợp các giá trị và họ coi một số đồ vật quan trọng hơn một số khác. Không cần biết chính xác trên thực tế một

cá nhân nào đó đã chọn cái gì, logic của quá trình lựa chọn cung cấp cho ta những tư tưởng nền tảng của môn kinh tế học - đây là những tư tưởng như tiện ích, giá cả và trao đổi.

Ví dụ về phân tích lợi ích

Cái mà các nhà kinh tế học gọi là phân tích lợi ích cận biên là một ví dụ tốt cho cách tiếp cận này. Các nhà kinh tế học đã vật lộn với vấn đề như tại sao nước, quan trọng với đời sống như thế, lại rẻ, trong khi kim cương, chẳng quan trọng gì, lại đắt? Tại sao kim cương được đánh giá cao hơn nước? Carl Menger, người đặt nền móng cho Trường phái Áo, đã có câu trả lời. Người ta không chọn giữa "nước" và "kim cương" một cách trừu tượng: họ không phải đối mặt với vấn đề mua tất cả nước trên thế giới hay mua tất cả kim cương trên thế giới. Lựa chọn chỉ là họ có thích một ít nước hay một viên kim cương mới hay không. Và vì đa số người ta đã có đủ nước dùng rồi cho nên trên thực tế thêm một cốc nước nữa cũng chẳng có giá trị gì: đây là lí do vì sao nước rẻ. Nhưng người ta không bao giờ nghĩ rằng họ đã có quá nhiều kim cương và vì vậy sẵn sàng chi nhiều tiền để mua thêm một viên nữa; đây là lí do vì sao kim cương lại đắt.

Một người đang sắp chết khát trên sa mạc dĩ nhiên là có thể trả giá rất cao cho một cốc nước và

có thể sẵn sàng đổi viên kim cương lấy một cốc nước. Cho nên nước và kim cương không có giá trị cố định; người ta chọn cái gì là hoàn toàn phụ thuộc vào số lượng mà người bán đưa ra cùng hoàn cảnh và tâm trạng của họ lúc đó.

Như vậy nghĩa là giá trị và sự chọn lựa không thể đo lường được và không thể dự đoán được bằng những phương trình toán học. Một người đau đầu có thể cần vài viên aspirin, nhưng chắc không nghĩ rằng một trăm viên aspirin thì sẽ tốt hơn đến năm chục lần hai viên kia. Một người cần mười thanh gỗ để làm mái che có thể đổi một áo mưa lấy mười, hai mươi hay ba mươi thanh: nhưng không đổi lấy chín vì chín thanh thì không che được mưa. Cho dù đã biết giá được đặt cho một khối lượng hàng hóa nhất định thì cũng không có phép tính nào có thể giúp thấy được đánh giá của một người khi món hàng đó thay đổi về mặt số lượng.

Tư duy sai lầm của môn kinh tế học dòng chính

Khi người ta tham gia trao đổi, tức là người ta phải từ bỏ cái người ta có để nhận về cái người ta cần, người ta lựa chọn như thế nào? Các nhà kinh tế học Trường phái Áo trả lời: người ta từ bỏ cái mang lại cho người ta ít lợi ích nhất. Họ không phải

xem xét giá trị của tất cả các thứ họ có: họ chỉ xem xét giá trị của một phần nhỏ những thứ họ có, mà đây lại là thứ mang lại ít lợi ích nhất. Họ quyết định từ bỏ trên cơ sở phân tích lợi ích cận biên, các nhà kinh tế học gọi như thế. Tương tự, cái mà họ nhận cũng được quyết định theo cách giống hệt như vậy. Họ sẽ nhận cái có lợi ích hơn so với cái mà họ từ bỏ nếu đối với họ lợi ích cận biên của nó lớn hơn.

Phần lớn cách phân tích như thế cũng đã thâm nhập vào nền kinh tế học dòng chính, nhưng lại thường bị hiểu sai. Nhiều người coi hiệu dụng như là tính chất tồn tại trong chính hàng hóa, chứ không phải là phản ứng cảm tính của cá nhân đối với món hàng. Tai hại nhất là, Mises nói, trong các cuốn sách giáo khoa người ta lại đem cộng “các nhóm hiệu dụng” vào để đưa ra đồ thị “hiệu dụng tổng cộng”. Nhưng tình cảm của con người, những giá trị mà họ coi trọng không thể cộng vào nhau như thế được - như ví dụ về aspirin đã cho thấy.

“Những đường cong không thiên vị” quen thuộc trong sách giáo khoa cũng là sai. Những đường đồ thị này nhằm chỉ ra rằng người ta có thể từ bỏ một món hàng với số lượng là bao nhiêu để đổi lấy một món hàng khác. Nhưng ta không thể lấy quyết định của người khi đứng trước lựa chọn này để ngoại suy và dự đoán người ta sẽ hành động ra sao trước một lựa

chọn khác. Giá trị mà người ta coi trọng không đi theo đường cong trong sách vở và không thể nào dự đoán được - như ví dụ về những thanh gỗ cho thấy.

Mises tin rằng tư duy sai lầm như thế đã tạo ra nhiều khó khăn cho các nhà kinh tế học dòng chính. Trên cơ sở quan sát những sự lựa chọn thực tế trong quá khứ, họ tuyên bố rằng họ có thể xác định được "xu hướng" (ví dụ như tiêu dùng hay tiết kiệm), tức là những xu hướng này là bất biến và có thể đo lường được, cho phép họ dự đoán về những lựa chọn trong tương lai. Nhưng tất cả những giải thích như thế là hoàn toàn sai. Mises chỉ ra rằng sở thích của con người trong quá khứ không thể cho ta biết họ sẽ phản ứng như thế nào trước khả năng lựa chọn khác trong tương lai.

Một phần là do khoa kinh tế học dòng chính đã không tính đến sự đa dạng của những giá trị mà con người coi trọng. Nó chỉ chú ý đến "các hàng hóa kinh tế" - tức là những thứ có thể mang ra mua bán trên thị trường - và coi con người là "những tác nhân hữu lý" đang lựa chọn những món hàng đó. Trên thực tế, Mises giải thích, sự lựa chọn của con người rộng hơn và cảm tính hơn nhiều. Ví dụ, người ta có thể lựa chọn địa vị hơn là lợi lộc về mặt tài chính. Kinh tế học dòng chính bỏ qua cái nửa quan trọng này của câu chuyện. Và như thế là nó tự làm mất giá của chính mình.

LOGIC CỦA HÀNH VI CỦA CON NGƯỜI

Bằng trực giác ta cũng biết rằng con người hành động một cách có ý thức, Mises nói; và hành động cũng chỉ đơn giản là theo đuổi tình huống mà ta cho là tốt hơn mà thôi. Từ khái niệm trực quan về sự ưa thích như thế, chúng ta có thể nhận ra ngay rằng người ta hành động là nhằm tối đa hóa sự thỏa mãn và tối thiểu hóa sự bất mãn của họ. Từ đây mới xuất hiện ý tưởng về lợi ích cận biên và trao đổi: người ta sẽ từ bỏ những đồ vật mang lại cho họ ít thỏa mãn để nhận về những đồ vật làm cho họ thỏa mãn hơn. Chúng ta không cần quan sát hay làm thí nghiệm mới biết điều đó: tất cả đều phát sinh một cách logic từ khái niệm hành vi¹. Vấn

¹ Mặc dù F. A. Hayek, một môn đệ của ông trong Trường phái Áo, người được giải Nobel về kinh tế, “miễn cưỡng chấp nhận” quan điểm cho rằng kinh tế học có thể được suy ra từ

đề không phải ở chỗ giá trị mà con người cụ thể đó coi trọng là gì: dù họ có thích hay cần gì đi nữa thì logic của hành động vẫn là trước hết họ sẽ thỏa mãn những nhu cầu khẩn thiết nhất.

Lí lẽ tương tự giúp chúng ta phác họa bức tranh về những khái niệm như *mục đích* và *phương tiện* hay *lời* và *lỗ*¹.

Mục đích, Mises nói, là kết quả mà hành động tìm kiếm; còn phương tiện là cái phục vụ cho mục đích vừa nói. Nhưng dĩ nhiên là nguồn lực thì có hạn - sự thật hiển nhiên này cũng có nguồn gốc từ khái niệm hành vi vì người ta sẽ hoàn toàn chẳng cần hành động nếu họ có đầy đủ mọi thứ họ muốn. Cho nên chúng ta phải lựa chọn và phải hi sinh một số thứ để đạt được một số thứ khác. Giá trị của cái chúng ta phải hi sinh được gọi là giá cả. Giá trị của mục đích mà chúng ta giành được gọi là lợi ích. Sai lệch giữa giá cả và lợi ích được gọi là lời (còn gặp phải tình huống xấu thì đấy là lỗ).

những chân lí hiển nhiên vì như vậy là vô hình trung đã phủ nhận những sự kiện bất ngờ và không coi trọng đúng mức tầm quan trọng của những quan sát trên thực tế, “mặc dù tôi đồng ý với ông rằng phần chính của môn khoa học này là ẩn ý được suy ra từ những hành động xác định ban đầu”. Xem “Coping with ignorance”, trong E. Butler (ed.), *Knowledge, Evolution and Society*, Adam Smith Institute, 1983.

¹ Muốn tìm hiểu thêm lí lẽ được trình bày trong chương này, xin đọc *Human Action*.

Nhưng tất cả các khái niệm kinh tế này - giá cả, lợi ích, lời và lỗ - đều là những khái niệm hoàn toàn mang tính cá nhân. Đây chỉ là những đánh giá cảm tính của chúng ta về giá trị. Đây không phải là những giá trị khách quan - có thể quan sát và đo lường được như những hiện tượng mà các nhà khoa học tự nhiên vẫn xử lý - mà là những giá trị chủ quan - những thứ chỉ xảy ra trong đầu óc những người có liên quan. Tương tự những tình cảm khác như buồn bực, ghen tức hay tình yêu, chúng không phải là đối tượng cho các tính toán toán học.

Nguồn gốc của việc trao đổi và giá cả

Giá trị, giá cả, lợi ích, lời và lỗ là những giá trị mang tính cá nhân rất cao, chính vì thế mà chúng ta mới buôn bán và trao đổi với nhau. Nếu giá trị là một phẩm chất có tính khách quan tương tự kích thước và trọng lượng thì chúng ta sẽ chẳng bao giờ trao đổi với nhau bất cứ thứ gì. Không ai lại đi đổi một món hàng lấy món hàng có giá trị thấp hơn. Nhưng chúng ta vẫn trao đổi vì chúng ta đánh giá những món hàng đó một cách khác nhau. Trẻ con đổi những món đồ chơi mà chúng đã chán lấy món mà chúng thích. Ông chủ lò bánh bán bánh mì để

mua thịt của anh hàng thịt. Trao đổi không tạo ra bất kì món đồ chơi hay cái bánh mì hoặc miếng thịt mới nào - nhưng mọi người đều cảm thấy hài lòng. Thực vậy, họ sẽ chẳng bỏ công trao đổi nếu họ không cảm thấy hài lòng.

Dĩ nhiên là không bao giờ chúng ta có thể biết hoặc đo lường được lợi ích về mặt tâm lí mà mỗi bên nhận được sau mỗi lần trao đổi như thế. Nhưng ít nhất chúng ta cũng có thể thấy và đo lường được khối lượng của một món hàng mà người ta sẵn sàng từ bỏ để đổi lấy món hàng khác - ví dụ như số tiền mà người chủ lò bánh mì đòi trong quá trình trao đổi cái bánh mì. Và chúng ta gọi tỉ lệ trao đổi là giá cả. Trong nền kinh tế sơ khai, hàng đổi hàng, giá của một cái bánh mì có thể là một lượng thịt hay số hàng hóa khác nào đó. Nhưng trong nền kinh tế thị trường hiện đại, chúng ta sử dụng tiền làm phương tiện trao đổi, giá cả được thể hiện bằng dollar Mĩ, bảng Anh hay một đồng tiền địa phương nào đó.

Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng giá cả, mặc dù có thể dễ dàng quan sát được, trên thực tế không phải là thước đo giá trị của đồ vật. Giá thị trường của bánh mì, của thịt hay bất kì món hàng nào khác chỉ đơn giản là tỉ lệ trao đổi, mà tỉ lệ này lại là kết quả hoạt động của rất nhiều người đang

buôn bán những món hàng này trên thị trường. Mà buôn bán có thể thực hiện được là vì người ta đánh giá những món hàng này một cách khác nhau. Mỗi vụ trao đổi chỉ cần một giá, nhưng lại có hai cách đánh giá khác nhau và mâu thuẫn với nhau¹.

Cơ sở sai lầm của sách giáo khoa kinh tế học

Lí lẽ đơn giản này, theo Mises, đã cho thấy sự ngớ ngẩn của các mô hình trong kinh tế học dòng chính rồi. Dĩ nhiên là trường hợp “cạnh tranh hoàn hảo” trong sách giáo khoa chỉ nhằm đơn giản hóa thế giới hiện thực mà thôi. Nhưng mô hình, trong đó người mua và người bán đều như nhau, cả người mua lẫn người bán đều chẳng có ảnh hưởng gì tới giá cả hàng hóa được mua bán thì không còn là sự đơn giản hóa thế giới hiện thực nữa mà là sự từ bỏ hoàn toàn thế giới hiện thực. Thị trường hoạt động được là do người ta không giống nhau và giá cả chỉ xuất hiện vì người ta trao đổi trên cơ sở đánh giá của họ về những món hàng mang ra trao đổi là khác nhau.

Giá cả cũng không phải là cái “có sẵn” như các mô hình vẫn nói. Không có gì liên quan đến giá cả

¹ Ý nói người bán đòi giá cao, người mua lại trả giá thấp - ND.

là có sẵn hoặc thậm chí đứng yên vì nó là kết quả của những vụ mua đi bán lại bất tận giữa những người khác nhau và cũng luôn thay đổi, mỗi người lại phải đứng trước những lựa chọn khác nhau và chính những lựa chọn cũng thường xuyên thay đổi. Khái niệm “giá cân bằng” của sách giáo khoa, tức là giá cả mà cung và cầu cân bằng là một khái niệm vô nghĩa. Và những cố gắng nhằm xây dựng mô hình “cân bằng tổng quát”, tại đó tất cả các thị trường đều nằm ở trạng thái cân bằng còn là một điều ngớ ngẩn hơn nữa. Những mô hình đó đã loại bỏ tất cả những tác nhân làm cho thị trường hoạt động.

Mises không phải là người đầu tiên đưa ra tất cả những chuyện như thế: các nhà kinh tế học Trường phái Áo tiền bối đã phát triển ý tưởng cho rằng xét đoán về giá trị của các cá nhân là cốt lõi của mọi sự kiện kinh tế và mở đường cho việc phân tích lợi ích cận biên cũng như phê phán các lý thuyết của môn kinh tế học dòng chính. Tuy nhiên, Mises đã có những đóng góp quan trọng, đây là đổi chiều và thu thập những ý kiến khác nhau và thường là còn rời rạc thành một cách tiếp cận toàn diện đối với kinh tế học, như là một môn khoa học suy luận chứ không phải là môn khoa học thực nghiệm - một cách tiếp cận mà ông, không nghi ngờ gì nữa, là người bảo vệ kiên cường nhất.

NỀN KINH TẾ NĂNG ĐỘNG

Mises cho rằng những mô hình trong sách giáo khoa mô tả nền kinh tế trong trạng thái cân bằng hoàn hảo, với giá cả được quyết định bởi những lực lượng phi nhân tính, đã tước đoạt tinh thần và đời sống của môn kinh tế học. Cơ sở của môn kinh tế học là hành vi của con người, mà hành vi của con người là thay đổi - thay đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác¹.

Thay đổi là bản chất cố hữu của kinh tế học

Chúng ta sống trong một thế giới đang đổi thay. Hiện tượng và điều kiện của tự nhiên thay đổi: mùa màng có thể bội thu hay thất bát, nguồn

¹ Muốn tìm hiểu một cách hệ thống luận cứ này, xin đọc *Human Action*.

lực mới có thể được phát hiện còn nguồn lực cũ có thể bị cạn kiệt hoặc phung phí hoặc bị hoả hoạn và bão lụt tàn phá. Điều kiện của con người cũng thay đổi: dân số gia tăng hoặc biến chuyển, người trẻ thế chỗ người già, mang đến những tư tưởng mới. Phương pháp sản xuất cũng thay đổi, các quá trình sản xuất mới được phát minh còn các quá trình cũ không được sử dụng nữa.

Một phần là nhờ Mises và những đồng nghiệp của ông trong Trường phái kinh tế Áo mà, khác với trước đây, các nhà kinh tế học hiện đại đã công nhận tầm quan trọng của sự biến đổi. Nhưng các cuốn sách giáo khoa vẫn chứa đầy các đồ thị, mô hình và phương trình làm cho người ta có cảm tưởng sai lầm rằng kinh tế là một cái gì đó tĩnh và giậm chân tại chỗ. Ví dụ điển hình của “lí thuyết cân bằng” là ý tưởng cho rằng thị trường sẽ đạt trạng thái cân bằng ở một mức giá nào đó, tức là số hàng hóa mà người bán muốn cung cấp bằng đúng với số lượng hàng hóa mà người mua muốn mua. Và vì các thị trường có liên quan với nhau - ví dụ như thị trường bột ảnh hưởng đến thị trường bánh mì - cho nên các cuốn sách giáo khoa mới tưởng tượng ra khả năng hình thành trạng thái “cân bằng tổng quát”, trong đó mỗi thị trường đều tiến đến trạng thái cân bằng bất động hoàn hảo nhất.

Nhưng các thị trường không bao giờ nằm yên. Xin hãy nhìn giá cả dao động trên thị trường chứng khoán, Mises nói như thế. Giá cả cứ nhảy lên nhảy xuống chẳng khác gì quả bóng bàn trên đầu vòi phun nước. Một bức ảnh chụp nhanh có thể tạo cảm giác quả bóng đang nằm ở trạng thái hoàn toàn tĩnh, nhưng không phải như thế. Tương tự, một bức ảnh chụp nhanh nền kinh tế - ví dụ như đồ thị trong sách giáo khoa, trong đó các đường cong cung và cầu cắt nhau tại "giá cân bằng" nào đó - tạo cho người ta cảm giác sai lầm về sự ổn định. Mises khẳng định rằng vai trò của nhà kinh tế học không phải là đưa ra những bức ảnh chụp nhanh mà là nhận ra được những lực lượng luôn luôn thay đổi và giữ cho thị trường hoạt động, tương tự những lực lượng luôn luôn thay đổi và giữ cho quả bóng bàn nhảy nhót trên không trung vậy.

Ngay cả khi những cuốn sách giáo khoa này có nói về thay đổi thì chúng vẫn làm người ta lầm lạc. Ví dụ như đồ thị kinh điển cho rằng nếu cung và cầu thay đổi thì thị trường sẽ nhảy ngay đến điểm cân bằng mới, với giá cân bằng mới và với số lượng hàng hóa được mua bán khác trước. Nhưng thị trường đơn giản là không hoạt động theo kiểu đó. Chuyển động của thị trường không diễn ra tức thời và cũng chẳng diễn ra một cách êm ả. Trên thực tế,

phải sau một thời gian người ta mới nhận ra rằng hàng hóa đang khan hiếm hay dư thừa và mới phản ứng; thông tin của họ có thể không chính xác; và phải sau một thời gian thì người ta mới sản xuất và đưa được ra thị trường món hàng cần cung cấp. Tóm lại, không có lí do gì để nghĩ rằng một lúc nào đó có một cái gì đó nằm gần trạng thái cân bằng sẽ giữ thế thượng phong.

Bản chất của thị trường

Như vậy là, thị trường chẳng bao giờ có thể trở thành “hoàn hảo” như mô hình trong các cuốn sách giáo khoa. Người mua và người bán là những người hoàn toàn khác nhau - và là những cá nhân, họ có nhiều động cơ chứ không chỉ đơn giản là tối đa hóa thu nhập về mặt tài chính. Hàng hóa mà họ mang ra trao đổi có chất lượng khác nhau, và thực ra là món hàng duy nhất tại thời điểm và địa điểm mà nó được trao đổi. Thông tin về số lượng hàng hóa và giá cả không được truyền đi một cách đồng đều và ngay lập tức. Công nghệ và sở thích thay đổi. Và, quan trọng nhất là mọi thứ đều cần thời gian.

Không có những cái gọi là “khuyết tật” hoàn toàn có thể bác bỏ hoặc cấm đoán: đấy chính là

thực tế của thị trường và phải là xuất phát điểm cho những phân tích của chúng ta. Hiện thực này chắc chắn không bao giờ đem đến tình trạng cân bằng tổng quát như người ta tưởng. Nhưng thị trường hoạt động là do có những sự khác biệt để cho người ta khai thác và những nhu cầu chưa được thỏa mãn để người ta đáp ứng. Nếu lúc nào thế giới cũng nằm trong tình trạng cân bằng hoàn hảo thì chẳng ai còn động cơ để làm bất cứ thứ gì và hoạt động kinh tế cũng chấm dứt luôn.

Vì vậy mà mục đích của chính sách không phải là tìm cách làm cho thị trường trở nên hoàn hảo mà là tạo điều kiện cho nó hoạt động một cách hữu hiệu trong khuôn khổ bản chất của chính nó. Và như Mises nhắc nhở, chúng ta không bao giờ được nghĩ rằng một lúc nào đó thị trường có thể hoạt động một cách trơn tru như đường cong trong những mô hình của sách giáo khoa. Thị trường điều chỉnh qua những lựa chọn riêng rẽ của các cá nhân, mỗi người lại có những cách đánh giá riêng và mỗi người đều phải lựa chọn mà không biết người khác lựa chọn như thế nào. Đây không phải là quá trình linh hoạt và có thể dự đoán được, mà là một loạt những cú trời sập và không thể nào dự đoán.

Tại sao toán học lại không áp dụng được

Đây là lí do vì sao các lí thuyết gia về cân bằng chồng chất thêm sai lầm khi họ cố gắng áp dụng toán học vào cái mà họ coi là những sự điều chỉnh linh hoạt. Họ đã đưa những con số vào những thứ không hề tồn tại trên thực tế. Cái vỏ toán học đó có thể làm người ta tưởng rằng họ đã phát hiện ra những mối quan hệ mang tính chức năng như các nhà khoa học tự nhiên vẫn thường xử lí; nhưng hóa ra đây không phải là mô tả thế giới hiện thực mà chỉ là trí tưởng tượng của họ mà thôi.

Mises tin rằng dù có bao nhiêu số liệu thống kê cũng không thể nào khắc phục được vấn đề cốt tử là những người khác nhau có những cách đánh giá khác nhau, và phản ứng của một nhóm người đối với những sự kiện của thị trường ngày hôm nay có thể khác với phản ứng của những người khác đối với những sự kiện của thị trường vào ngày mai. Các giá trị đó không thể trở thành đối tượng cho các tính toán toán học, và các số liệu thống kê có thể làm cho ta không nhìn ra những sự kiện quan trọng trong đời sống kinh tế. Đúng là, có thể đưa ra những dự đoán khái quát về các sự kiện kinh tế - ví dụ như nói lỏng tín dụng thì sẽ làm cho nền kinh tế tăng trưởng nóng và sau đó sẽ là một vụ sụp đổ - nhưng chúng ta sẽ không bao giờ dự đoán được nó

sẽ bùng ra như thế nào hay chu kì kinh tế sẽ kéo dài bao lâu.

Tiến trình của thị trường

Mises cho rằng nghiên cứu kinh tế là nghiên cứu những lực giữ cho thị trường luôn chuyển động - làm thế nào mà hành động khác nhau của những người khác nhau trên thương trường, mỗi người lại theo đuổi mục tiêu riêng của mình, nhưng khi khớp với nhau lại tạo kết quả như ta thấy. Nói cách khác, kinh tế học phải nghiên cứu quá trình điều chỉnh hành vi của những người tham gia thị trường cho phù hợp với các sự kiện, trong đó có hành vi của những người khác.

Ý tưởng cho rằng thị trường là tiến trình thay đổi liên tục mâu thuẫn với khái niệm về sự cân bằng bền vững, vĩnh cửu của sách giáo khoa. Có thể có những lực có xu hướng giữ cho mọi thứ nằm trong tình trạng cân bằng, tương tự lực vạn vật hấp dẫn và áp suất của dòng nước giữ cho quả bóng bàn lơ lửng trong không khí: ví dụ khi xảy ra khan hiếm thì giá có thể lên, người tiêu dùng cắt bớt nhu cầu và người bán thì cung cấp thêm cho đến khi không còn khoảng cách giữa cung và cầu nữa. Nhưng sự tồn tại các lực như thế không có nghĩa là một lúc nào đó sẽ đạt được tình trạng cân bằng

hoàn hảo và lâu dài. Thế giới luôn thay đổi, con người thay đổi, sản phẩm và quá trình sản xuất cũng thay đổi. Trên thực tế, thị trường không bao giờ đứng yên, không bao giờ bất biến.

Ý nghĩa then chốt của thời gian

Sách giáo khoa ít khi nhắc đến thời gian, nhưng thời gian là thành phần tối quan trọng của thị trường. Tiếp tục tư tưởng của Eugen von Böhm-Bawerk, một trong những vị tiền bối của Trường phái Áo, Mises chỉ ra rằng mọi hành động đều cần thời gian. Những sự kiện xảy ra trong khi người ta hành động có thể làm người ta thay đổi hành động và cũng có thể ngăn không cho người ta hành động nữa. Trong khi người ta nhận ra và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của thị trường thì các sự kiện lại có thể thay đổi. Ví dụ phải mất mấy tháng hay mấy năm mới xây dựng được một nhà máy mới; nhưng trong thời gian đó người tiêu dùng đã quay lưng với sản phẩm của nhà máy đó rồi hoặc một quá trình sản xuất mang tính cách mạng nào đó sản xuất ra nhiều sản phẩm hơn trước làm cho nhà máy mới trở thành thừa.

Mises kết luận rằng khái niệm về sự điều chỉnh linh hoạt và thường xuyên nhằm đạt được cân

bằng trong sách giáo khoa đã ngăn không cho chúng ta nhận thức được tầm quan trọng sống còn của thời gian trong tiến trình của thị trường. Nó còn ngăn không cho chúng ta nhận thức được tính bất định, vốn là hiện tượng giữ thể thượng phong trong đời sống kinh tế. Trong các cuốn sách giáo khoa, mọi sự, mọi vật đều rõ ràng và chắc chắn, còn thị trường thì hướng về điểm cân bằng có thể dự đoán được. Trên thực tế, kết quả của những hành động của chúng ta là điều không thể chắc chắn. Một số kế hoạch sẽ thành công trong khi những sự kiện không lường trước được có thể phá hỏng những kế hoạch khác. Chúng ta không thể nào biết một cách chắc chắn rằng sẽ gặp những tình huống nào. Mọi hành động của chúng ta đều là đầu cơ - hành động dựa trên dự đoán về tương lai, có thể đúng mà cũng có thể không. Nó cho thấy mô hình trong sách giáo khoa là sai, nó cũng cho thấy vai trò của hoạt động đầu cơ và kinh doanh là những thành tố cực kì quan trọng của môn kinh tế học.

KINH DOANH

Trong sách giáo khoa, thế giới của “cạnh tranh hoàn hảo” là nơi mà lợi nhuận chỉ là phần mà người cung cấp nhận được sau khi họ đã trả tiền vốn, công lao động và trang trải cho quá trình phân phối. Cạnh tranh sẽ làm cho lợi nhuận giảm đến mức thấp nhất đủ để giữ cho người cung cấp tiếp tục tồn tại trên thị trường - tức là đến “lợi nhuận bình quân” như nhau đối với tất cả mọi người. Nhưng Mises nói rằng khi mọi người đều nhận được lợi nhuận như nhau, không phụ thuộc vào tài khéo, động cơ hoặc cơ may thì sẽ chẳng ai cố gắng cải tiến nữa. Trong thế giới hiện thực, lợi nhuận có vai trò cao hơn thế rất nhiều. Đây là động cơ chủ lực cho hành động của con người. Muốn hiểu kinh tế thì cần phải hiểu bản chất và vai trò thật sự của kinh doanh và lợi nhuận¹.

¹ Muốn tìm hiểu thêm lí lẽ liên quan đến kinh doanh và lợi nhuận, xin đọc *Human Action*.

Kinh doanh và lợi nhuận

Quá trình sản xuất bất kì loại hàng hóa nào cũng không chỉ là sử dụng đồng vốn theo một cách nào đó và nhận được “lợi nhuận bình quân” do đồng vốn đó tạo ra. Trên thực tế, sản xuất bao gồm một loạt những lựa chọn khác nhau. Những nhân tố của quá trình sản xuất bổ sung cho nhau như đất đai, lao động và thiết bị phải được mua cùng nhau. Chắc chắn là phải cần thời gian. Để có lợi nhuận về mặt tài chính, người tổ chức dự án - doanh nhân - phải bán được sản phẩm cuối cùng với giá cao hơn giá đầu vào. Nhưng sản xuất đòi hỏi thời gian, mọi sự có thể thay đổi trong thời gian đó, kết quả không có gì là chắc chắn: giá đầu vào có thể tăng, những người cạnh tranh khác có thể tham gia thị trường và tranh mất khách, sản phẩm mới và tốt hơn hay một quy trình sản xuất khác có thể xuất hiện, tâm lí người tiêu dùng có thể thay đổi, hoặc người tiêu dùng có thể không sẵn sàng mua món hàng đó với cái giá mà người sản xuất kì vọng.

Vì vậy, tất cả các quá trình sản xuất đều là một vụ đầu cơ. Đây là một cố gắng nhằm dự đoán tình trạng của thị trường trong tương lai. Đây rủi ro và không có gì bảo đảm là kết quả sẽ mỹ mãn. Thành công là sự kết hợp của kiến thức, tài năng và may mắn. Lợi nhuận không chỉ đơn giản là thu nhập

dựa vào một số vốn được sử dụng trong một vụ kinh doanh ngẫu nhiên nào đó. Nói đến “lợi tức” khi đầu tư vào một việc không chắc chắn như thế là điều hoàn toàn vô nghĩa. Lợi nhuận là phạm trù khó hiểu hơn rất nhiều.

Cái mà Mises gọi là kinh doanh hay đầu cơ không chỉ giới hạn ở một vài thương lái ăn mặc đom đóm và khéo nói như trong trí tưởng tượng của mọi người. Ông nói rằng, kết quả của mọi hành động đều là không chắc chắn cho nên mọi hành động đều là một vụ đầu cơ và ở mức độ nào đó, tất cả mọi người đều là doanh nhân - mọi người đều tìm cách sử dụng nguồn lực và tài khéo của mình nhằm tạo ra lợi nhuận trong tương lai. Điều đó đúng đối với người công nhân đang theo học với hi vọng cải thiện công việc trong tương lai, cũng như người quản trị doanh nghiệp đang xây nhà máy và cũng đúng đối với người kinh doanh cổ phiếu nữa¹.

Không có cách nào biết được chắc chắn rằng công việc kinh doanh mà ta chọn có lời hay không. Chúng ta buộc phải dự đoán xem tương lai sẽ như thế nào. Lợi nhuận là động cơ thúc đẩy chúng ta dự đoán một cách chính xác nhất - sử dụng mọi kĩ

¹ Vai trò quan trọng của kinh doanh được làm rõ hơn trong các công trình của Israel M. Kirzner, một trong những người kế tục của Mises trong Trường phái Áo.

năng, kinh nghiệm, hiểu biết và trí tuệ mà ta có. Nếu dự đoán sai thì khả năng bị lỗ là hoàn toàn có thể xảy ra. Lợi nhuận không phải là sự kiện chết: lợi nhuận có cuộc sống riêng và có ý nghĩa đối với những người sống có mục đích.

Lợi nhuận là phần thưởng do những khách hàng hài lòng trao tặng

Lợi nhuận, Mises nói, không phải chỉ là tiền lời của cá nhân. Nó không chỉ là thước đo niềm hạnh phúc mà ta nhận được từ một thành công nào đó. Đúng ra, lợi nhuận bao hàm đánh giá của những người khác về đóng góp của chúng ta đối với đời sống và sự thịnh vượng của họ. Nó chính là sự ủng hộ tự nguyện của những khách hàng mà chúng ta đã làm cho hài lòng. Lợi nhuận là một hiện tượng xã hội phản ánh đánh giá của tất cả những người có liên quan.

Mô hình “Lợi nhuận bình quân” trong sách giáo khoa dường như giả định rằng một doanh nhân có thể thu được lợi nhuận lớn (“siêu lợi nhuận”) khi và chỉ khi người khác bị thiệt hại nặng. Từ đó lại xuất hiện ý tưởng cho rằng lợi nhuận là “bóc lột” - là số tiền ăn cắp được của người khác. Nhưng Mises cho rằng phần thưởng từ bất cứ công việc kinh doanh nào chắc chắn cũng đều được chia

cho công nhân cũng như tất cả những người cung cấp cho những sản phẩm đầu vào cần thiết khác nhau. Và vì lợi nhuận chỉ có khi khách hàng chấp nhận sản phẩm, cho nên lợi nhuận càng lớn thì sự thịnh vượng của tất cả mọi người sẽ càng gia tăng.

Quá trình hình thành giá

Thành công của bất kì công việc kinh doanh nào cũng đều là do đã dự đoán đúng được giá cả trong tương lai. Nhưng vì tình hình luôn thay đổi cho nên dự đoán giá cả không phải là việc dễ. Sách giáo khoa có thể giả định rằng sau bất kì rối loạn nào, thị trường cũng sẽ lập tức trở lại với “giá cân bằng” đã biết: nhưng trên thực tế, Mises nói, việc điều chỉnh giá cả lại giống một vụ lở tuyết hơn. Bất kì thay đổi nào - ví dụ việc phát hiện một khu mỏ mới - đầu tiên chỉ có một số người sống gần đó biết mà thôi. Chỉ một vài người trong số đó nhận thức được tầm quan trọng của nó, đoán đúng được tác động của nó và nhanh chóng thực hiện những hành động đúng nhằm kiếm lời; nhưng thành công của họ lại khuyến khích những người khác làm theo. Những người này lại khuyến khích những người khác nữa v.v., làm cho việc điều chỉnh thị trường ngày càng đi xa hơn.

Việc điều chỉnh rộng khắp như thế có thể gây ra những vụ lở tuyết khác - ví dụ, nó sẽ đẩy giá các thiết bị khai khoáng cần thiết nhằm giành cho bằng được lợi thế cho khu mỏ mới. Trong khi đó, những vụ lở tuyết giá cả hoàn toàn tách biệt, do những sự biến đổi ở một nơi nào khác tạo ra lại có thể tác động đến vụ thứ nhất. Nói cách khác, điều chỉnh giá cả không diễn ra ngay lập tức và không phải là quá trình mang tính cơ học. Đây là một quá trình rất phức tạp - một quá trình mang tính xã hội, Mises nói như thế. Và tất cả đều là do sách giáo khoa đã lờ đi giá trị mà các cá nhân coi trọng: thời gian và địa điểm.

Giá thành sản xuất

Tương tự giá thị trường của những món hàng mà chúng ta tiêu thụ (các nhà kinh tế học gọi là hàng tiêu dùng), giá thành sản xuất (vật tư và thiết bị mà ta sử dụng trong quá trình sản xuất) cũng xuất hiện là do những người khác nhau có cách đánh giá khác nhau. Nhưng quá trình sản xuất thì không trực tiếp như thế, Mises nói. Ông giải thích rằng sản xuất không có mục đích tự thân, mục đích của nó là hàng tiêu dùng mà nó tạo ra. Quá trình sản xuất được định giá trên cơ sở giá của hàng hóa tiêu thụ được sản xuất ra trong tương lai.

Một lần nữa thị trường lại thưởng cho những người đã có những dự đoán chính xác nhất. Doanh nhân có quan điểm quá bi quan về giá sản phẩm trong tương lai sẽ bị đẩy ra khỏi cuộc cạnh tranh nhằm giành những nguồn lực sản xuất mới và sẽ bị những người có quan điểm lạc quan hơn chiếm mất đất đai, thiết bị và công nhân. Trong khi đó doanh nhân quá lạc quan sẵn sàng trả giá cao hơn sẽ bị lỗ khi sản phẩm cuối cùng được đưa ra thị trường. Thành công là những người đưa ra được dự đoán chính xác về giá cả hàng hóa tiêu dùng trong tương lai.

Vì vậy mà quá trình này giữ cho giá thành sản xuất lên xuống cùng với giá của hàng hóa tiêu dùng. Nó liên tục nhắc nhở người ta hướng những nguồn lực sản xuất sang những lĩnh vực có yêu cầu tiêu thụ cao nhất. Nó thường xuyên thúc đẩy người ta tìm ra phương thức đáp ứng các nhu cầu này một cách tốt nhất và rẻ nhất. Tương tự tất cả các hiện tượng khác trong môn kinh tế học, chính quyết định của những người có liên quan là động cơ cho mọi sự chuyển động. Chức năng của các doanh nhân đã bị môn kinh tế học dòng chính bỏ qua, nhưng nó lại có vai trò then chốt đối với hoạt động của thị trường.

Lợi nhuận cá nhân có thể là động cơ thúc đẩy các doanh nhân, nhưng Mises tin tưởng chắc chắn

Ludwig von Mises – Lược khảo

rằng họ là đầy tớ của người tiêu dùng. Trong thế giới của những đổi thay liên tục, họ phải thường xuyên tìm kiếm cơ hội kiếm lời bằng cách phục vụ người khác. Hiệu quả cuối cùng là gia tăng sự thịnh vượng của toàn xã hội. Và tác nhân chính để tất cả đều diễn ra một cách hiệu quả chính là cạnh tranh.

CẠNH TRANH, HỢP TÁC VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG

Mô hình “cạnh tranh hoàn hảo” trong sách giáo khoa làm cho người ta nghĩ rằng thế giới hiện thực là “không hoàn hảo” - sự khác biệt giữa các nhà cung cấp, rào cản tự nhiên cho việc thâm nhập thị trường và đặc biệt là bất kì món hời lớn nào của doanh nhân cũng bị coi là “sai lầm” của thị trường, cần phải được uốn nắn. Nhưng Mises khẳng định rằng trong thế giới mà mọi người và mọi vật đều giống nhau thì làm gì còn cạnh tranh. Cạnh tranh là các nhà cung cấp tìm cách vượt qua nhau và vì thế mà thu được lợi nhuận¹.

¹ Những vấn đề này được bàn đến trong nhiều tác phẩm khác nhau của Mises như *Human Action*, *Liberalism*, *Economic Policy and Planning for Freedom*.

Quyền tự chủ của người tiêu dùng

Cạnh tranh thúc đẩy các doanh nhân chuyển sản xuất sang lĩnh vực mang lại nhiều thỏa mãn hơn cho người tiêu dùng. Cạnh tranh càng mạnh thì người sản xuất càng phải dự đoán nhu cầu trong tương lai một cách chính xác hơn; và việc phục vụ của họ càng phải có nhiều trí tưởng tượng hơn. Cũng như bất kì lĩnh vực hoạt động nào khác, cạnh tranh là quá trình chọn lọc. Nhưng Mises chỉ ra rằng trên thị trường, người tiêu dùng chính là người lựa chọn. Người tiêu dùng bao giờ cũng tìm những sản phẩm tốt nhất và rẻ nhất cho nhu cầu của mình: rốt cuộc thì chính nhu cầu của người tiêu dùng quyết định giá cả hàng hóa - và vì vậy mà gián tiếp quyết định hàng hóa của người sản xuất. Họ là những ông chủ khó tính, sẵn sàng bỏ rơi ngay lập tức những người cung cấp hiện thời nếu có một người cung cấp rẻ hơn và tốt hơn xuất hiện.

Thị trường, Mises kết luận, chẳng khác gì một vụ trưng cầu dân ý về những sản phẩm cần được sản xuất, nhưng đây là cuộc trưng cầu dân ý diễn ra hàng ngày. Mỗi đồng xu mà người tiêu dùng bỏ ra trong không biết bao nhiêu là thương vụ đang diễn ra hàng ngày cũng chẳng khác gì những lá phiếu trong những cuộc bầu cử bất tận nhằm lựa chọn

mỗi và từng món hàng phải sản xuất với số lượng bao nhiêu và hướng sản xuất sang lĩnh vực có nhu cầu cao nhất. Trong việc phân phối nguồn lực thì hệ thống thị trường hiệu quả hơn là những cuộc bầu cử chính trị - mấy năm dân chúng mới có cơ hội bầu cử một lần hoặc phải lựa chọn giữa những gói chính sách khác hẳn nhau.

Những người phê phán biện luận rằng đây là cuộc bỏ phiếu không công bằng vì một số người có nhiều tiền “bỏ phiếu” nhiều hơn người khác; nhưng Mises lại có quan điểm khác. Thứ nhất, từng đồng xu đều được tính: ngay cả những người nghèo nhất cũng có ảnh hưởng trên thị trường lớn hơn là các nhóm thiểu số trong những cuộc bầu cử chính trị. Hơn nữa, ảnh hưởng mang tính tích lũy của những “lá phiếu” khiêm tốn của hàng triệu người không phong lưu lắm cũng có thể dễ dàng “nhấn chìm” một vài người giàu có; cho nên quyền tự chủ của người tiêu dùng có tác động rất mạnh. Và mặc dù một ít người giàu có thể tiêu nhiều hơn, nhưng đây là vì họ đã thành công trong những lần “bỏ phiếu” trước đó và đã làm cho người tiêu dùng của mình thỏa mãn. Quyền lực của họ trên thị trường, như nó đang là, rốt cuộc vẫn là do người tiêu dùng và chỉ tồn tại khi người tiêu dùng còn thỏa mãn mà thôi.

Cạnh tranh

Như vậy, Mises cho rằng cạnh tranh là một quá trình diễn ra liên tục, trong đó những người bán hàng tìm cách qua mặt nhau trong việc cung cấp cho người tiêu dùng những sản phẩm mà họ cần nhất. Cạnh tranh chỉ có thể diễn ra vì cái mà mô hình coi là “không hoàn hảo” - vì, ví dụ, những người bán hàng giới thiệu cho khách hàng của họ những sản phẩm khác nhau với chất lượng khác nhau, và liên tục tìm cách làm cho sản phẩm mà họ giới thiệu tốt hơn và rẻ hơn một chút so với sản phẩm của những người bán hàng khác.

Việc có những rào cản tự nhiên cho việc thâm nhập thị trường - nói cho cùng không phải tất cả chúng ta đều có thể trở thành ca sĩ opera - không làm cho việc cạnh tranh trở thành kém khốc liệt hơn. Chỉ cần xuất hiện một hay hai người cạnh tranh, làm ra sản phẩm tốt hơn hoặc rẻ hơn là những người cung cấp đã phải bận tâm rồi. Chắc chắn là cạnh tranh càng mãnh liệt thì chức năng xã hội của nó, tức là chức năng cải tiến sản xuất và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, càng được thực hiện một cách tốt hơn.

Các nhà phê bình còn cho rằng cạnh tranh chứa đầy tội lỗi và bất công. Nhưng cạnh tranh trên thương trường không phải là chiến tranh, nơi kẻ thua sẽ bị giết; trên thương trường người kém

thành công hơn trong việc phục vụ người tiêu dùng chỉ nhận được ít phần thưởng hơn mà thôi. Các công ti thình thoảng vẫn bị bật ra khỏi thương trường, và người ta vẫn thường bị mất việc; nhưng ẩn dụ nói rằng các công ti bị cạnh tranh “giết chết” không đồng nghĩa với việc dân chúng phía thua trận bị súng máy của người chiến thắng bắn hạ hàng loạt. Lợi nhuận - ngay cả lợi nhuận cao - cũng không phải là bất công, Mises nói như thế: ngược lại, trên thực tế, nó chính là phần thưởng vì đã phục vụ người tiêu dùng một cách đặc biệt xuất sắc.

Hợp tác thông qua phân công lao động

Khác hẳn với cuộc chiến tranh tất cả chống lại tất cả, thương trường trên thực tế thúc đẩy người ta hợp tác với nhau trên quy mô lớn. Như Adam Smith giải thích, thương trường làm điều đó bằng cách thúc đẩy người ta chuyên môn hóa và trao đổi¹.

Mises tiếp tục đề tài đó. Con người khác nhau, khả năng cũng khác nhau, ông nói. Họ sống trong những khu vực khác nhau, với những nguồn lực tự nhiên khác nhau. Chia quá trình sản xuất thành những công đoạn tách rời nhau, người có tay nghề sử dụng những khả năng và nguồn lực khác nhau sẽ sản xuất một cách hiệu quả hơn là tất cả đều cố

¹ Xin đọc Adam Smith, *The Wealth of Nations*, Book I, 1776.

gắng tự cung tự cấp. Và bằng cách trao đổi các sản phẩm đã được chuyên môn hóa, người ta có thể hợp tác với nhau trong việc thành lập các dự án và sản xuất hàng hóa tiêu dùng, có chất lượng cao hơn nhiều lần khả năng của bất kì người nào trong số họ. Trong hệ thống chuyên môn hóa và trao đổi này, nguồn lực sản xuất nhất định phải là tài sản tư nhân. Nhưng điều đó không có nghĩa là những người sở hữu đối lập với xã hội, như Marx tuyên bố. Ngược lại, người sở hữu phương tiện sản xuất muốn thu lợi thì phải đưa nguồn lực của mình ra phục vụ nhu cầu tiêu thụ của xã hội.

Chủ nghĩa tư bản không dẫn đến nạn độc quyền

Một hướng phê bình khác cho rằng cạnh tranh trên thương trường thúc đẩy việc hình thành chủ nghĩa tư bản độc quyền. Marx cho rằng vì cạnh tranh liên tục loại bỏ những xí nghiệp không thành công, các công ti còn lại sẽ ngày càng to hơn và cuối cùng mỗi ngành chỉ còn lại một nhà sản xuất độc quyền mà thôi.

Đây là điều vô nghĩa, Mises nhận định: trên thực tế, mọi việc diễn ra khác hẳn. Trong khi dễ dàng nhìn thấy sự phát triển của các công ti lớn và thành công, chúng ta luôn bỏ qua sự xuống dốc của những công ti

khác, cũng lớn không kém; những công ti này sẽ bị thay thế bởi những công ti đang ăn nên làm ra. Thương trường không phải là tiến trình tập trung không thể nào tránh được mà là sự tranh giành và thay đổi diễn ra không ngừng. Độc quyền làm người ta lo là vì các công ti giữ thế thượng phong có thể đặt giá cao ngất trời. Nhưng ngay cả như thế, điều đó cũng không xảy ra, Mises nói. Nguy cơ cạnh tranh bao giờ cũng có, nó có thể đến từ những công ti nhỏ hơn nhưng có nhiều sáng kiến hơn. Tương tự, luôn luôn có những sản phẩm thay thế và người tiêu dùng có thể quay sang sử dụng những sản phẩm đó: ví dụ, sự phát triển của các công ti hàng không đã đưa nạn độc quyền của các công ti đường sắt Mỹ đến chỗ sụp đổ.

**Chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ]
là nguồn gốc của nạn độc quyền**

Trên thực tế, Mises nói, trong chế độ xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ] - nơi tất cả sản phẩm đều nằm trong tay nhà nước - nạn độc quyền sẽ đạt đỉnh điểm. Nguồn gốc của độc quyền, mà lại là nguồn gốc nguy hiểm nhất, không phải là chủ nghĩa tư bản mà là chính phủ.

Khác với các doanh nghiệp trên thương trường - các doanh nghiệp chỉ tồn tại nếu họ tiếp tục phục

vụ những người tiêu dùng của mình - các chính phủ có thể tự coi mình là công ti độc quyền - như họ đã từng làm trong quá khứ với muối, điện thoại, phát thanh, truyền hình và nhiều thứ khác nữa. Hoặc họ sẽ lập ra các công ti độc quyền bằng cách dùng giấy phép để ngăn không cho người khác tham gia hoạt động trong một số ngành nghề. Họ có thể dùng lí do an toàn xã hội để biện minh cho hành động của mình - ví dụ người dân không nên đến khám bệnh hay đi xe taxi của bác sĩ hay tài xế không được cấp phép. Nhưng Mises tin rằng tất cả những chuyện đó đều từ động cơ chính trị mà ra. Giấy phép có thể làm cho chính quyền thu được nặng túi. Việc cấp phép cũng giúp cho những người đã hoạt động trên thương trường - những người giàu có hơn và có thể có nhiều ảnh hưởng chính trị hơn - đẩy lùi được sự cạnh tranh tiềm ẩn.

Một vài công ti độc quyền không thể nào xuất hiện nếu không có những cố gắng của chính phủ và các lực lượng chính trị muốn hạn chế cạnh tranh. Chủ nghĩa tư bản không có xu hướng dẫn đến độc quyền hoặc giá cả độc quyền; ngược lại, nó có xu hướng đa dạng hóa rất mạnh, làm cho số lượng thì tăng lên nhưng giá cả lại giảm đi. Các mô hình trong sách giáo khoa tìm cách che giấu nó, nhưng đây là toàn bộ vấn đề và cũng là lợi ích lâu dài của cạnh tranh.

TU BẢN VÀ LỢI NHUẬN

Tương tự tất cả các hiện tượng khác trong kinh tế học, tư bản và lợi nhuận xuất phát từ quyết định của các cá nhân - mà cụ thể là quyết định của họ về giá trị của thời gian¹.

Tầm quan trọng của thời gian trong lựa chọn của con người

Hầu như mục tiêu nào cũng cần thời gian. Có thể phải có nhiều bước đi; và ngay cả như thế cũng cần phải cố gắng mới có thể giữ vững được mục tiêu đã đạt được. Trong thuật ngữ kinh tế, sản xuất hàng hóa đòi hỏi thời gian - Mises gọi là giai đoạn sản xuất - còn hàng hóa thì lại có thể chỉ tồn tại

¹ Xin đọc *Human Action* và *The Theory of Money and Credit*.

trong một thời gian giới hạn nào đó - giai đoạn dự trữ. Ông cho rằng, ngay khi chúng ta tham gia vào sản xuất là chúng ta đã đối diện với lựa chọn: không chỉ chọn lựa phương tiện mà còn chọn lựa cả thời gian nữa. Chúng ta có thích dành nhiều thời gian để sản xuất ra sản phẩm chất lượng cao, sẽ phục vụ chúng ta trong một thời gian dài hay không. Hay chúng ta muốn làm ra sản phẩm không bền nhưng sản xuất nhanh hơn? Không ai có đặc quyền trả lời những câu hỏi đó: tất cả phụ thuộc vào cách đánh giá của các cá nhân liên quan.

Cách chúng ta đánh giá thời gian là thành tố quan trọng nhất trong mọi hành động của chúng ta. Ai cũng thích thỏa mãn ngay bây giờ hơn là một sự thỏa mãn tương tự trong tương lai; mặc dù một số người đánh giá cao thỏa mãn ngay lập tức và tiêu thụ mọi thứ họ kiếm được, trong khi một số người khác tích lũy để có thể (hi vọng) được thỏa mãn nhiều hơn trong tương lai. Rõ ràng là người tiêu thụ ngay món hàng trị giá 100 USD hôm nay có nghĩa là họ đánh giá việc tiêu thụ này cao hơn là 104 USD hoặc gần như thế nếu số tiền được đưa vào ngân hàng và sẽ rút ra sau một năm. Nếu thời gian không có ý nghĩa gì với họ thì bao giờ họ cũng thích có 104 USD sau một năm nữa. Nhưng thời gian là có hạn và có giá trị đối với chúng ta. Cách

các cá nhân lựa chọn thời gian chi tiêu là chìa khoá giúp ta hiểu được hiện tượng lợi nhuận.

Mises đưa ra ví dụ đầy thuyết phục như sau. Bạn có thể bắt cá bằng cách tóm nó bằng tay. Bạn có thể bắt được nhiều cá hơn nếu sử dụng thuyền và lưới - nhưng phải có thời gian thì mới làm được thuyền và lưới. Bạn có thể phải nhịn đói trong khi đang làm những vật dụng này hoặc là phải có cá dự trữ trong khi tiến hành công việc. Nhưng tiêu dùng được hoãn lại giúp làm ra những loại hàng hóa tư bản; đó là con đường dẫn tới khả năng cung cấp nhiều hơn trong tương lai: bạn có thể bắt những loại cá khác nhau mà dùng tay thì không thể nào bắt được. Nhưng đây là sự lựa chọn cá nhân của bạn, bạn phải chọn xem liệu lợi ích trong tương lai có đáng để nhịn đói lúc này hay không.

Sự phức tạp của tư bản

Tư bản, Mises kết luận, là vấn đề rất phức tạp; và tư bản gắn bó mật thiết với cách đánh giá của con người, mục đích và sự ưa thích của họ. Hàng hóa tư bản bao hàm trong nó tác nhân quan trọng nhất, đây là thời gian - hi sinh tiêu dùng ngay bây giờ để được tiêu dùng nhiều hơn trong tương lai. Hàng hóa tư bản có được sử dụng hay không và sử

dụng như thế nào không chỉ là vấn đề có công nghệ phù hợp hay không, nó phụ thuộc vào cách các cá nhân liên quan lựa chọn thời gian chi tiêu. Bạn có thể biết đóng thuyền và đan lưới, nhưng bạn lại cho rằng không đáng mất thì giờ và hi sinh như thế.

Hàng hóa tư bản là bước đệm dẫn đến tiêu dùng, tiêu dùng là mục đích duy nhất của sản xuất. Nhưng điều đó không có nghĩa là đất nước càng chi nhiều cho “tư bản” thì khả năng sản xuất nhất định sẽ tăng. Năng lực sản xuất phụ thuộc vào sự kết hợp mang tính đặc thù của các loại hàng hóa tư bản hiện có. Ví dụ, xưởng đóng tàu, nhà máy luyện thép và mỏ than có thể hoàn toàn phụ thuộc vào sản phẩm của nhau, trong khi từng nhà máy riêng biệt thì chẳng có tác dụng gì.

Nói cách khác, không phải là tổng đầu tư cho hàng hóa tư bản mà là hàng hóa nào và ở đâu, được sử dụng như thế nào - nói cách khác: cơ cấu của tư bản mới là quan trọng. Cơ cấu tư bản đóng vai trò quyết định cách thức phản ứng của nền kinh tế trước những thay đổi. Hàng hóa tư bản bao gồm rất nhiều loại khác nhau: một số, ví dụ như cái búa máy có thể được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau; số khác, như khuôn làm đồ gốm thì chỉ được sử dụng cho một mục đích duy nhất. Nếu nhu cầu

của người tiêu dùng thay đổi (ví dụ như thay đổi thời trang), một số hàng hóa tư bản có thể được tái sử dụng hay sửa lại để phục vụ cho những mục tiêu mới; nhưng một số khác sẽ bị loại bỏ. Quyết định của nhà sản xuất phụ thuộc một phần vào khả năng thay đổi hàng hóa tư bản cho những mục đích mới.

Tư bản là ý tưởng chứ không phải là đồ vật

Cần phải nhớ rằng tư bản chỉ là một ý tưởng chứ không phải là đồ vật. Tương tự như “kích thước”, nó không tồn tại tự thân mà phụ thuộc vào những đồ vật mà chúng ta mô tả là lớn hay nhỏ. Tư bản chỉ tồn tại trong hàng hóa tư bản. Tương tự các khái niệm “cộng gộp” khác (như “tiêu thụ” và “thu nhập quốc dân”), “tư bản” trong quan niệm của các nhà kinh tế học dòng chính (và marxist) là tổng cộng của rất nhiều thứ khác nhau. Kết quả là nó đã che lấp tất cả những vấn đề quan trọng: tính chất thật sự của những thứ khác nhau đó, cơ cấu và ý nghĩa của chúng đối với những con người đang hành động.

Lầm lẫn đã dẫn đến huyền thoại marxist rằng tư bản “tự tái tạo lại chính mình” và “sinh ra lợi nhuận”. Không có gì sai lầm hơn thế, Mises nói. Tư bản không tự nhiên mà có, nó là kết quả của những hành động

có tính toán của những con người chấp nhận từ bỏ tiêu dùng và tạo ra hàng hóa tư bản. Nó có thể bị mất nếu tính toán sai, đây là khi doanh nhân không dự đoán được thương trường trong tương lai. Nó cũng có thể bị mang ra tiêu dùng, đây là khi người ta bán phương tiện sản xuất để thanh toán hóa đơn hoặc gia tăng chi tiêu. Nó cũng có thể bị mất, đây là khi chính phủ tài trợ cho những vụ đầu tư chẳng mang lại lợi ích kinh tế nào. Cho nên tư bản hoàn toàn không phải là vật chất có thể tự tái sinh.

Những người xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ] thường nghĩ rằng họ có thể gia tăng được sản lượng hàng hóa của cả nước bằng cách đập tan cơ sở hạ tầng của nền sản xuất cũ và thay bằng một cơ sở hạ tầng mới, hiện đại hơn và hiệu quả hơn. Nhưng tích lũy tư bản đòi hỏi thời gian và công sức: phải tiết kiệm dần, cho nên không thể thay mọi thứ ngay một lúc được. Hơn nữa, việc thay tài sản hiện có là lãng phí thì giờ và công sức đã đầu tư vào những tài sản đó. Cái khả thi về mặt công nghệ không phải lúc nào cũng có ý nghĩa kinh tế: người ta không bỏ máy hút bụi cũ và thay ngay khi có mẫu mới.

Các chính phủ xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ] không nhất thiết là sẽ thuận lợi nhất trong việc quyết định nên đầu tư vào những hàng

hóa tư bản nào và sử dụng chúng ra sao. Trong nền kinh tế thị trường, người tiêu dùng quyết định điều đó thông qua cách chi tiêu của họ. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ], những người lập kế hoạch sẽ là người quyết định, nhưng họ lại không có tiêu chuẩn để lượng định cách đánh giá của hàng triệu người tiêu dùng khác hẳn nhau.

Hiện tượng lợi nhuận

Lợi nhuận là một khái niệm cũng phức tạp như khái niệm con người và khái niệm tư bản. Lợi nhuận trên thị trường bao gồm nhiều thành tố khác nhau, như lợi nhuận của người cho thuê bao gồm cả lãi suất trong trường hợp một số người vay không trả được nợ và có thể còn nhiều hơn. Nhưng thành phần căn bản của lợi nhuận - cái mà Mises gọi là lợi nhuận gốc - là cách các cá nhân lựa chọn thời gian chi tiêu. Nói một cách đơn giản, họ muốn tiêu ngay 100 USD hay sẽ tiêu 104 USD vào năm sau?

Bao giờ cũng thế, quyết định là ở những cá nhân liên quan. Tư bản không phải là cái có thể tự động tạo ra hoặc “sinh ra” lợi nhuận, như cây sinh ra quả. Trên thực tế, ý tưởng “tư bản” chỉ là phương tiện tính toán trừu tượng: thực ra, tư bản chỉ tồn tại trong hàng hóa tư bản mà thôi. Và như chúng ta đã

thấy, hàng hóa tư bản không thể tự động tạo ra lợi nhuận hay thu nhập.

Như vậy, lợi nhuận không phải là “sản phẩm” của tư bản. Nó chỉ xuất hiện vì nhìn chung người ta thích tiêu dùng ngay bây giờ chứ không muốn hoãn đến ngày mai. Chúng ta không thể loại bỏ được lợi nhuận, như một số người mơ mộng đề xuất, vì nó đơn giản là một phần bản chất của con người. Trên thực tế, chúng ta cũng không muốn loại bỏ nó: viễn cảnh được tiêu dùng nhiều hơn trong tương lai là nguồn động viên người ta chấp nhận hi sinh và đây chính là điều cần thiết cho việc tạo lập hàng hóa tư bản, nhờ đó mà sức sản xuất của loài người cũng ngày càng gia tăng.

Một lần nữa, cách đánh giá và lựa chọn của cá nhân tạo ra hiện tượng lợi nhuận. Vì người ta không thể sống mãi. Cho nên hành động của họ nhất định bị định hình bởi cách lựa chọn thời gian tiêu dùng của họ. Các chính phủ đã sai lầm khi cố gắng lèo lái (thường là ngăn chặn) lợi nhuận, cũng như họ đã sai lầm khi dùng luật pháp để ngăn chặn tình cảm của con người vậy. Hậu quả không tránh được của việc ngăn chặn lợi nhuận là giảm phần thưởng thu được từ tiết kiệm và đầu tư, dẫn đến giảm tiết kiệm, ít hàng hóa tư bản hơn và năng lực sản xuất cũng giảm theo.

TIỀN TỆ VÀ LẠM PHÁT

Tiền là một trong những thành tố quan trọng nhất của nền kinh tế thị trường. Giao dịch kinh tế phụ thuộc vào nó. Một lần nữa, theo Mises, chúng ta chỉ có thể hiểu được vai trò và hiệu quả kinh tế của đồng tiền nếu ta hiểu được ý nghĩa của nó đối với con người.

Tiền như là món hàng trao đổi

Bản chất của đồng tiền luôn làm các nhà kinh tế học bối rối. Nó không phải là tiện ích sản xuất, thực ra, doanh nhân phải bỏ tiền ra mua hàng hóa tư bản mà họ cần để sản xuất hàng hóa. Nó cũng không phải là tiện ích tiêu dùng: người ta không giữ tiền cho vui, ngoại trừ một vài kẻ keo kiệt bệnh hoạn. Vậy tiền là gì?

Chỉ trong một tác phẩm làm nhiều người phải kinh ngạc¹, Mises đã giải quyết được vấn đề rắc rối này. Tiền, Mises biện luận, là tiện ích kinh tế, mặc dù là một tiện ích không bình thường. Mục đích của nó không phải là sản xuất, cũng chẳng phải là tiêu dùng. Mục đích của nó là trao đổi. Người ta thích cất giữ tiền vì nó tạo thuận lợi cho việc trao đổi để lấy những món hàng khác. Dễ dàng thấy được vì sao. Không có tiền thì chúng ta phải tìm cho bằng được người có món hàng mà chúng ta cần và đây lại phải là người muốn nhận chính món hàng mà chúng ta đưa ra trao đổi. Anh thợ cắt tóc đối phải lùng sục khắp cả nước để tìm cho ra anh bán bánh mì cần cắt tóc. Nhưng thông qua trung gian là tiền anh thợ cắt tóc có thể cắt tóc lấy tiền rồi đem tiền đó mua bánh mì của bất kì anh bán bánh mì nào, tại bất cứ thời điểm nào trong tương lai.

Cung, cầu và giá trị của đồng tiền

Tương tự như một số món hàng khác, tiền là của hiếm và người ta cần tiền. Người ta muốn có một khoản dự trữ, sẵn sàng để có thể đổi lấy những món hàng mà họ có thể cần trong tương lai. Và cũng giống như các món hàng khác, tiền cũng có

¹ Xin đọc *Theory of Money and Credit*.

giá - đây là tỉ lệ mà nó có thể trao đổi với những món hàng khác. Giá này được thể hiện một cách hơi kì quặc - không phải bằng số hàng có thể đổi được một dollar (mấy quả trứng một dollar) mà mấy dollar mua được một món hàng (mấy xu mua được một quả trứng); và chúng ta thường không nói về "giá cả" của đồng tiền mà nói đến sức mua của nó. Nhưng đây là giá cả, trên cơ sở cung và cầu, tương tự như những món hàng khác. Nhu cầu về tiền phụ thuộc vào cách đánh giá của những cá nhân liên quan. Số tiền mà một người muốn giữ nhằm thực hiện các giao dịch trong tương lai phụ thuộc vào tính khí và hoàn cảnh của người đó. Thực ra, số tiền người ta giữ phụ thuộc không chỉ vào cách người ta đánh giá đồng tiền như là phương tiện trao đổi mà còn phụ thuộc vào cách người ta đánh giá những món hàng khác nhau mà họ có thể mua với số tiền đó. Và nhu cầu như thế sẽ ảnh hưởng đến giá, hay sức mua của đồng tiền.

Nói cách khác, tiền không phải là một cái gì đó đứng bên ngoài thương trường. Nó cũng không phải là một bản vị giá cả bất di bất dịch. Trên thực tế, tiền có giá của nó, giá này được xác định bởi cách thức những cá nhân có liên quan, tại thời điểm nhất định và thời gian nhất định, đánh giá về những dịch vụ mà nó cung cấp.

Cung tiền cũng không kém phần phức tạp hơn là cầu. Có nhiều loại tiền khác nhau. Có loại tiền hàng hóa như vàng và bạc, tức là những đồ vật, bên cạnh vai trò là trung gian trao đổi chúng còn có giá trị thương mại nữa. Đây chính là cái mà Mises gọi là tiền tín dụng, tương tự tín phiếu do các ngân hàng phát hành trên cơ sở dự trữ của họ. Và tiền phát hành, tức là tiền giấy và tiền xu do các chính phủ phát hành; những loại tiền này không còn được bảo đảm bằng dự trữ vàng nữa: chúng chỉ còn là những tờ giấy hay biểu hiện, nhưng vẫn được mọi người coi là phương tiện trao đổi.

Nhiều thứ chúng ta gọi là tiền trên thực tế lại chỉ là vật thay thế cho tiền mà thôi – chỉ là lời tuyên bố là được bảo đảm bằng tiền, tương tự phiếu nhận bánh và được bảo đảm bằng bánh mì vụn. Đây là tiền giấy và tài khoản có thể rút ra được ngay. Nhưng rất tiện lợi - chúng ta không phải mang theo người những vật có thể trao đổi được như vàng và bạc - chúng ta vui vẻ sử dụng và trao đổi như thể chúng là tiền thật.

Sự phức tạp của cung và cầu tiền là do cách đánh giá của những cá nhân liên quan, có nghĩa là mô hình đơn giản này có thể làm người ta lầm lẫn. Ví dụ, lí thuyết ổn định tiền tệ cho rằng cung tiền tăng sẽ làm cho sức mua giảm tương đương: giống

như phần lớn các hàng hóa khác, giá giảm khi có nhiều hàng hóa hơn. Mises chấp nhận lí lẽ này. Nhưng ông khẳng định rằng kết quả thực sự không hoàn toàn chắc chắn như thế. Ví dụ, cách dân chúng nghĩ về các loại tiền khác nhau hoặc về nguồn gốc của chúng (chính phủ, ngân hàng hay thỏa thuận giữa các thương nhân) sẽ ảnh hưởng đến cách đánh giá và thay đổi trong những đồng tiền đó. Biến động trong việc cung các loại tiền và vật thay thế tiền khác nhau - hoặc biến động trong sự cân bằng tương đối giữa chúng với nhau - có thể tạo ra những kết quả không lường trước được.

Những mối đe dọa đối với giá trị của đồng tiền

Đôi khi kết quả thật là tồi tệ. Ví dụ, nếu khối lượng vật thay thế cho tiền quá lớn, như phiếu lĩnh bánh mì nhiều hơn nhiều lần số bánh hiện có (cái gọi là phát hành tiền giấy) thì người ta sẽ không còn tin vào giá trị của nó nữa. Điều đó có thể làm cho người ta lao tới ngân hàng để rút tiền hoặc dẫn tới một vụ sụp đổ của đồng tiền quốc gia.

Thực ra, dù tiện lợi, nhưng việc người ta có thể dễ dàng gia tăng lượng tiền mặt hoặc những vật thay thế cho tiền có thể tạo ra những mối nguy rất lớn. Việc cung tiền hiện kim như vàng và bạc là tương đối ổn định, mặc dù việc phát hiện ra các mỏ

mới hay công nghệ mới (ví dụ như kĩ thuật khai mỏ được cải thiện) có thể làm cung gia tăng đột biến. Nhưng lúc đó các ngân hàng hoặc ngân hàng trung ương chỉ cần một chữ kí là đã có thể ngay lập tức tăng tài khoản tiền gửi của người dân rồi.

Hiện nay hệ thống hoạt động ngân hàng bằng cách dự trữ theo tỉ lệ¹ đang giữ thể thượng phong cho nên có những giới hạn về mặt pháp lí hoặc các ngân hàng tự giới hạn trong việc phát hành: nhưng ngay cả như thế, bằng cách phát hành, dự trữ trong kho của ngân hàng cũng có thể bị thổi phồng lên gấp mấy lần. Chính phủ ít bị hạn chế hơn, chính phủ có thể in thêm tiền hoặc tạo ra các khoản tiền gửi, nhiều hoặc ít tùy thích. Càng có nhiều tiền hoặc vật thay thế cho tiền thì giá của nó - tức là sức mua của đồng tiền - càng giảm. Và điều đó được thể hiện trong việc tăng giá của các hàng hóa khác - thường gọi là lạm phát².

¹ Hoạt động mà các ngân hàng THƯƠNG MẠI thực hiện duy trì dự trữ các tài sản có khả năng chuyển hoá cao ở một mức nào đó, thường là mức thấp nhất trong tổng danh mục tài sản của họ.

² Đối với Mises thì lạm phát là phát hành quá nhiều tiền hoặc nổi lòng tin dụng, vượt quá nhu cầu của chúng, nhưng nhiều người lại sử dụng thuật ngữ này để chỉ sự tăng giá do nổi lòng tiền tệ và tin dụng gây ra.

Hậu quả của chính sách nới lỏng tiền tệ

Quan điểm giản đơn của chủ nghĩa tiền tệ là việc gia tăng đột ngột khối lượng tiền mặt hay tín dụng chỉ làm tăng giá “danh định”, nhưng không tạo ra ảnh hưởng lâu dài đối với nền kinh tế. Mises không chấp nhận quan điểm này, ông cho rằng ảnh hưởng là có thực và có hại.

Một trong những lí do là việc nới lỏng diễn ra không đồng đều. Nó phải bắt đầu từ một nơi nào đó và từ đấy lan rộng ra, những người khác nhau sẽ bị nó tác động trong những giai đoạn khác nhau. Nó có thể bắt đầu bằng việc chính phủ in thêm tiền, việc đó lại tạo điều kiện cho chính phủ mua thêm nhiều hàng hóa và dịch vụ hơn. Những người cung cấp dịch vụ cho chính phủ là những người được lợi đầu tiên, và khi bán được nhiều hàng hơn thì họ cũng trả lương cho những người cung cấp và công nhân nhiều hơn trước. Như vậy là công nhân và những nhà cung cấp cho họ là những người được hưởng lợi tiếp theo; và vụ bùng nổ sẽ lan truyền từ lĩnh vực này sang lĩnh vực khác. Giống như một vụ lở tuyết, Mises nói, giá và lương tăng; nguồn lực thực tế và sức lao động bị kéo từ lĩnh vực này sang lĩnh vực khác, rồi lại sang lĩnh vực khác nữa... Thay đổi trong chính sách tiền tệ dẫn đến những thay

đổi trong cách phân bố các nguồn lực kinh tế, chứ không chỉ thay đổi giá cả “danh định”.

Ngay cả việc nới lỏng có được thực hiện một cách đồng đều thì ảnh hưởng tới giá cả cũng hoàn toàn không như nhau. Một số người có thể tiêu ngay số tiền gia tăng, một số khác lại tiết kiệm. Và nhiều tiền chui vào túi người dân không có nghĩa là họ có thể mua mọi thứ hàng hóa theo tỉ lệ tương ứng. Họ có thể mua nhiều đồ xa xỉ hơn và mua ít hàng hóa kém chất lượng hơn. Như vậy là chính sách nới lỏng tiền tệ không phải là chính sách trung tính mà nó sẽ có ảnh hưởng thực tế đối với cách thức tiêu dùng và sản xuất.

Khi vụ bùng nổ đổ ập xuống nền kinh tế, một số người sẽ làm ăn thành công hơn một số người khác. Những người ở gần trung tâm nhất sẽ được lợi nhất, trong khi những người ở xa có thể phải chịu tác động của làn sóng tăng giá rất lâu trước khi được hưởng lợi ích trực tiếp của vụ bùng nổ đang lan truyền. Việc được hay mất của người dân còn phụ thuộc vào việc họ dự đoán vụ bùng nổ giá cả chính xác đến mức nào. Một số người có thể cho rằng tăng giá chỉ là tạm thời và không thay đổi thói quen chi tiêu; nhưng nếu giá cả cứ gia tăng liên tục thì họ sẽ gặp khó khăn vì số tiền họ có sẽ mua được ngày càng ít hàng hơn. Trong khi những người

khác, tức là những người nhận thức được chuyện đó, sẽ lao đi mua hàng trước khi sức mua của đồng tiền giảm thêm.

Nếu giá cả tiếp tục tăng thì sẽ ngày càng có nhiều người tiêu ngay lập tức số tiền mà họ có trước khi tiền mất giá thêm. Việc chi tiêu sẽ gia tăng đột biến, giá cả cũng thế và sẽ xuất hiện nguy cơ là vụ bùng nổ sẽ biến thành cái mà Mises gọi là vụ bùng nổ hết hơi, đây là khi người dân cuống cuồng chi bằng hết số tiền đang ngày càng mất giá của họ cho đến khi toàn bộ hệ thống tiền tệ sụp đổ dưới áp lực của cách chi tiêu như thế. Dĩ nhiên là chính ông đã chứng kiến những chuyện như thế ở châu Âu trong những năm 1920.

Mục đích của chính sách tiền tệ

Nguy cơ của tăng trưởng nóng và sụp đổ là rất thực tế. Nhưng các chính phủ bao giờ cũng thích chính sách nói lỏng tiền tệ vì nó nằm ở trung tâm cho nên được lợi trước tiên và được lợi nhiều nhất. Vậy thì chúng ta phải có chính sách như thế nào nhằm ngăn chặn những vụ nói lỏng như thế? Buộc chính phủ phải hướng đến mục tiêu là giữ giá cả ổn định là không thể được, Mises khẳng định. Không có cái gọi là “mức giá” - các loại giá khác nhau liên

tục lên rồi lại xuống. Ta có thể đưa sự chuyển dịch của giá cả của một “rổ” hàng hóa cụ thể nào đó vào chỉ số giá cả; nhưng kết quả sẽ phụ thuộc vào nội dung của “rổ” hàng hóa đó - và chính quyền sẽ là người quyết định “rổ” đó bao gồm những gì.

Trong quá khứ, Mises tuyên bố, việc quản lí của nhà nước đối với những ngân hàng phát hành và những công ti độc quyền của nhà nước đối với việc phát hành tiền giấy đã tỏ ra kém xa các công ti tư nhân không bị nhà nước kiểm soát trong việc giữ cho giá cả ổn định. Cho nên ông cho rằng nhiệm vụ đầu tiên của chính quyền là phê chuẩn và ủng hộ nguyện vọng của dân chúng trong việc dùng một loại hàng hóa nào đó làm tiền tệ. Đây có thể là vàng hoặc bạc hay bất cứ thứ nào khác; nhưng dù dân chúng có chọn cái gì thì chính sách vẫn phải nhắm đến mục tiêu là không bị các mục đích chính trị làm cho sai lạc đi.

Bản vị hàng hóa?

Nếu chúng ta muốn xây dựng một hệ thống tiền tệ an toàn, Mises kết luận, thì chúng ta phải dựa vào một loại bản vị hàng hóa (ví dụ như vàng); và việc phát hành tiền giấy hoặc tiền gửi ngân hàng phải bị giới hạn. Ông công nhận rằng bản vị hàng

hóa cũng không phải là lí tưởng: phải chi phí để tuyển lựa và giữ gìn món hàng đó; giá trị của nó dao động theo cung cầu; và chúng ta vẫn phải cần giấy tờ chứng chỉ và hệ thống kế toán để có thể sử dụng nó một cách hữu hiệu. Nhưng ưu việt quan trọng nhất của tiền hiện kim là nó không phụ thuộc vào chính phủ - hoặc nói một cách cụ thể hơn là không phụ thuộc vào những chính khách đang tìm cách lấy lòng dân chúng bằng cách tạo ra những vụ tăng trưởng nóng để rồi sẽ biến thành những vụ sụp đổ đầy tai họa.

Mặc dù Mises và nhiều nhà kinh tế học Áo tiếp tục cố vũ, dùng vàng làm đơn vị tiền tệ vẫn được ít người ủng hộ. Các chính trị gia tin rằng tiền giấy nhìn chung vẫn có tác dụng tốt. Tuy có xảy ra lạm phát. Nhưng họ phản bác rằng hiện tượng này đã được nhận thức thấu đáo hơn và có thể ngăn chặn được. Và, tuy có những vụ suy sụp kinh tế, một số vụ khá nghiêm trọng. Song trong những thập kỉ qua, từ ngày không còn coi vàng là bản vị nữa, nền kinh tế thế giới đã phát triển một cách nhanh chóng.

Trong khi nhiều người tin rằng tiền quả thực đã và đang giúp nền kinh tế thế giới mở rộng giới hạn an toàn của nó thì dường như đề xuất dùng vàng làm đơn vị tiền tệ của Mises không được

nhiều ủng hộ. Kể cả như vậy, ông vẫn đóng góp được nhiều ý kiến giá trị về việc điều hành hệ thống tiền tệ quốc gia hiện nay. Đặc biệt là ý tưởng về “nghiệp vụ ngân hàng hẹp” - trong đó, số lượng tiền mà ngân hàng có thể in sẽ bị hạn chế một cách chặt chẽ - là nhờ Mises và những người đã trải qua vụ sụp đổ tài chính theo sau vụ bùng nổ tín dụng trong những năm trước năm 2007. Đây là chính sách đã có sức hấp dẫn nhất định.

TAI HỌA CỦA CHU KÌ KINH TẾ

Các nhà kinh tế học đã xem xét rất lâu vì sao hoạt động kinh tế dường như lại diễn ra theo chu kì, theo sau giai đoạn phát triển bao giờ cũng là giai đoạn suy thoái - gọi là chu kì kinh tế. Các nhà kinh tế học tiền bối thuộc Trường phái Áo đã thảo luận vấn đề này trước Mises, và họ đã để đồng nghiệp của ông là F. A. Hayek công bố kết quả nghiên cứu chung của hai người cho nên phần đóng góp của Mises đã không được nhiều người công nhận. Nhưng, đóng góp của ông có vai trò đặc biệt quan trọng: bằng một cách trình bày đặc trưng, Mises đã liên kết một số đề tài - tiền tệ và tín dụng, quá trình sản xuất, giá cả và lãi suất - vào một lí thuyết bao trùm về tăng trưởng nóng và suy thoái¹.

¹ Xin đọc *Theory of Money and Credit* và *Human Action*.

Mises cho rằng tiền, trong ý nghĩa rộng nhất của từ này - bao gồm các phương tiện tín dụng của chính phủ, tiền xu, giấy bạc ngân hàng không có bảo đảm và tín dụng - là nguồn gốc của tai họa đó. Chính sách nới lỏng tiền tệ ảnh hưởng đến tương quan giá cả giữa các món hàng khác nhau và làm cho sai lệch đi. Chính sách này còn tạo ra những nguồn tài chính mới trên thị trường vay nợ, làm giảm lãi suất. Đến lượt mình, những khoản vay với lãi suất thấp lại thúc đẩy các doanh nghiệp vay và xây các nhà máy sản xuất phức tạp hơn. Nhưng sau khi vụ tăng trưởng nóng qua đi, Mises giải thích, mọi người mới thấy rằng đây là sai lầm phải trả giá đắt.

Sự quyền rũ của lãi suất thấp

Thước đo quan trọng nhất là cái mà Mises gọi là lợi nhuận nguyên thủy. Lợi nhuận này phản ánh việc lựa chọn thời gian chi tiêu của con người - ví dụ, họ sẵn sàng đợi một năm để biến việc chi tiêu từ 100 USD thành 104 USD, như đã giải thích bên trên. Nếu quá trình sản xuất có thể tạo ra thu nhập bằng hoặc lớn hơn số tiền đó thì đây là quá trình có ý nghĩa kinh tế. Nếu không, việc đầu tư sẽ không thể biện hộ được.

Nhiều quỹ cho vay nổi lên đồng nghĩa với lãi suất thị trường thấp hơn lãi suất ban đầu thì vay để đầu tư sẽ trở thành có lợi, nhưng trên thực tế những vụ đầu tư này đã không phản ánh đúng việc lựa chọn thời gian chi tiêu của người dân. Các doanh nghiệp sẽ nhận thấy rằng những quy trình sản xuất mới đó cuối cùng đã thất bại. Đây là cội nguồn của chu kì kinh tế.

Sự phát triển của chu kì kinh tế

Thời gian đầu, các quỹ cho vay mới nổi làm cho lãi suất giảm đi, mọi việc đều dường như rất thuận lợi và đầy triển vọng. Với lãi suất thấp, các dự án sản xuất mới dường như sẽ mang lại nhiều lợi nhuận. Cho nên các doanh nghiệp vay để mua vật tư, thuê lao động và đặt trang thiết bị mới. Tăng trưởng nóng bắt đầu. Nhưng không lâu sau đó, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp về lao động và vật tư sẽ đẩy định mức tiền lương và giá thành sản xuất lên. Nhưng lúc đó lương công nhân cao sẽ đẩy giá hàng tiêu dùng lên. Điều đó càng làm cho các doanh nhân phấn khởi hơn; họ, mặc dù giá thành cao, nhưng vẫn hi vọng rằng giá sản phẩm cuối cùng cũng sẽ cao. Họ cứ làm tiếp và tăng trưởng nóng tiếp tục.

Tuy vậy, giá lên nghĩa là các doanh nhân phải vay thêm để duy trì quá trình sản xuất mới. Họ biết rằng nếu bỏ các dự án này thì chắc chắn họ sẽ bị lỗ. Tương tự người xây dựng đã làm nền móng quá to và hết gạch, họ vay để tiếp tục xây dựng, hi vọng giữ được những khoản đầu tư trước đó.

Nhưng nếu các quỹ cho vay mới không tiếp tục xuất hiện thì lãi suất thị trường sẽ bắt đầu gia tăng vì nhu cầu vay của các doanh nhân bây giờ đã vượt cung. Ngân sách của doanh nghiệp bị co lại và họ buộc phải cắt giảm: lương sẽ giảm hoặc công nhân bị sa thải, và tăng trưởng nóng sẽ ngừng.

Và đây chính là những điều xảy ra trên thực tế. Các khoản vay ngày một nhiều hơn nhằm duy trì tăng trưởng nóng sẽ không thể kéo dài được mãi. Những người cho vay bắt đầu lo lắng về sự an toàn của các khoản vay mà họ đã cấp và bắt đầu ghìm lại. Nhưng vụ siết tín dụng mới này đơn giản là đã cho thấy tính chất không bền vững của tăng trưởng nóng. Các dự án mà lãi suất vay thấp làm cho trở thành có lãi bây giờ trở thành không còn lãi nữa.

Việc quay trở lại với chính sách ổn định tiền tệ không phải là nguyên nhân của khủng hoảng: nó chỉ phơi bày những vụ đầu tư sai lầm trong quá khứ mà thôi. Và những sai lầm này sẽ dẫn đến thiệt hại trên thực tế. Không thể vay mãi được, các công

ti sẽ hết tiền. Họ sẽ phải bán tài sản theo giá mà người khác đưa ra, nhà máy sẽ bị đóng cửa, dự án xây dựng bị bỏ, công nhân nghỉ việc. Các công ti không trả được nợ, còn người cho vay thì nâng lãi suất để bù lại khoản đã mất, làm cho những người đi vay càng khó khăn hơn. Sự suy giảm đột ngột tín dụng làm cho ngay cả các công ti thận trọng cũng bị thiệt hại. Đồ vỡ tiếp tục gia tăng, một số sẽ rơi vào hoảng loạn.

Thoát ra là đau đớn

Các chính khách có thể tuyên bố rằng hoảng loạn gây ra tai họa, rằng tất cả chúng ta phải sợ chính nỗi sợ, và rằng chỉ cần chúng ta lấy lại được lòng tự tin thì có thể ngăn chặn được vòng xoáy tròn ốc đi xuống. Nhưng Mises khẳng định rằng không phải như thế. Không có cách nào thoát được quá trình này, đành phải để mặc cho vết thương của những vụ đầu tư sai lầm trong quá khứ tự lành.

Trong khi đó đồng vốn thì bị mất và người tiêu dùng gặp khó khăn hơn. Không như những kẻ chủ mưu hi vọng, vụ tăng trưởng nóng tín dụng và tiền chẳng làm cho ai giàu thêm mà lại làm cho tất cả nghèo đi. Trong quá trình đó, cán cân của cải và thu nhập sẽ dịch chuyển, hình thức chi tiêu mới sẽ

xuất hiện và người ta sẽ phải quen dần và thiết lập nên tương quan giá cả mới. Phải mất thời gian và công sức để tái xây dựng quá trình sản xuất phản ánh được mẫu hình mới về nhu cầu mới của người tiêu dùng.

Chỉ có một lối thoát, Mises khẳng định, đây là đi qua giai đoạn lao dốc của lương và giá. Bất kì cố gắng nào nhằm trì hoãn việc điều chỉnh - ví dụ như công đoàn hay chính phủ chống lại việc sa thải và cắt giảm tiền lương - đơn giản là chỉ kéo dài thời gian đau đớn và làm chậm lại quá trình phục hồi. Sự kiện đáng buồn là vụ tăng trưởng nóng ban đầu, có tính hão huyền đó không hề báo trước một sự thịnh vượng nào, lại đẩy các doanh nghiệp vào những vụ đầu tư sai lầm dẫn đến mất mát những nguồn lực quý giá. Những cố gắng sau đó không thể nào thay đổi được sự kiện lịch sử và hậu quả tai hại của nó.

Lí giải của Mises-Hayek cho ngày nay

Các nhà kinh tế theo trường phái Keynes, những người giữ thế thượng phong trong tư duy kinh tế thời hậu chiến ở châu Âu và Mĩ, không bao giờ chấp nhận lí giải về chu kì kinh tế do Mises và Hayek đưa ra.

Họ nghĩ rằng suy sụp là tín hiệu cho thấy cần phải nới lỏng hơn nữa chứ không phải là hậu quả không thể tránh được của những sai lầm trong quá khứ. Rằng, dĩ nhiên là các vụ suy sụp đó chủ yếu là do lạm phát quá cao trong những năm 1960 và 1970. Ngay cả những người theo chủ nghĩa tiền tệ, những người đã giúp chữa lành được vụ lạm phát đó, cũng không chấp nhận cách giải thích của Trường phái Áo. Ví dụ như Milton Friedman, ông này kết luận rằng lời giải thích của họ “mâu thuẫn với thực tế” và tin là “sai”.

Tuy nhiên, sau cuộc khủng hoảng tài chính, xuất hiện lần đầu năm 2007, số người quan tâm đến cách lí giải của Mises và Hayek đột ngột gia tăng. Vì các sự kiện dường như phù hợp với phân tích của họ. Trong hơn một chục năm, các cơ quan quản lí tiền tệ ở Mĩ và Anh đã tung ra quá nhiều tín dụng lãi suất thấp. Họ giữ lãi suất thấp vì cho rằng đây là cách duy nhất để tránh suy sụp sau những sự kiện làm mất niềm tin như vụ sụp đổ thị trường chứng khoán năm 1987, vụ vỡ nợ của Nga năm 1998 hay vụ tấn công khủng bố ở Mĩ tháng 9 năm 2001. Họ còn tin rằng hàng triệu người có tiền tiết kiệm ở Trung Quốc đã tham gia vào nền kinh tế thế giới có nghĩa là lãi suất phải được hạ xuống để phản ánh đúng thực tế cung cầu (Trong thị trường tự do, lãi

suất sẽ tự động được ấn định; nhưng trong thị trường bị thao túng thì các cơ quan quyền lực quyết định lãi suất tín dụng). Và tác nhân thứ tư là một khối lượng lớn hàng hóa giá rẻ xuất xứ từ Trung Quốc đã làm cho giá hàng hóa giảm và làm cho các cơ quan quyền lực tin rằng họ không chi tiêu vượt mức cung của tiền.

Và dĩ nhiên là họ đã đổ thêm dầu vào lửa cho một vụ tăng trưởng cực kì nóng, đặc biệt là trên thị trường nhà ở, nơi những khoản vay với lãi suất thấp đã kích thích làm cho nhu cầu tăng một cách đột biến. Và cuối cùng là suy sụp, như Mises và Hayek từng nhận định chắc chắn nó sẽ xảy ra, và nhiều nước phát triển đã rơi vào tình trạng suy thoái khi những sai lầm trong lĩnh vực đầu tư vừa qua bị thanh lí. Mises cũng đã dự đoán được phản ứng của Anh và Mĩ đối với vụ suy sụp này - tìm đường thoát bằng cách in thêm tiền và vay những khoản tiền lớn chưa từng thấy - đơn giản là hạ giá đồng tiền, làm rối loạn thị trường và vì vậy mà làm cho quá trình hồi phục diễn ra chậm hơn.

**NHỮNG VẤN ĐỀ
CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
[THEO MÔ HÌNH LIÊN XÔ CŨ]**

Trong giai đoạn kéo dài từ Thế chiến I đến Thế chiến II, ở châu Âu, chủ nghĩa xã hội dường như là lực lượng vô địch, không gì có thể ngăn chặn được. Rất nhiều mô hình được đưa ra - trong đó có chủ nghĩa xã hội quốc tế, chủ nghĩa xã hội nhà nước và nền kinh tế kế hoạch hóa. Nhưng dù có mang tên gọi nào thì theo Mises, tư tưởng căn bản của chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] vẫn là tất cả các phương tiện sản xuất đều nằm dưới quyền kiểm soát toàn diện và tuyệt đối của cộng đồng đã được tổ chức¹.

¹ Quan điểm này là từ tác phẩm *Omnipotent Government*, nhưng luận điểm chính được trình bày trong *Socialism*.

Hàng hóa sản xuất và hàng hóa tiêu dùng

Những người xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ] chú tâm vào sở hữu công cộng các phương tiện sản xuất vì ý tưởng về sở hữu chung những thứ khác rõ ràng là vô nghĩa. Sở hữu nghĩa là có quyền quyết định một cái gì đó. Ta không thể gọi một người nào đó là chủ sở hữu ngôi nhà nếu người đó không có quyền quyết định cách thức sử dụng toà nhà hoặc có thể cho hoặc bán nó cho người khác. Quyền sở hữu bình đẳng nghĩa là có quyền kiểm soát hoặc sử dụng một cách bình đẳng.

Nhưng kiểm soát hoặc sử dụng một cách bình đẳng hàng hóa tiêu dùng - như thức ăn, quần áo, xe hơi, thú cưng, thuốc lá, đồng hồ đeo tay - là việc bất khả thi. Những người khác nhau không thể mặc cùng một cái áo khoác trong cùng một thời gian được. Hai đứa trẻ chỉ có thể chia nhau thanh socola sau khi nó đã được cắt thành từng phần. Sự kiện là ngay cả các nước xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ] cũng sử dụng cơ cấu thị trường để phân phối những món hàng như thế và cho phép mua bán những món hàng đó cho nhu cầu hoàn toàn cá nhân là chỉ dấu rõ ràng bản chất phi tập thể của những món hàng đó.

Nhưng hàng hóa sản xuất thì lại có vẻ hoàn toàn khác. Chúng chỉ phục vụ một cách gián tiếp,

chúng được sử dụng để làm ra hàng hóa tiêu dùng. Nhiều người có thể được hưởng lợi mà không cần phải chia cắt chúng thành từng phần riêng biệt. Ví dụ những người nắm giữ cổ phần được công ti chia cổ tức. Cho nên chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] không phải là mở rộng quyền sở hữu chung đó cho đến từng người hay sao?

Vấn đề tính toán trong chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ]

Rất khó, Mises khẳng định. Đầu tư cho nền sản xuất hiện đại là công việc tốn kém, đa dạng và liên kết với nhau. Bằng cách nào đó, chúng ta phải quyết định lựa chọn quy trình nào trong số rất nhiều các quy trình có thể thực hiện được. Và ngay cả như thế, chúng ta vẫn phải đối mặt với những sự thay đổi liên tục của những lựa chọn về cách vận hành, cải tiến và thay thế các quy trình đó. Khó khăn lớn nhất đối với chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] là chúng ta cần một nền tảng hữu lí nào đó để có thể đưa ra những quyết định khó khăn như thế; nhưng không có giá cả và lợi nhuận thì đây đúng là khó khăn nghiêm trọng.

Tuy nhiên, trước năm 1900, những người trí thức theo trường phái xã hội chủ nghĩa [theo mô

hình Liên Xô cũ] chỉ coi đây là vấn đề hoàn toàn có tính kĩ thuật - chỉ là vấn đề giải cùng một lúc rất nhiều phương trình cung và cầu mà thôi. Nhưng Mises chỉ ra rằng vấn đề tính toán trong chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] khó khăn hơn thế nhiều.

Trước hết, có rất nhiều loại hàng hóa cần phải quản lí - đây không chỉ là các nhà máy và thiết bị mà còn có các sản phẩm dở dang đang đi qua các quy trình sản xuất khác nhau và lao động cần đưa đến đó. Hơn nữa, các quyết định được đưa ra tại mỗi điểm trong cái hệ thống cực kì phức tạp đó lại không chỉ là quyết định hoàn toàn có tính kĩ thuật. Chúng phụ thuộc vào cách những người liên quan đánh giá các món hàng khác nhau đó. Nhưng những người lập kế hoạch trong chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] không thể đo lường được cách đánh giá của con người. Cách đánh giá vốn đã có tính cá nhân. Người ta thường bất đồng với nhau. Vậy thì những người lập kế hoạch lựa chọn như thế nào?

Nhưng vấn đề còn khó khăn hơn. Để đạt được mục tiêu mà ta đánh giá cao ta phải bỏ một số mục tiêu khác. Ví dụ, chúng ta có thể đánh giá cao lợi ích của điện, nhưng chúng ta sẽ sản xuất điện bằng cách khai thác than hay xây đập thủy điện mới? Dù

chúng ta chấp nhận quy trình nào thì cũng có nghĩa là chúng ta phải bỏ thì giờ, đất đai, công lao động và những nguồn lực khác vào đó, tức là đầu tư vào đó những thứ có thể được sử dụng cho những mục tiêu khác. Mỗi quyết định sản xuất mà chúng ta đưa ra đều có ảnh hưởng đến rất nhiều người khác. Và không phải người nào cũng đồng ý với lựa chọn của chúng ta: những người bảo vệ môi trường có thể đánh giá cánh đồng không bị đào xới hay thác nước cao hơn là năng lượng điện được mỏ than mới hay đập thủy điện mới cung cấp.

Cần phải có đơn vị tính toán

Nếu muốn sử dụng các nguồn lực một cách hợp lý thì chúng ta phải so sánh chúng và so sánh những sản phẩm khác nhau mà chúng tạo ra. Nhưng cơ cấu sản xuất càng phức tạp thì càng phải cân nhắc để lựa chọn nhiều quy trình sản xuất và sản phẩm hơn. Và càng nhiều người bị ảnh hưởng thì càng nhiều bất đồng hơn, và quyết định lại càng khó khăn hơn.

Chúng ta cần, theo Mises, một kiểu đơn vị tính toán, dựa vào đó ta có thể tính xem công việc kinh doanh là hợp lý hay bất hợp lý. Nhưng không có đơn vị nào có thể đo lường được cách đánh giá của

những người khác nhau về những đồ vật hay sự kiện khác nhau. Cách đánh giá của người này, chẳng khác gì nỗi đau buồn hay hạnh phúc của họ, không thể đem ra so sánh với cách đánh giá của người khác.

Tính toán bằng tiền

Trong nền kinh tế tự do, có một con đường thẳng - dù là gián tiếp - đưa chúng ta tiếp cận những cách đánh giá của dân chúng. Đây là nghiên cứu những lựa chọn của họ. Chúng ta có thể đo được số lượng của một vật mà người ta sẵn sàng từ bỏ để đổi lấy một vật khác - tức là tỉ lệ trao đổi giữa các hàng hóa khác nhau mà ta gọi là giá cả.

Giá thị trường là tổng hòa những sự lựa chọn của tất cả những người tham gia vào một vụ buôn bán cụ thể nào đó. Có giá thị trường cho quá trình sản xuất, cho sản phẩm trung gian cũng như cho hàng hóa tiêu dùng. Giá cả cho phép ta quy giản tất cả những lựa chọn kinh tế mà ta phải làm xuống một đơn vị chung cho tất cả mọi người: tiền.

Dĩ nhiên là tiền không mua được tình yêu, hay đức hạnh hoặc lòng thành thực. Nhưng nó chỉ cho ta thấy người ta sẽ đổi bao nhiêu vật này để lấy một vật khác và cung cấp cho ta kim chỉ nam đơn giản để có thể thoát ra khỏi mê hồn trận của những triển vọng kinh tế khác nhau.

Sản xuất 1.000 lít rượu vang hay sản xuất 500 lít dầu thì lợi hơn? Không có giá cả thì không có cơ sở để tính toán xem nên sản xuất cái gì, không có số liệu để đưa vào các phương trình của những nhà hoạch định kinh tế của chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ]. Lựa chọn sẽ được giao cho một số chính trị gia hay quan chức quyết định. Sự kì quặc của chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] là: vì nó đã bỏ giá cả cho nên nhất định nó phải thay việc ra quyết định trên cơ sở những lựa chọn của cả cộng đồng bằng sự ngẫu hứng của một cá nhân hay một nhóm người.

Hàng hóa sản xuất không có giá

Những người xã hội chủ nghĩa có thể phản đối vì cho rằng nền kinh tế của chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] hiện thực không xoá bỏ hoàn toàn tiền tệ. Công nhân vẫn được trả lương bằng tiền, và hàng hóa tiêu dùng vẫn được mua và bán bằng tiền mặt. Như vậy là đơn vị tính toán vẫn còn.

Nhưng trong chế độ xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ], hàng hóa sản xuất nằm trong tay sở hữu chung. Chúng không bao giờ được đem ra bán hay mua, mà là tài sản chung của toàn thể nhân dân. Cho nên chúng không có giá. Ngay cả khi trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ] tiền vẫn được sử dụng ở khu vực

nào đó, Mises nói, thì vai trò của nó trong việc ra quyết định trong sản xuất vẫn bị phủ nhận.

Thiếu sót này ảnh hưởng không chỉ đối với hàng hóa tư bản mà còn ảnh hưởng tới tất cả hàng hóa liên quan tới quá trình sản xuất. Chỉ có một vài quá trình sản xuất ra hàng hóa tiêu dùng hoàn thiện mà thôi: đa số còn lại sản xuất ra hàng hóa tư bản và sản phẩm dở dang (Như Carl Menger nói, muốn làm một cái bánh mì thì phải có bột, hạt lúa mì, lưỡi cày và quặng sắt). Tại mỗi giai đoạn trong “cuộc đời” của hàng triệu sản phẩm trung gian như thể người quản lí đều phải quyết định có cần bỏ thêm công sức vào nó hay không và nếu cần thì làm gì. Không có giá thì không thể tính toán được giá thành sản phẩm cho đến lúc đó hay giá của những giai đoạn khác trong tương lai. Toàn bộ nền kinh tế sẽ bị suy yếu vì không có thông tin về giá cả.

Những phép tính quá lớn so với đầu óc con người

Mục đích của cả chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội đều là đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của con người. Chủ nghĩa tư bản làm điều đó một cách thường xuyên và có hệ thống vì họ có đơn vị để tính toán - đấy là giá cả - dựa trên những lựa chọn thực tế của dân chúng. Trong chế độ xã hội chủ

nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ] quá trình này không diễn ra một cách trực tiếp như thế. Một người nào đó phải quyết định xem xã hội cần gì, nhu cầu nào là khẩn thiết nhất, phải hướng sản xuất như thế nào để đạt những mục tiêu đó. Nhưng không một nhà lập kế hoạch nào có thể biết dân chúng thực sự coi cái gì là có giá trị và dù có bao nhiêu công nghệ hoặc bao nhiêu nhà toán học thì cũng không thể giải quyết được vấn đề này. Công nghệ và tính toán chỉ có thể cho biết chúng ta có thể làm được gì chứ không thể nói cho chúng ta biết chúng ta phải hướng đến mục tiêu nào.

Thậm chí, ngay cả khi có công nghệ và cách tính toán thì cũng không có người nào có thể giải quyết được những vấn đề sản xuất phức tạp đến như thế. Có cần xây dựng đường sắt mới không? Tuyến đường nào có lợi nhất? Giá bỏ ra có tương xứng với lợi ích về vận tải và môi trường đem lại hay không? Tỷ lệ giữa công nhân có tay nghề và không có tay nghề bao nhiêu là tối ưu? Đem nhiên liệu, sắt thép và thiết bị sử dụng cho những dự án khác thì có lợi hơn không? Không có tiền, giá cả và lợi nhuận, hàng núi khả năng sản xuất như thế sẽ làm rối trí, không ai có thể giải quyết được.

Nhưng đối với các nhà lập kế hoạch xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ] thì vấn đề còn khó

khăn hơn vì ngay cả thu thập các thông tin cần thiết để tính toán cũng là việc bất khả thi. Đây không chỉ là vì các điều kiện kinh tế thay đổi rất nhanh và trong khi thông tin được thu thập và chuyển đến trung tâm lập kế hoạch thì nó đã trở thành lỗi thời rồi. Còn có khó khăn cơ bản hơn thế nữa. Như Hayek đã nhận định (trên cơ sở công trình của Mises), thông tin về thực tế của thị trường, chuyển động của giá cả và nhu cầu nhất định phải là thông tin có tính khu vực và phân tán trong toàn bộ nền kinh tế. Nó lại có tính chủ quan: những người khác nhau chỉ nhìn thấy những phần khác nhau của bức tranh; quan điểm của họ lại có thể rút lại thành hiểu ngầm, bản năng và kinh nghiệm, tức là những thứ không thể truyền đạt cho người khác - ví dụ như người lập kế hoạch ở trung ương. Ngay cả nếu các nhà lập kế hoạch có những chiếc máy tính tuyệt vời nhất thế giới thì thông tin mà cái máy này xử lý cũng sẽ không đầy đủ, lỗi thời và thường mâu thuẫn với nhau.

Chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] thị trường

“Chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] thị trường” là câu trả lời cho vấn đề tính toán do Mises đưa ra. Những nhà tư tưởng có nhiều ảnh

hướng như Oskar Lange¹ và Abba Lerner² nghĩ rằng có thể xây dựng được thị trường “lí tưởng”, mà giá cả là do các nhà quản lí quyết định. Lerner đưa ra những quy định đơn giản nhằm hướng dẫn các nhà quản lí - ví dụ, họ phải đạt mục tiêu là sản phẩm đầu ra phải có giá bán phù hợp với giá thành sản xuất (nghĩa là ở bất kì chỗ nào, năng lực sản xuất cũng không tạo ra sản phẩm thừa).

Mises phản bác rằng khái niệm này chỉ có tính lí thuyết và quá tĩnh tại. Các quá trình kinh tế trong thế giới thực không bao giờ có thể đạt được sự hoàn hảo và cân đối, hầu như liên tục phải điều chỉnh vì các sự kiện liên quan đa dạng, phức tạp và thay đổi. Lựa chọn sản xuất cũng không bao giờ có thể tóm tắt và điều khiển bằng những nguyên tắc đơn giản.

Lange giữ quan điểm cho rằng giá cả có thể được điều chỉnh cho phù hợp khi thặng dư hay thiếu hụt xuất hiện, các nhà quản lí sẽ điều chỉnh đầu ra cho phù hợp. Nhưng Mises cho rằng đây

¹ Oskar Ryszard Lange (1904-1965): nhà kinh tế học và nhà ngoại giao Ba Lan. Ông được biết đến như là người ủng hộ cho việc sử dụng các công cụ trong việc tính toán giá cả trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, và là người đề xuất mô hình chủ nghĩa xã hội thị trường đầu tiên trên thế giới - ND.

² Abba Ptachya Lerner (1903-1982): nhà kinh tế học Mĩ, gốc Do Thái, sinh ra ở Nga - ND.

chắc chắn sẽ là phương tiện thay thế rất không hoàn thiện so với nền kinh tế thị trường đích thực, nơi có vô số doanh nhân liên tục phản ứng với những biến động trong cung và cầu đang diễn ra từng phút một - đồng thời thường xuyên dự đoán những thay đổi sẽ diễn ra trong ngày mai.

Chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] thị trường có vẻ như bao giờ cũng đi sau nền kinh tế thị trường đích thực một vài bước. Và chủ nghĩa xã hội, dù thuộc trường phái nào, cũng chỉ có thể sống còn được là vì bên cạnh đó vẫn có những nền kinh tế thị trường đích thực với những mối tương quan về giá cả mà nó có thể sao chép. Ước mơ truyền bá chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] ra toàn thế giới chắc chắn sẽ khó có thể thực hiện, Mises khẳng định. Nó sẽ làm tiêu tan hi vọng cuối cùng về tính toán kinh tế một cách hữu lí.

NHỮNG SAI LẦM CỦA CHỦ NGHĨA MARX

Mises cho rằng sai lầm cơ bản của chủ nghĩa Marx cũng là sai lầm cơ bản của kinh tế học dòng chính. Học thuyết này coi các sự kiện của loài người là những sự kiện được quyết định bởi những lực lượng vô hình chứ không phải là những sự kiện được định hình bởi cách đánh giá và hành động của các cá nhân¹.

Ví dụ như cách mô tả của Marx về các “giai đoạn” kinh tế và xã hội. Marx biện luận rằng công nghệ khác nhau tạo ra chế độ xã hội khác nhau. Thời đại nông nghiệp tạo ra chế độ phong kiến,

¹ Việc phê phán chủ nghĩa Marx được trình bày trong một loạt tác phẩm như *Human Action*, *Socialism, Theory and History* and *The Ultimate Foundation of Economic Science*.

trong khi thời đại công nghiệp tạo ra chủ nghĩa tư bản áp bức không kém. Và chắc chắn là lật đổ chủ nghĩa tư bản cuối cùng sẽ tạo ra chủ nghĩa xã hội tự do.

Mises công nhận rằng đổi mới công nghệ có thể giải phóng tinh thần của con người - ví dụ như cung cấp cho người ta thời gian và tiền bạc để họ có thể theo đuổi các hoạt động nghệ thuật và trí tuệ. Nhưng như thế không có nghĩa là toàn bộ xã hội loài người và những mối quan hệ giữa người với người đều chỉ được định hình bởi nền công nghệ sản xuất đang giữ thể thượng phong. Thực ra, thường là khác hẳn: các giá trị và định chế, ví dụ như tôn trọng tài sản và an toàn, phải xuất hiện trước khi hàng hóa tư bản có thể được thiết lập, và việc ứng dụng công nghệ sản xuất phức tạp đòi hỏi sự hợp tác thông qua chuyên môn hóa và trao đổi. Nói cách khác, quan hệ xã hội nhất định phải xuất hiện trước.

Những khó khăn giả định của chủ nghĩa tư bản

Luận cứ của Marx cho rằng chủ nghĩa tư bản chắc chắn sẽ tự dẫn mình đến chỗ cáo chung cũng mắc sai lầm tương tự. Để có thể vượt qua cuộc cạnh tranh một mất một còn và giữ được cách sống của

mình, Marx giải thích, những nhà công nghiệp giàu có buộc phải thường xuyên cắt giảm lương bổng của công nhân. Nhưng làm như vậy tức là họ đang làm nghèo đi chính những người tiêu thụ mà công việc kinh doanh của họ dựa vào. Trong khi đó, cuộc cạnh tranh cầu xé lẫn nhau buộc các doanh nghiệp phải lớn mãi, lớn mãi nhằm nắm trọn cả lĩnh vực kinh tế và giảm giá thành. Cuối cùng cạnh tranh được thay bằng độc quyền.

Mises phản biện rằng Marx hoàn toàn quên là các doanh nghiệp chỉ tồn tại được bằng cách phục vụ người tiêu dùng; và mục đích của các doanh nghiệp lớn là phục vụ đám đông. Sẽ là đại họa cho doanh nghiệp nếu họ coi thường nhu cầu của những người tiêu thụ có tự chủ này. Và thực tế là, không những không đưa quần chúng vào tình trạng nghèo khó, chủ nghĩa tư bản còn luôn làm cho họ trở nên giàu có hơn. Marx, với những thành kiến giai cấp sai lầm, đơn giản là đã không hiểu được sự hài hòa giữa các mục tiêu.

Tư tưởng và giai cấp

Nhưng chủ nghĩa giai cấp là điều quan trọng sống còn đối với Marx: ông chỉ có thể phản bác được tất cả những lời phê phán bằng cách gọi

những người phê phán là đại diện của giai cấp thù địch, hãnh tiến, có đầu óc bảo thủ. Chỉ có trong xã hội xã hội chủ nghĩa phi giai cấp thì sự khai sáng thật sự mới toả rạng mà thôi.

Đây là điều vô nghĩa, Mises khẳng định. Ngay cả nếu như kinh tế học “tư sản” được phát minh ra chỉ là để phá hoại ngầm chủ nghĩa phong kiến và bênh vực chủ nghĩa tư bản thì cũng không có nghĩa nó là môn học sai lầm. Và giai cấp tư sản vẫn có thể tiếp tục phục vụ người tiêu dùng tốt hơn bằng cách tiếp thu những ý tưởng đúng chứ không tiếp thu những ý tưởng phiến diện.

Dù vậy, các ý tưởng không vĩnh viễn phản ánh lòng trung thành giai cấp: chính Marx (theo tiêu chuẩn của chúng ta) chắc chắn thuộc tầng lớp trung lưu; còn Engels, người giúp đỡ Marx, lại là một nhà tư bản công nghiệp. Và quyền lợi giai cấp cũng không phải là một khối thống nhất: tự do thương mại có thể đem lại lợi ích cho các nhà tư sản, đây là nếu coi họ là một nhóm; nhưng từng nhà tư sản vẫn có thể ủng hộ việc kiểm soát trong lĩnh vực đặc thù của họ. Trong khi đó, một số người vô sản có thể nói rằng tư hữu tư liệu sản xuất có thể phục vụ họ tốt hơn là sở hữu tập thể trong chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ]. Nhưng không thể thảo luận theo kiểu thuần lí được vì

Marx và các môn đệ đã dứt khoát rằng chỉ có những kẻ ngu xuẩn hoặc phản bội giai cấp mới có quan điểm như thế.

Chủ nghĩa Marx và kinh tế học cổ điển

Các nhà kinh tế học dòng chính khó có thể phê phán được chủ nghĩa Marx, Mises nói, vì họ cũng mắc sai lầm y hệt: đây là coi nền kinh tế như là tác động qua lại của những lực lượng phi cá tính chứ không phải là hành động và cách đánh giá của các cá nhân.

Ý tưởng của Marx cho rằng chủ nghĩa tư bản sẽ dẫn đến độc quyền là ví dụ điển hình. Mô hình “cạnh tranh hoàn hảo” của kinh tế học dòng chính, với các sản phẩm và nhà doanh nghiệp giống hệt nhau, là một sự đơn giản hóa đến mức kì quặc: nhưng khi kết hợp với quan điểm chung rằng sản xuất lớn bao giờ cũng rẻ hơn và chỉ còn một bước ngắn là người ta đi ngay đến kết luận rằng doanh nghiệp phải phát triển mãi lên cho đến lúc cạnh tranh bị loại bỏ hoàn toàn. Nhưng thế giới thực lại hoàn toàn khác. Chẳng có sản phẩm hay doanh nhân nào giống nhau: sản phẩm ở những chỗ khác nhau, chất lượng và giá cả cũng khác nhau; trăm người bán, vạn người mua, cách lựa chọn của người bán và người mua cũng đa dạng và khác nhau. Điều đó tạo

điều kiện cho các công ti nhỏ, chuyên ngành, ăn nên làm ra trong những thị trường thích hợp, còn những người có nhiều sáng kiến có thể chiếm được thị phần của ngay cả các công ti vững mạnh nhất.

Vì vậy, không có “lực” phi cá tính đẩy chủ nghĩa tư bản theo hướng độc quyền, và không có gì tất yếu để nó phải được thay thế bằng chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ]. Kinh tế và chính trị bắt nguồn từ những lựa chọn của từng người, không thể dễ dàng dự đoán hành vi của họ được. Tin rằng mình có thể dự đoán được là thái độ tự phụ đầy nguy hiểm.

Chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] và tự do

Nếu chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] nghĩa là tất cả các nguồn lực sản xuất đều thuộc quyền sở hữu của xã hội thì xã hội sẽ sử dụng và quản lí như thế nào? Một lần nữa Mises biện luận rằng những người theo Marx đã bỏ qua thành tố con người. Họ thao thao bất tuyệt về “ý chí thống nhất của xã hội” như thể xã hội là một sinh vật có trí tuệ.

Họ cũng không bao giờ chỉ rõ “xã hội” sẽ thể hiện “ý chí” của mình như thế nào. Mises nói rằng đó là lí do để: cần phải có một cơ quan lãnh đạo, đây là sự thật cay đắng đối với tất cả chúng ta.

Ngay cả những người xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ] cũng tranh luận xem phải làm gì và làm như thế nào. Thực ra cuộc tranh luận còn đặc biệt gay gắt vì chính tổ chức của xã hội cũng đang bị đe dọa. Dù cách giải quyết có như thế nào thì vẫn bị một số người phản đối quyết liệt. Họ - cùng với những người lười biếng và những người coi thường các quyết định tập thể nhằm mưu cầu lợi ích riêng - sẽ buộc phải phục tùng [đa số].

Các môn đệ của Marx có thể tán dương “ý chí thống nhất” của xã hội và “sự úa tàn của nhà nước”, nhưng vì không có cái thứ nhất cho nên cái thứ hai cũng chỉ là ảo tưởng. Muốn ngăn chặn, không để người ta đi chệch mục đích chung thì cần phải có một quyền lực tuyệt đối, với lực lượng cưỡng bức - nói cách khác, cần phải có nhà nước. Gọi là gì hay cơ cấu thể nào không phải là điều quan trọng. Quan trọng là, Mises nói, nó phải có quyền lãnh đạo tuyệt đối. Nếu ý chí của đa số giữ thế thượng phong thì chẳng còn chỗ nào cho bất đồng nữa. Mệnh lệnh phải được đưa ra và phải được chấp hành. Người ta sẽ phải từ bỏ ngay cả việc lựa chọn chỗ ở và nơi làm việc nữa. Và với sự thoái hóa đến mức như thế của quyền lực thì chúng ta sẽ không phải ngạc nhiên khi những quyền tự do khác của chúng ta cũng bị gặm nhấm dần.

CHÍNH SÁCH CAN THIỆP VÀ BỘ MÁY QUAN LIÊU

Như vậy, theo Mises, chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] - sở hữu công cộng phương tiện sản xuất nhằm nâng cao đời sống vật chất của người dân - vừa thiếu cơ sở lí thuyết liên lạc vừa không thể hoạt động được trên thực tế. Việc Bức tường Berlin sụp đổ năm 1989 chứng tỏ quan điểm của Mises về vấn đề tính toán trong chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] chính xác đến mức nào. Bất cứ người phương Tây nào cũng thấy rõ rằng nguồn lực của khối Xô viết đã bị phân phối một cách rất sai lầm: nhà máy ở xa thị trường tiêu thụ, máy móc quá dư thừa công suất, kim loại và các vật tư khác bị lãng phí, ngay cả nhu cầu căn bản của người dân cũng không được đáp ứng.

Tái thiết trên diện rộng là tất yếu

Với trải nghiệm đau đớn như thế còn sống động trong tâm trí người dân, chẳng mấy người tự gọi mình là người xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ] hiện nay còn muốn xây dựng lại thể giới với quyền sở hữu của nhà nước đối với tất cả mọi phương tiện sản xuất nữa. Ngược lại, họ biện luận rằng nền công nghiệp tư nhân phải được quản lí một cách chặt chẽ nhằm hướng năng lực và kỉ luật thị trường vào việc phục vụ và tối đa hóa phúc lợi của toàn thể cộng đồng - còn phúc lợi của cộng đồng là gì thì chỉ có họ mới biết.

Mặc dù lập luận của Mises về chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] là nhằm vào mục tiêu đã trở thành quá khứ từ rất lâu rồi, nhưng ông vẫn để lại cho chúng ta nhiều luận cứ giải thích vì sao chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] là một cách tiếp cận thiếu chặt chẽ và phi thực tế. Trong những tác phẩm phê phán cái mà ông gọi là chính sách can thiệp, ông đã đưa ra những luận cứ phê phán xác đáng và rất hữu ích lối tư duy gọi là “con đường thứ ba”.

Thái độ thù địch đối với chủ nghĩa tư bản

Tại sao vẫn có nhiều người có thái độ thù địch đối với chủ nghĩa tư bản như thế? Mises ngờ

rằng nhiều người có thái độ thù địch với chủ nghĩa tư bản là vì thành công hay thất bại trên thương trường phụ thuộc vào sự lựa chọn của người tiêu dùng. Tiền của người tiêu dùng “bầu” cho những người mang lại cho họ nhiều thỏa mãn nhất; họ ít để ý đến quan niệm của người khác về giá trị tự phong của chính những người đó.

Trong khi đó, những nhà khoa bảng, nói ví dụ thế, nghĩ rằng họ phải ngồi trên đầu trên cổ thiên hạ, không phải lúc nào cũng tự động được tưởng thưởng một cách xứng đáng. Họ có thể ghen tị vì họ được trả lương thấp hơn cả những công nhân không có tay nghề và coi đây là bất công. Nhưng theo thuật ngữ của thị trường thì sự khác biệt này hoàn toàn có thể lí giải được: người ta không thích làm những công việc bẩn thỉu, nguy hiểm hoặc hầu hạ cho nên họ đòi lương cao.

Nhưng hệ thống thị trường là nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất hoặc dịch vụ của người tiêu dùng. Nó không ưu ái bất cứ một nhóm người cụ thể nào, thậm chí nó cũng không ưu ái đức hạnh hay giá trị cụ thể nào. Dù một nhóm người nào đó có thể tức tối đến mức nào thì đồng lương của họ không thể cao mãi so với mức chung trên thị trường mà không tạo ra hiện tượng còn tồi tệ hơn là nạn thất nghiệp, Mises nói như thế. Giác mơ của ta về thế giới lí

tưởng có thể nào đi nữa thì cũng không thay đổi được logic của khoa kinh tế học.

Những cố gắng sai lầm nhằm cải thiện chủ nghĩa tư bản

Thực vậy, những cố gắng của chúng ta nhằm lèo lái nền kinh tế thị trường và làm cho nó phù hợp với một quan điểm cụ thể nào đó chắc chắn là lợi bất cập hại. Chủ nghĩa tư bản là chế độ vô địch trong việc nâng cao mức sống của người dân bằng cách khuyến khích họ chuyên môn hóa và tích lũy hàng hóa tư bản nhằm nâng cao năng suất lao động của con người. Nhưng khi chúng ta đánh thuế hoặc điều tiết hệ thống và làm cho người ta không muốn đầu tư hoặc sở hữu hàng hóa tư bản nữa thì chủ nghĩa tư bản có thể lung lay. Nhưng đây không phải là “khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản”, Mises giải thích. Đây là khủng hoảng của chính sách can thiệp: đây là thất bại của chính sách nhằm “cải thiện” chủ nghĩa tư bản, nhưng trên thực tế lại bóp nghẹt nó¹.

Ví dụ như lí tưởng chính trị được nhiều người chia sẻ, có tên gọi “chế độ dân chủ trong kinh tế” - tức là ý tưởng cho rằng không chỉ một vài nhà sản

¹ Xin đọc thêm các tác phẩm: *Critique of Interventionism, Socialism và Bureaucracy*.

xuất tư sản mà bất kì người nào cũng có tiếng nói trong việc sản xuất và phân phối hàng hóa kinh tế. Nhưng theo Mises, chúng ta luôn được hưởng chế độ dân chủ trong kinh tế. Trên thị trường cạnh tranh, người sản xuất bao giờ cũng phải tuân theo mong muốn của người tiêu dùng. Nếu không đáp ứng được đòi hỏi của người tiêu dùng thì họ sẽ mất thị phần và bị đẩy khỏi thương trường. Nếu can thiệp vào sự lựa chọn của dân chúng thì cuối cùng chúng ta sẽ chỉ còn đáp ứng được nhu cầu của một nhóm người theo đường lối chính trị cụ thể nào đó mà thôi.

Khái niệm khiêm tốn hơn cho rằng phải đánh thuế lợi nhuận của người sản xuất rồi đem phân phối cho dân chúng. Nhưng Mises cho rằng nếu phần thưởng khi thành công bị đem chia ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn hơn khi phải gánh chịu toàn bộ thất bại. Sự mất cân đối như thế chỉ có thể bóp nghẹt ước muốn mạo hiểm, và như vậy là chắc chắn sẽ bóp nghẹt chính đời sống kinh tế.

Không thể có tiến bộ nếu không có sở hữu tư nhân

Quan trọng là cần phải nhớ rằng tài sản không phải tự nhiên mà có. Nó phải được tạo ra và chỉ được tạo ra bởi những người sẵn sàng tiết kiệm và từ bỏ tiêu dùng nhằm tích lũy hàng hóa tư bản. Cần phải có nhiều nỗ lực thì mới có vốn và người dân sẽ không nỗ lực nếu họ không được hưởng lợi.

Thực ra, vốn liếng đã tích tụ được có thể bị tàn phá, phung phí và mất mát một cách dễ dàng. Nếu chúng ta không khuyến khích người dân tích lũy và hưởng thụ đồng vốn mà họ có thì chúng ta không những không xây dựng được một thế giới công chính và bình đẳng hơn mà thậm chí chỉ xây dựng được một thế giới nghèo nàn hơn mà thôi.

Mises cho rằng tôn trọng sở hữu tư nhân là yêu cầu đặc biệt quan trọng. Chủ nghĩa tư bản không phải là vấn đề phân phối nguồn lực: đây thực ra là vấn đề tạo ra các nguồn lực chưa từng có. Và điều đó chỉ xảy ra khi ta có những điều luật bảo vệ quyền sở hữu và quyền hưởng thụ những sản phẩm mà mức sống của chúng ta mang lại.

Chính sách can thiệp

Nhiều người nghĩ rằng thông qua chính sách can thiệp của nhà nước, chúng ta có thể cải thiện được chủ nghĩa tư bản mà không phải áp dụng chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ].

Mises không tin như thế.

Ông cho rằng thị trường là hiện tượng phức tạp: can thiệp ở chỗ này sẽ tạo ra hiệu ứng phụ - mà thường là hiệu ứng rất tiêu cực - ở chỗ khác. Ví dụ, chính phủ muốn tạo công ăn việc làm bằng cách

đầu tư cho các công trình công cộng. Nếu đây là tiền lấy từ thuế thì nó sẽ làm giá thành sản xuất, lưu thông tăng lên và như vậy là làm giảm nhiều công ăn việc làm mà doanh nghiệp có thể tạo ra. Nếu đây là tiền đi vay thì sẽ dẫn đến việc nới lỏng tín dụng và lạm phát - cũng làm giảm số lượng công việc. Thế là chính quyền lại phải tiếp tục can thiệp nhằm điều chỉnh những vấn đề mới phát sinh. Và cách thức hành động như thế sẽ tiếp tục lặp đi lặp lại mãi. Cuối cùng, mặc dù nền kinh tế vẫn có vẻ là tư bản chủ nghĩa nhưng sẽ bị chính phủ kiểm soát hoàn toàn.

Kiểm soát giá cả và tiền lương

Một hình thức can thiệp thường gặp là kiểm soát giá cả những món hàng thiết yếu mà chính quyền cho là “quá đắt”. Mises đưa ra ví dụ về việc chính phủ đặt ra giá tối đa đối với sữa để phù hợp với túi tiền của người nghèo. Đáng tiếc là giá thấp thì người ta mua nhiều sữa hơn, nhưng lại làm cho sản xuất sữa không còn hấp dẫn như trước nữa. Một số nhà sản xuất có thể bắt đầu bị lỗ và rời bỏ thương trường. Thế là nhu cầu thì tăng trong khi sản xuất lại thu hẹp, kết quả là trên thị trường không còn sữa nữa. Bây giờ thì ngay cả người nghèo cũng mua được ít sữa hơn trước. Đáp lại,

chính phủ có thể cấp tem phiếu mua sữa để đảm bảo rằng những nhóm có nhu cầu cũng có phần. Hoặc họ có thể đặt ra mức trần đối với giá thức ăn gia súc, hi vọng là sẽ giảm được giá thành cho người chăn nuôi. Nhưng lúc đó thức ăn gia súc cũng sẽ ít đi, giống như sữa vậy. Hoặc là tem phiếu sẽ bao trùm lên mọi lĩnh vực. Một lần nữa, cố gắng nhằm kiểm soát chỉ một sản phẩm đã dẫn đến những hạn chế rộng lớn.

Một chính sách can thiệp thường thấy khác - mục đích là giúp người lao động nghèo - là quy định mức lương tối thiểu. Nhưng lương cao thì chi phí kinh doanh sẽ cao. Muốn tiếp tục kinh doanh người ta phải sa thải bớt công nhân hoặc nâng giá hàng hóa, bắt người tiêu dùng phải chịu - điều đó cũng sẽ dẫn đến giảm cầu đối với những loại hàng hóa đó và như vậy là cũng dẫn tới sa thải bớt công nhân. Mức lương tối thiểu càng cao và càng được áp dụng một cách rộng rãi thì tỉ lệ thất nghiệp mà nó tạo ra sẽ càng cao.

Một lần nữa, chính phủ có thể buộc phải can thiệp, có thể bằng những đạo luật mới làm cho việc sa thải công nhân trở nên khó khăn hơn hoặc bằng cách đánh thuế nhằm tài trợ cho các nhu cầu xã hội. Nhưng như thế lại làm cho phí kinh doanh càng cao thêm và khó khăn càng nhiều hơn.

Bộ máy quan liêu

Chủ nghĩa tư bản hiệu quả hơn chính sách can thiệp và chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] là vì doanh nghiệp chỉ có một mục đích rõ ràng - làm ra lợi nhuận - và dễ dàng nhận thấy rằng mục tiêu đơn giản này có đạt được hay không. Mục tiêu của xí nghiệp quốc doanh, ngược lại, phức tạp hơn nhiều, Mises khẳng định. Nó được kì vọng là sẽ cung cấp một loạt các dịch vụ “cần thiết” hoặc “thiết yếu” hay “đáng mơ ước” về mặt xã hội - nhưng không có cách nào cân đong thành tích của việc thực hiện hay cân đối được những mục tiêu mù mờ như thế.

Ví dụ, làm sao đo được kết quả của lực lượng cảnh sát? Những người khác nhau, với những mối quan tâm khác nhau có thể đánh giá hoàn toàn khác nhau. Như vậy thì làm sao chúng ta có thể quyết định rằng lực lượng này có đáng đồng tiền bát gạo hay không? Hay là đông quá? Hoặc có cần thiết nữa hay không?

Kết quả là, theo Mises, vì rất khó xác định kết quả cho nên người quản lí các đơn vị như thế bị tròng vào cổ rất nhiều điều luật nhằm kiểm soát hành động và chi phí của họ. Nhưng như thế là họ đã trở thành các viên chức quan liêu, tức là trở

thành những người phải xin phép cấp trên trước khi làm bất cứ việc gì.

Hiệu quả và thiếu sót của giải pháp

Hiển nhiên là nó làm cho các đơn vị của nhà nước không linh hoạt bằng xí nghiệp tư nhân. Trên thương trường, một cá nhân có thể mạo hiểm và khai phá một cách làm hoàn toàn mới, khai phá một quy trình mới nhằm nâng cao chất lượng và hạ giá thành. Nhưng người lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước không thể được tự do quyết định như thế; chắc chắn là họ sẽ bị công nghệ đang thay đổi và các sự kiện bỏ lại đằng sau.

Ngay cả những nhân viên được thuê trong các doanh nghiệp này cũng kém hiệu quả và không tập trung vào nhu cầu của xã hội. Trên thị trường cạnh tranh, người chủ doanh nghiệp phải thuê những người mà ông ta biết rằng sẽ hoàn thành xuất sắc công việc cho khách hàng của họ chứ không thuê người mà ông ta thích. Con đường hoạn lộ trong bộ máy hành chính, ngược lại, được đánh giá bởi các quan chức cấp cao hơn và đở đầu là hiện tượng khá thịnh hành.

Đây là những vấn đề không thể giải quyết được. Chúng xuất phát từ sự mù mờ của những

mục tiêu của các doanh nghiệp nhà nước. Bất các quan chức chính phủ hành động “như các doanh nhân” cũng chẳng mang lại lợi ích gì. Mục tiêu của công ti thương mại khác hẳn với mục tiêu của bộ máy quan liêu. Cách thức hoạt động và phương pháp quản lí cũng khác nhau. Đưa những người đã từng quản lí kinh doanh sang cũng chẳng khá hơn: kĩ năng tính toán và quản lí của họ đơn giản là không phù hợp với nhiệm vụ được giao. Tin rằng các thiết chế của nhà nước có thể cải thiện được thị trường bằng cách nắm lấy những công việc mà thị trường đang làm và làm tốt hơn thị trường rõ ràng là một thái độ tự phụ đầy nguy hiểm.

CHỦ NGHĨA TỰ DO

Sống ở châu Âu trong giai đoạn giữa hai cuộc Thế chiến, Mises đã từng chứng kiến những biểu hiện tồi tệ nhất của chủ nghĩa dân tộc và rất căm thù nó. Ông cho rằng một trong những nguồn gốc của nó là chủ nghĩa can thiệp, chính sách này chắc chắn đòi hỏi kiểm soát nhập khẩu và nhập cư nhằm bảo vệ chính nó. Đơn cử như những biện pháp nhằm giữ cho đồng lương cao và lợi nhuận cao sẽ không hiệu quả nếu lao động và hàng hóa ngoại quốc tràn ngập thị trường nội địa. Ông biện luận rằng những rào cản như thế sẽ càng thúc đẩy lòng hận thù của người ngoại quốc, căng thẳng gia tăng và thường dẫn tới xung đột¹.

¹ Xin đọc thêm *Nation, State, and Economy*.

Nhưng chủ nghĩa tư bản dành cho nhà nước vai trò hạn chế hơn rất nhiều và muốn hoạt động một cách hữu hiệu thì nó cần buôn bán chứ không phải là chủ nghĩa bảo hộ. Thực ra, Mises giải thích, (mặc dù ông không phải là người đầu tiên đưa ra ý kiến này) buôn bán càng tự do và càng cởi mở thì càng hiệu quả. Và khi các dân tộc đã lệ thuộc vào nhau trên thương trường thì chiến tranh là chuyện không thể tưởng tượng được. Chỉ có dưới chế độ tư bản tự do hoàn toàn thì nền hòa bình mới có thể trở nên lâu bền được, Mises kết luận.

Mises không hoàn toàn đúng khi nói rằng các đối tác thương mại không bao giờ gây chiến với nhau, chiến tranh giữa các đối tác còn hay xảy ra hơn là các cuộc xung đột khác. Nhưng chắc chắn là quyền lợi của các công dân của một nước sẽ được đáp ứng một cách tốt nhất nếu duy trì được quan hệ hòa bình giữa các đối tác thương mại của họ. Có thể mâu thuẫn hiển nhiên đó đơn giản là thể hiện rõ một điểm khác, thường được Mises đề cập tới - đây là quyền lợi của các chính trị gia thường khác hẳn với quyền lợi của dân chúng.

Khuôn khổ của chủ nghĩa tự do

Tuy nhiên, lí do chính để ta chọn chủ nghĩa tự do là vì nó hữu hiệu, Mises nhận định¹. Nó ngăn chặn, không để các nhóm xã hội xung đột với nhau và khuyến khích sự hợp tác tự nguyện giữa các cá nhân. Ví dụ, giai đoạn thương mại tự do và phi điều tiết thế kỉ XIX đã tạo ra đột biến về năng suất lao động và nâng cao mức sống cho số dân ngày càng gia tăng. Nhưng rất khó kêu gọi người ta ủng hộ chủ nghĩa tự do. Lợi ích to lớn nhất của nó là trong dài hạn, toàn dân sẽ giàu lên nhờ thương mại tự do - lại không được người ta nhìn thấy một cách rõ ràng bằng những lợi ích trực tiếp mà họ nhận được nhờ chính sách bảo hộ. Chủ nghĩa tự do cũng không hứa hẹn đặc quyền đặc lợi cho những người ủng hộ nó: mục đích của nó là cải thiện điều kiện sống cho tất cả mọi người.

Chủ nghĩa tự do cũng không có mục đích tạo ra một cơ cấu xã hội đặc thù nào đó hoặc một cách phân phối thu nhập nào đó. Nó chỉ thiết lập một khuôn khổ cho hòa bình, ổn định và bình đẳng trước pháp luật và trong khuôn khổ như thế, người dân có thể tự do hợp tác với nhau theo cách mà họ

¹ Cách tiếp cận tự do được trình các tác phẩm *Liberalism* và *Economic Policy*.

cho là thích hợp. Chủ nghĩa tự do không nói phải sản xuất cái gì, bao nhiêu, ai sản xuất. Nó đơn giản là kết quả của những mối tương tác phức tạp và tự nguyện giữa những con người tự do.

Mises khẳng định rằng khuôn khổ của chủ nghĩa tự do sẽ tạo ra sự hợp tác hòa bình và hữu hiệu giữa các cá nhân và các nhóm người. Dưới chế độ tự do, những sự khác biệt của chúng ta không phải là nguồn gốc của xung đột mà là cơ hội giao thương. Người ta càng có cách đánh giá khác nhau về một món đồ nào đó thì, bằng cách trao đổi, họ càng thu được nhiều lợi nhuận hơn. Quá trình trao đổi sẽ tạo điều kiện để chúng ta chuyên môn hóa và sử dụng năng lực của mình nhằm cải thiện điều kiện sống của chính mình, và như vậy là góp phần làm ra những vật phẩm mà từng người không thể làm ra được.

Nền tảng của chế độ tự do

Theo Mises, vai trò của nhà nước tự do không phải là buộc các cá nhân phải hành động theo cách thức cụ thể nào đó mà là giữ gìn khuôn khổ, tạo điều kiện cho họ hợp tác, đồng thời tối đa hóa lĩnh vực hành động tự nguyện và hạn chế đến mức tối thiểu nhu cầu sử dụng bạo lực. Muốn giữ được khuôn khổ đó thì phải bảo vệ ba điều sống còn sau đây: hòa bình, tự do và tài sản.

Hòa bình là yếu tố thiết yếu cho hoạt động kinh tế, ví dụ như đầu tư vào quy trình công nghệ mới đòi hỏi chúng ta phải đưa ra quyết định trên cơ sở giả định về tương lai. Chiến tranh làm cho tương lai trở thành mờ mịt, không thể nào dự đoán được. Ví dụ như nông dân sẽ không thể tin tưởng mà trồng cấy nếu nguy cơ bị lực lượng thù địch tịch thu đất đai hoặc phá hủy mùa màng là cao.

Tự do là yếu tố thiết yếu vì người ta không thể lựa chọn một cách hữu lý về mặt kinh tế nếu người khác buộc họ phải hành động thế này hay thế khác. Trong bất cứ trường hợp nào thì những người lao động tự nguyện cũng có năng suất cao hơn gấp nhiều lần nô lệ, tức là cao hơn những người bị buộc phải làm việc cho người khác.

Tự do là yếu tố thiết yếu để cho hệ thống chuyên môn hóa và giao thương phát triển. Nếu muốn cho dân chúng tiết kiệm và đầu tư vào hàng hóa tư bản thì họ phải biết chắc rằng các khoản đầu tư của họ sẽ được an toàn và họ sẽ được hưởng thành quả lao động của mình.

Lợi ích của chủ nghĩa tự do

Việc chủ nghĩa tự do phụ thuộc rất nhiều vào thiết chế sở hữu tư nhân có thể làm cho người ta nghĩ

rằng những người giàu có và những kẻ tham lam sẽ thu được nhiều lợi nhất. Mises dứt khoát bác bỏ quan điểm này. Theo ông, sở hữu tư nhân là điều kiện tối cần thiết, nó làm cho sản xuất có hiệu quả và nâng cao mức sống nhờ quá trình chuyên môn hóa. Nhưng trong chủ nghĩa tự do, người ta không bị bắt buộc phải theo đuổi sự giàu sang về mặt vật chất: họ có thể và thực ra đang theo đuổi nhiều mục tiêu khác nữa. Và ngay cả những người không sở hữu gì cũng sẽ được lợi nhờ mức sống mà chủ nghĩa tự do tạo ra sẽ ngày càng được nâng cao và có thêm nhiều cơ hội sau khi đặc quyền đặc lợi và kiểm soát bị bãi bỏ.

Trong chủ nghĩa tư bản, đám đông những người tiêu thụ chứ không phải những người giàu có là người có quyền lực tối thượng. Người sản xuất không thể bán ép sản phẩm của họ cho bất cứ ai: người tiêu thụ sẽ mua theo sự lựa chọn của họ. Không phải vô tình mà thời của chủ nghĩa tư bản cũng là thời của sản xuất hàng loạt. Nó làm cho không chỉ người giàu mà ai cũng có cơm ăn, áo mặc và nhà ở: bây giờ thì ngay cả những món hàng xa xỉ như ô tô và tivi cũng được coi là đồ dùng đương nhiên của mọi người. Hiện thực của chủ nghĩa tư bản đối nghịch hoàn toàn với tiên đoán của Marx rằng lương của công nhân sẽ giảm xuống đến mức chỉ vừa đủ sống mà thôi.

Chủ nghĩa tự do còn tạo cho quần chúng nhân dân sức mạnh bằng một biện pháp quan trọng khác. Nó tạo điều kiện cho người ta lập kế hoạch. Lập kế hoạch không phải là công việc riêng của các cơ quan trung ương; tất cả chúng ta đều lập kế hoạch, Mises khẳng định. Vấn đề không phải là lập hay không lập kế hoạch mà là kế hoạch của ai chiếm ưu thế. Và vì chỉ có cá nhân mới biết nhu cầu, mục tiêu và cách đánh giá của anh ta, đặc biệt là trong nền kinh tế phát triển nhanh như hiện nay, Mises tin rằng tốt hơn hết là để cho mỗi người tự lập kế hoạch cho chính mình.

Chủ nghĩa tự do và bình đẳng

Tuy nhiên, sự kiện là chủ nghĩa tự do không hứa hẹn bình đẳng về thu nhập làm cho những người phê bình lo lắng cho số phận của những người lâm vào tình cảnh nghèo khó. Mises cho rằng sợ như thế là vô lí. Theo Mises, những người lao động nghèo trong các nền kinh tế đã phát triển hiện nay sống sướng hơn hẳn những người lao động tự cấp tự túc trên mảnh ruộng của mình thời tiền tư bản - đây là nói những người có ruộng đất.

Mặc dù vậy, trong chủ nghĩa tư bản hầu như ai cũng có thể tìm được một vị trí phù hợp trong quá

trình sản xuất nhằm phục vụ người khác và bằng cách đó, ít nhất cũng kiếm được một số thu nhập nào đó. Nếu không thì gia đình hoặc các tổ chức từ thiện có thể cung cấp. Phe phê phán có thể biện luận rằng từ thiện không đáp ứng được nhiệm vụ này: nhưng Mises cho rằng sự bùng phát lòng bác ái diễn ra trong thời kì tư bản chủ nghĩa. Cùng với sự gia tăng mức sống mà chủ nghĩa tư bản mang lại, sẽ càng có nhiều của cải hơn được dành cho công việc từ thiện và ngay cả những người có thu nhập khiêm tốn nhất cũng có thể tự bảo vệ mình bằng cách tham gia bảo hiểm. Chính chủ nghĩa bảo hộ đã ăn mòn đồng vốn của người dân và làm cho các tổ chức từ thiện trở thành nghèo thêm - điều đó dĩ nhiên sẽ dẫn đến đòi hỏi phải can thiệp nhiều hơn dưới hình thức trợ giúp về vật chất.

Những người phê bình đã hiểu sai bản chất của bất bình đẳng trong chế độ tự do, nó khác hẳn với bất bình đẳng trong thế giới tiền tư bản. Trong xã hội thị trường, tài sản không phải là đặc quyền đặc lợi mà là kết quả của việc làm lợi cho khách hàng. Người sản xuất chỉ thu được lợi nhuận khi họ còn làm cho khách hàng hài lòng.

Hơn nữa, những món hàng xa xỉ mà người giàu được hưởng không phải là những thứ mà chúng ta vĩnh viễn không bao giờ với tới được.

Kinh tế thị trường là nền kinh tế năng động. Tất cả những điều mới mẻ - xe hơi, hệ thống vệ sinh, điện - ban đầu là những hàng xa xỉ chỉ dành cho người giàu, nhưng chẳng bao lâu sau đã trở thành “cần thiết” cho tất cả mọi người.

Mục tiêu của chính sách kinh tế chắc chắn phải là làm cho nhân loại ngày càng hạnh phúc hơn, và đây là lí do vì sao chúng ta phải hiểu bản chất thật sự và nền tảng căn bản của môn khoa học về kinh tế.

**MỘT SỐ TRÍCH ĐOẠN NỔI TIẾNG
CỦA LUDWIG VON MISES**

**Về những vấn đề của
chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ]**

Thực chất chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] là: tất cả các phương tiện sản xuất đều nằm dưới quyền kiểm soát hoàn toàn và tuyệt đối của cộng đồng có tổ chức. Điều đó và điều duy nhất đó mới là chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ]. Mọi định nghĩa khác đều sai.

Chủ nghĩa xã hội, trang 239

Kinh nghiệm của giai đoạn sản xuất giản đơn đã bị bỏ qua từ lâu không thể cung cấp bất cứ luận

cứ nào về khả năng tạo dựng một hệ thống kinh tế mà không dùng tiền để tính toán.

*Tính toán kinh tế trong
cộng đồng xã hội chủ nghĩa, trang 103*

Không có cơ sở tính toán, dưới hình thức giá cả thị trường, mà chủ nghĩa tư bản cung cấp cho chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] thì các xí nghiệp xã hội chủ nghĩa, ngay cả trong một ngành sản xuất hay trong những nước riêng biệt, cũng sẽ không thể hoạt động được.

Chủ nghĩa xã hội, trang 136

Tất cả những thay đổi trong nền kinh tế . . . bao gồm xử lý những giá trị không thể đoán trước được cũng như không chắc chắn sau khi hành động đã được thực hiện. Giống như một cú nhảy vào bóng tối vậy. Chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] là sự từ bỏ nền kinh tế duy lý.

Chủ nghĩa xã hội, trang 122

Đầu óc của con người không thể định hướng được một cách đúng đắn trong mê hồn trận các loại sản phẩm và khả năng sản xuất... Đơn giản là nó sẽ bị lúng túng...

*Tính toán kinh tế trong
cộng đồng xã hội chủ nghĩa, trang 103*

Một số trích đoạn nổi tiếng...

Sai lầm mà nhiều người hay mắc phải khi nói đến chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] là do người ta đã tin tưởng rằng tất cả những người bạn của chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] đều ủng hộ cùng một hệ thống... Khi một người nói chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] hay kế hoạch hóa thì anh ta bao giờ cũng nghĩ đến kiểu chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ], kiểu kế hoạch hóa của anh ta mà thôi. Như vậy, trên thực tế kế hoạch hóa không có nghĩa là sẵn sàng hợp tác một cách hòa bình. Nó có nghĩa là xung đột.

Chính phủ toàn trí, toàn năng, trang 243

Cộng đồng xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ] là một liên kết cực kì độc đoán, trong đó mệnh lệnh được đưa ra và phải chấp hành. Đây chính là ẩn ý của từ “nền kinh tế được kế hoạch hóa” và “trừ khử hiện tượng vô chính phủ trong quá trình sản xuất”.

Chủ nghĩa xã hội, trang 185

Về nguy cơ của chính sách can thiệp

Ý tưởng cho rằng có một hệ thống thứ ba - nằm giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, như những người ủng hộ cho nó thường nói - một hệ

thống khác xa chủ nghĩa xã hội cũng như chủ nghĩa tư bản nhưng lại giữ được tính ưu việt và tránh được những khiếm khuyết của cả hai - là ý tưởng hoàn toàn vô nghĩa.

Chính sách kinh tế, trang 51

Chính sách nửa vời không thể kéo dài được lâu. Đây chính là xây dựng chủ nghĩa xã hội [theo mô hình Liên Xô cũ] một cách từ từ.

Kế hoạch hóa vì tự do, trang 32-3

Chế độ dân chủ đại diện không thể tồn tại được nếu phần lớn cử tri ăn lương của chính phủ.

Bộ máy quan liêu, trang 81

Công ti quốc doanh không thể đứng vững được trong thị trường cạnh tranh tự do với công ti tư nhân, hiện nay công ti quốc doanh chỉ có thể tồn tại được ở những khu vực mà nó nắm được độc quyền kinh doanh, nghĩa là loại bỏ được cạnh tranh.

Quốc gia, Nhà nước và nền kinh tế, trang 186

Đây là câu chuyện có thật về nạn độc quyền hiện đại. Đây không phải là kết quả của chủ nghĩa tư bản tự do và không phải là xu hướng phát triển cố hữu của chủ nghĩa tư bản, như những người marxist tìm cách thuyết phục chúng ta. Ngược lại,

Một số trích đoạn nổi tiếng...

đây là kết quả của những chính sách của chính phủ nhằm cải cách nền kinh tế thị trường.

Chính phủ toàn trí, toàn năng, trang 72

Kinh tế học đã chứng minh với logic lạnh lùng và không thể bác bỏ được rằng lí tưởng của những người kết án việc kiếm sống trên thương trường là những lí tưởng hảo huyền, rằng tổ chức xã hội theo kiểu xã hội chủ nghĩa [theo mô hình Liên Xô cũ] là công việc không thể nào thực hiện được, rằng can thiệp bằng mệnh lệnh là vô nghĩa lí và trái ngược với mục tiêu mà nó nhắm đến, và vì vậy mà nền kinh tế thị trường là hệ thống khả dĩ duy nhất bảo đảm cho sự hợp tác xã hội.

*Những vấn đề nhận thức luận
của kinh tế học, trang 196*

VỀ CHỦ NGHĨA TỰ DO

Trong nền kinh tế thị trường, từng người tự phục vụ mình, và bằng cách đó anh ta phục vụ đồng bào của mình. Những người cầm bút theo trường phái tự do thế kỉ XVIII đã nghĩ như thế khi họ nói về sự hài hòa lợi ích - đây là nói khi lợi ích được hiểu một cách đúng đắn - của tất các nhóm và các cá nhân trong cộng đồng dân cư.

Chính sách kinh tế, trang 23

Trong thời đại, khi dân tộc này phụ thuộc vào hàng hóa có xuất xứ từ dân tộc kia và ngược lại thì người ta sẽ không còn gây chiến nữa.

Chủ nghĩa tự do, trang 107

Học thuyết tự do trao cho nhà nước chức năng sau đây: bảo vệ quyền sở hữu, tự do và hòa bình.

Chủ nghĩa tự do, trang 37

Bảo vệ an ninh quốc gia và nền văn minh trước thù trong giặc ngoài là nhiệm vụ quan trọng nhất của bất kỳ chính phủ nào. Nếu tất cả mọi người đều hài lòng và đức hạnh, không ai có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác thì không cần chính phủ, không cần quân đội và hải quân, không cần cảnh sát, tòa án và nhà tù nữa.

Bộ máy quan liêu, trang 24

Về động cơ của tiến bộ kinh tế

Ước muốn kiếm lời chính là phương tiện biến quần chúng thành chủ nhân ông. Người càng làm cho khách hàng hài lòng càng thu được nhiều lợi nhuận hơn. Mọi người đều được lợi khi người làm ra đôi giày rẻ nhất sẽ trở thành giàu có hơn; đa số

Một số trích đoạn nổi tiếng...

dân chúng sẽ phải khổ sở nếu luật pháp ngăn cản quyền được giàu có hơn.

Bộ máy quan liêu, trang 88

Chủ nghĩa tự do bảo vệ sở hữu tư nhân đối với các phương tiện sản xuất vì tin rằng cách tổ chức kinh tế như thế sẽ làm cho đời sống nhân dân được nâng cao chứ không phải vì nó muốn giúp đỡ những người có của.

Chủ nghĩa xã hội, trang 57

Ở Mĩ hiện nay khác biệt giữa người giàu và người nghèo thường chỉ có nghĩa là khác biệt giữa chiếc ô tô Cadillac và ô tô Chevrolet mà thôi.

Chính sách kinh tế, trang 9

Triết lí của hệ thống thuế lũy tiến là tự do ngăn chặn thu nhập và tài sản của các tầng lớp giàu có. Luận cứ biện hộ cho nó là phần lớn thu nhập bị thu thuế sẽ không bị tiêu phí mà được tiết kiệm và đầu tư đã không trở thành hiện thực. Trên thực tế, chính sách tài chính như thế không chỉ ngăn cản việc tích tụ tư bản. Nó còn làm cho tư bản bị phân tán nữa.

Kế hoạch hóa vì tự do, trang 32

Về tầm quan trọng của cách đánh giá của các cá nhân

Giá trị không phải là vật tự thân. Nó nằm trong chúng ta, nó là cách thức người ta phản ứng trước những điều kiện của môi trường xung quanh.

Hành vi của con người, trang 96

Quá trình đánh giá là phản ứng mang tính duy cảm của một người đối với những điều kiện khác nhau của môi trường, cả điều kiện của thế giới bên ngoài lẫn điều kiện sinh lí của cơ thể người đó.

Nền tảng căn bản của khoa học kinh tế, trang 37

Kinh tế học không phải là khoa học nghiên cứu về đồ vật và những đối tượng vật chất có thể chạm tới được; nó là môn khoa học nghiên cứu về con người, về dự định và hành vi của họ. Hàng hóa, sản phẩm và tài sản cũng như tất cả những khái niệm khác về hành vi đều không phải là những thành tố của tự nhiên; đây là những thành tố của ý định và hành vi của con người. Muốn nghiên cứu những vấn đề đó thì không được nhìn ra thế giới bên ngoài mà phải tìm kiếm chúng trong ý định của những người đang hành động.

Hành vi của con người, trang 92

Một số trích đoạn nổi tiếng...

Chúng ta không biết vì sao những điều kiện xác định của thế giới bên ngoài lại tạo ra phản ứng xác định trong đầu óc của con người và tạo ra như thế nào. Chúng ta không biết vì sao những người khác nhau, trước cùng một tác nhân lại có phản ứng khác nhau và chính những người đó, trong những thời điểm khác nhau, trước cùng tác nhân đó, cũng có những phản ứng khác nhau.

Lí thuyết và lịch sử, trang 69

Những nhà kinh tế học muốn thay “khoa kinh tế học lượng” cho cái mà họ gọi “kinh tế học chất” là hoàn toàn sai lầm. Trong lĩnh vực kinh tế, không có những mối quan hệ bền vững và vì vậy là không thể đo lường được... Cùng một đồ vật nhưng những người khác nhau lại đánh giá khác nhau; thậm chí chính những người đó, khi điều kiện thay đổi, cũng sẽ đánh giá khác đi.

Hành vi của con người, trang 55-6

Về tinh thần kinh doanh và cạnh tranh

Mỗi hành động đều là đầu cơ, tức là được hướng dẫn bởi một ý kiến nhất định về những điều kiện không chắc chắn trong tương lai. Ngay cả những hoạt động diễn ra trong ngắn hạn thì sự

không chắc chắn này vẫn là chủ đạo. Không ai có thể biết liệu có xảy ra sự kiện bất ngờ làm cho tất cả những dự định của người đó cho ngày hôm sau hay giờ sau trở thành công cốc hay không.

Nền tảng căn bản của khoa học kinh tế, trang 37

Hàng ngàn doanh nhân đang cố gắng suốt ngày đêm để tìm cho ra một số sản phẩm mới đáp ứng người tiêu dùng một cách tốt hơn hoặc là sản xuất ít tốn kém hơn, hoặc tốt hơn và rẻ hơn sản phẩm hiện có. Họ làm thế không phải vì lòng vị tha mà vì họ muốn kiếm tiền.

Chính sách kinh tế, trang 36

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thể hiện trong việc mọi người đều có quyền phục vụ người tiêu dùng tốt hơn và/hoặc với giá rẻ hơn. Và phương pháp này, nguyên tắc này, trong một thời gian tương đối ngắn, đã biến đổi toàn bộ thế giới.

Chính sách kinh tế, trang 5

Hoạt động của thị trường không có gì là tự động hay bí ẩn. Các đánh giá của những cá nhân và hành động của họ trên cơ sở những đánh giá như thế là lực lượng duy nhất quyết định sự thăng giáng liên tục của thị trường. Tác nhân quan trọng nhất trong thương trường là sự phấn đấu của mỗi

Một số trích đoạn nổi tiếng...

người nhằm đáp ứng nhu cầu và ước muốn của mình một cách tốt nhất có thể.

Kế hoạch hóa vì tự do, trang 72-3

Thị trường không phải là một địa điểm; nó là một quá trình, là biện pháp, trong đó, bằng cách mua và bán, bằng cách sản xuất và tiêu thụ, các cá nhân đóng góp vào hoạt động của xã hội.

Chính sách kinh tế, trang 17

Cạnh tranh càng khốc liệt thì nó càng phục vụ tốt hơn chức năng xã hội của nó là cải tiến sản xuất kinh tế.

Phê phán chính sách can thiệp, trang 84

Không thể có chuyện là vận may cứ ngày càng gia tăng. Vận may không thể tự gia tăng, một người nào đó phải làm cho nó tăng lên.

Chủ nghĩa xã hội, trang 380

Mức sống của người dân chỉ có thể được nâng lên bằng cách tăng vốn với tốc độ nhanh hơn tốc độ gia tăng dân số.

Kế hoạch hóa vì tự do, trang 5-6

Về lạm phát, tăng trưởng nóng và sụp đổ

Muốn mở rộng sản xuất một cách bền vững thì cần phải có thêm hàng hóa tư bản chứ không phải là tiền hay phương tiện tín dụng. Nới lỏng tín dụng là chính sách dựa trên một đồng giấy bạc và tiền gửi. Chắc chắn sẽ sụp đổ.

Hành vi của con người, trang 561

Đúng là các chính phủ có thể làm giảm lãi suất trong ngắn hạn... phát hành thêm tiền giấy... tìm cách cho các ngân hàng nới lỏng tín dụng. Họ có thể tạo ra một vụ tăng trưởng nóng và có vẻ như là thịnh vượng. Nhưng vụ tăng trưởng nóng này trước sau gì cũng sẽ bị sụp đổ và sẽ dẫn tới tình trạng trì trệ.

Chính phủ toàn trí toàn năng, trang 251

Khi nói về một “mức giá”, người ta nghĩ đến hình ảnh của mực nước lên xuống theo mức tăng giảm về khối lượng của nó, giống như nước trong bình, giá cả cũng tăng một cách đồng đều. Nhưng giá cả thì không có cái gọi là “mức”. Tại mỗi thời điểm giá cả không thay đổi với cùng tốc độ như nhau.

Chính sách kinh tế, trang 59

Một số trích đoạn nổi tiếng...

Trở lại với chính sách ổn định tiền tệ không tạo ra khủng hoảng. Nó chỉ làm lộ ra những vụ đầu tư sai lầm và những sai lầm khác, tức là những sai lầm được thực hiện khi người ta bị mù mịt đi vì thịnh vượng ảo do những đồng tiền kiếm được một cách dễ dàng tạo ra.

Kế hoạch hóa vì tự do, trang 156

Dùng vàng làm đơn vị tiền tệ có thuận lợi vô cùng to lớn: nếu dùng vàng làm đơn vị tiền tệ thì lượng cung tiền sẽ không phụ thuộc vào chính sách của chính phủ hay các đảng phái.

Chính sách kinh tế, trang 65

Tác phẩm chọn lọc của Mises

The Theory of Money and Credit (1953), trans. H. E. Batson, London: Jonathan Cape. Originally published in German in 1912 as *Theorie des Geldes und der Umlaufsmittel*.

Nation, State, and Economy (1988), trans. Leland B. Yeager, New York: New York University Press. Originally published in German in 1919 as *Nation, Staat, und Wirtschaft*.

'Economic calculation in the socialist commonwealth' (1935), trans. S. Adler, reprinted in F. A. Hayek, *Collectivist Economic Planning*, London: Routledge & Kegan Paul. Originally published in German in 1920

as 'Die Wirtschaftsrechnung im Sozialistischen Gemeinwesen'.

Socialism: An Economic and Sociological Analysis (1936), trans. J. Kahane, London: Jonathan Cape. Originally published in German in 1922 as *Die Gemeinwirtschaft: Untersuchungen über den Sozialismus*.

Liberalism or The Free and Prosperous Commonwealth: An Exposition of the Ideas of Classical Liberalism (1962), trans. Ralph Raico, Princeton, NJ: D. Van Nostrand. Originally published in German in 1927 as *Liberalismus*.

Monetary Stabilization and Cyclical Policy (1978), trans. Bettina Bien Greaves, Dobbs Ferry, NY: Free Market Books. Originally published in German in 1928 as *Geldwertstabilisierung und Konjunkturpolitik*.

A Critique of Interventionism (1977), trans. Hans F. Sennholz, New Rochelle, NY: Arlington House. Originally published in 1929 as *Kritik des Interventionismus*.

Epistemological Problems of Economics (1960), trans. George Reisman, Princeton, NJ: D. Van Nostrand. Originally published in German in 1933 as *Grundprobleme der Nationalökonomie: Untersuchungen über Verfahren, Aufgaben, und Inhalt der Wirtschafts und Gesellschaftslehre*.

Interventionism: An Economic Analysis (1998), trans. Bettina Bien Greaves, Irvington-on-Hudson, NY: Foundation for Economic Education. Excerpted from an original publication in German in 1940, *Nationalökonomie: Theorie des Handelns und Wirtschaftens*.

Một số trích đoạn nổi tiếng...

- Omnipotent Government: The Rise of the Total State and Total War* (1944), New Haven, CT: Yale University Press.
- Bureaucracy* (1944), New Haven, CT: Yale University Press.
- 'Planning for freedom' (1945), in *Economic Planning*, New York: Dynamic America. Reprinted in *Planning for Freedom, and Other Essays and Addresses* (1952), South Holland, IL: Libertarian Press.
- Planned Chaos* (1947), Irvington-on-Hudson, NY: Foundation for Economic Education.
- Human Action: A Treatise on Economics* (1949), New Haven, CT: Yale University Press.
- The Anti-Capitalistic Mentality* (1956), Princeton, NJ: D. Van Nostrand.
- Theory and History: An Interpretation of Social and Economic Evolution* (1957), New Haven, CT: Yale University Press.
- The Ultimate Foundation of Economic Science: An Essay on Method* (1962), Princeton, NJ: D. Van Nostrand.
- The Historical Setting of the Austrian School of Economics* (1969), New Rochelle, NY: Arlington House.
- Notes and Recollections* (1978), South Holland, IL: Liberation Press.
- On the Manipulation of Money and Credit* (1978), trans. Bettina Bien Greaves, Dobbs Ferry, NY: Free Market Books.
- Economic Policy: Thoughts for Today and Tomorrow* (1979), Chicago, IL: Regnery Gateway (A collection of lectures given by Mises in South America in 1958.)

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

53 Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

ĐT: (84-4) 3944 7279 - (84-4) 3945 4661 | Fax: (84-4) 3945 4660

E-mail: lienhe@nxbtrithuc.com.vn

Website: www.nxbtrithuc.com.vn

www.nxbtrithuc.vn

Eamonn Butler

Ludwig von Mises – *Lược khảo*

Phạm Nguyên Trường *dịch*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

CHU HẢO

Biên tập: VŨ THU HẰNG
NGUYỄN ANH QUÂN
Bìa: TRẦN THỊ TUYẾT
Trình bày: NGUYỄN NGUYỆT LINH

In 3.000 bản, khổ 12 x 20 cm

Tại Nhà in Tổng cục Hậu cần.

Giấy đăng ký KHXB số 2166-2014/CXB/1-37/TrT.

Quyết định xuất bản số 105/QĐ-NXB TrT ngày 23/12/2014.

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2014.